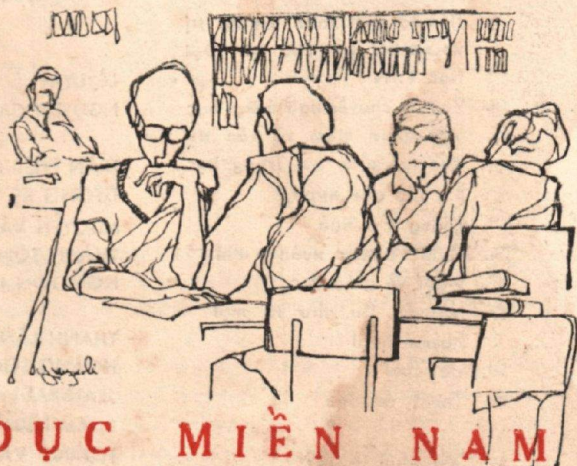


Văn HỌC

BIÊN KHẢO VĂN HÓA NGHỆ THUẬT XÃ HỘI CHÍNH TRỊ



mười năm

GIÁO DỤC MIỀN NAM

- MỘT QUAN NIỆM VỀ GIÁO DỤC — DƯƠNG KIẾN
- ★ NHẬN XÉT VỀ NỀN HỌC CHÍNH Ở V. N. — TRẦN VĂN TOÀN
- ★ VĂN ĐỀ CHUYÊN NGỮ Ở ĐẠI HỌC — NGUYỄN CAO HÁCH
- ★ MỘT QUAN NIỆM VỀ VĂN ĐỀ
- ĐÀO TẠO GIÁO SƯ TRUNG HỌC — TRẦN TRIỆU LUẬT
- ★ TIẾN TỚI MỘT KHOA CHÍNH TRỊ VÀ XÃ HỘI HỌC CHO NỀN ĐẠI HỌC V. N. — LÊ LINH
- ★ NGHĨ VỀ GIÁO DỤC — NGÔ TÒN LONG
- ★ NGUYỄN DU... — THANH LĂNG
- ★ THI SĨ DA ĐEN — JEAN-PAUL SARTRE
- ★ VẬT CHẤT LÀ GÌ? — HOÀNG VĂN ĐỨC
- ★ SÁNG TÁC VĂN NGHỆ CỦA: GRAHAM GREENE — DƯƠNG
- IGHIÊM MẬU — DUYÊN ANH — BÙI NGỌC DUNG — HOÀNG LỘC — LÊ VĂN
- PHONG — ILYA EHRENBURG — THÀNH TÔN — NGUYỄN NHỎ NHƯƠN
- ĐỌC VÀO ĐỜI CỦA HÀ MINH TUÂN (Hà Nội) — SÔNG THAI

nội dung số này

- | | |
|---|--------------------|
| 1. Một quan niệm về giáo dục | DƯƠNG KIẾN |
| 9. Nhận xét về nền học chính ở Việt Nam | TRẦN VĂN TOÀN |
| 5. Tiến tới một khoa chính trị và xã hội học cho nền Đại Học V. N | LÊ LINH |
| 10. Vấn đề chuyển ngữ ở Đại học | NGUYỄN CAO HÁCH |
| 17. Một quan niệm về vấn đề đào tạo giáo sư Trung học | TRẦN TRIỆU LUẬT |
| 32. Bài cho quê hương | TƯƠNG KẾ TƯỜNG |
| 33. Tháng 2 ở Huế | NGUYỄN VĂN BỒN |
| 35. Nghĩ về mùa xuân Á Phi | THÀNH TÔN |
| 37. Nghĩ về giáo dục | NGÔ TÔN LONG |
| 47. Nguyễn Du như là một huyền thoại | THANH LÃNG |
| 59. Hồi cuối | HOÀNG LỘC |
| 60. Thi sĩ da đen | JEAN-PAUL SARTRE; |
| 61. Vật chất là gì ? | PHẠM HƯNG dịch |
| 67. Dị | HOÀNG VĂN ĐỨC |
| 72. Tâm sự buổi sáng | ILYA EHRENBORG; |
| 73. Những người mới tới... | LÊ VĨNH THỌ dịch |
| 75. Tháng ngày lạ mặt | NGUYỄN NHO NHƯƠN |
| 81. Nói với con trai | LAN SƠN ĐÀI |
| 83. Người Mỹ trầm lặng | DƯƠNG NGHIỆM MẬU |
| 87. Vào đời của Hà Minh Tuấn cơ sở xuất bản Văn nghệ Hà Nội 1963 | LÊ VĂN PHONG |
| 97. Chân trời văn học | GRAHAM GREENE; |
| | BÙI NGỌC DUNG dịch |
| | SÔNG THAI đọc |
| | DUYỄN ANH |
| | BÙI NGỌC DUNG |
| | TRẦN LIÊN CHI |

Thư từ, bài vở, tiền bạc, ngân phiếu, xin đề :

PHAN KIM-THỊNH

61, đường Lê văn Duyệt 61, Saigon — Đ.T. : 23.622

MỘT QUAN NIỆM VỀ GIÁO DỤC

Vì mọi vấn đề đều là vấn đề của con người, giải quyết bởi khả năng tri tuệ của con người. Nếu trong tương lai, khi thế hệ này kế tiếp thế hệ khác, nhưng khả năng tri tuệ không tăng tiến, thì mọi cơ hội ngoại lai cải tạo xã hội đều là vô ích.

Nếu tình trạng hiện tại làm ngợp mắt chúng ta, làm chúng ta quên lo liệu sửa soạn cho lớp người này thay thế lớp người khác, là chúng ta đã sẵn sàng chấp thuận sự thoái hóa và giết chết mọi hy vọng. Mà những tâm hồn cần cỗi, không hướng nhìn về tương lai với nhiều tin tưởng, sẽ không thể đủ sức sống và nỗ lực hoạt động, dù chỉ cho hiện tại. Vì vậy, song song với những biện pháp cấp thời, chúng ta cũng không có quyền quên những biện pháp trường cửu.

Cấp thời chúng ta phải chống Cộng, văn hời an ninh, ổn định và phát triển kinh tế.

Nhưng chúng ta không chống Cộng một trăm năm nữa, phải đến lúc chúng ta giải quyết cuộc chiến tranh hiện tại. Từ trên 20 năm nay, cơ cấu xã hội chúng ta là cơ cấu một xã hội chiến tranh, nhưng trong 20 năm nữa, chúng ta phải tổ chức xã hội trong hòa bình. Con người hôm nay, dù là một con người hoàn hảo, cũng không phải là con người của 20 năm nữa. Nhưng con người 20 năm nữa lại là sản phẩm của chế độ giáo dục tổ chức tự lúc này.

Chúng ta không ai vượt được thời gian, vì vậy mơ ước biến cải một xã hội từ tình trạng lạc hậu tới một xã hội tối hảo không thể tính năm tính tháng, mà phải tính hàng thế hệ. Mỗi thế hệ không được đào tạo chu đáo, chúng ta mất từ 10 đến 20 năm tiến bộ.

Nhưng muốn tiến thẳng về tương lai chúng ta hãy đề một chút thì giờ nhìn về quá khứ.

Từ mười năm nay, người Pháp rút lui hẳn khỏi Việt Nam, trong các cơ sở giáo dục không còn bóng những cán bộ được gửi từ mẫu quốc sang. Nhưng có phải vì thế mà chúng ta hoàn độc lập trong phạm vi giáo dục hay chưa?

Có lẽ câu trả lời là : chưa. Chưa vì các cán bộ giáo dục của chúng ta được huấn luyện trong hệ thống giáo dục của người Pháp, mà người Pháp không huấn luyện dân bản xứ trong mục đích khai hóa như họ vẫn thường biện minh cho cuộc xâm lăng bằng bạo lực, thống trị và bóc lột các thuộc địa. Họ chỉ huấn luyện người dân bản xứ thành những công chức thừa hành, vừa đủ cho nhu cầu cai trị địa phương, cai trị một cách thiếu lương hảo và hoàn toàn phản bội quyền lợi của dân tộc bị trị.

Sau khi thu hồi độc lập lớp công chức hạ cấp trong guồng máy cai trị bất lương ấy, leo lên địa vị lãnh đạo, những căn bã cũ trở nên nồng cốt mới. Người Pháp không còn nhưng tinh thần nô lệ vẫn còn, nô lệ tới trình độ những gì chính người Pháp cho là lạc hậu và đã sửa đổi, được áp dụng ở thuộc địa cũ một cách hãnh diện.

Đó là khuyết điểm thứ nhất trong hệ thống giáo dục hiện tại, khuyết điểm về lãnh đạo.

Từ khuyết điểm này đẻ ra cái khuyết điểm khác: quan niệm về vai trò giáo dục, tổ chức các cơ sở giáo dục, huấn luyện và xử dụng các cán bộ giáo dục phối hợp chương trình giáo dục với các ngành sinh hoạt khác của quốc gia.

Trong quan niệm về vai trò của giáo dục, người ta vẫn chỉ cho rằng quốc gia chỉ có bổn phận cung cấp cho thanh niên một mớ những sự hiểu biết hoặc tổng quát, hoặc chuyên môn. Quốc gia hàng năm dành một phần ngân sách duy trì các trường sở, trả lương giáo sư, tổ chức thi cử... để cuối năm phát ra một số bằng cấp để chứng nhận một số cá nhân đã được thử thách sự kiên nhẫn và trí tuệ (t. a. ...).
 (mười ...)
 (mười ...)
 (mười ...)

Giáo dục học dường như vậy thật là giản dị và người lãnh đạo giáo dục chỉ làm nhiệm vụ hành chánh thông thường mà bất cứ một công chức cần mẫn nào cũng có thể làm một cách hoàn hảo.

Nhưng dĩ nhiên đó không phải là một quan niệm giáo dục tiến bộ

Chúng ta biết rằng bản năng thiết yếu và tự nhiên của con người là bản năng tập hợp thành xã hội. Bản năng ấy tự bản chất của nó là một bản năng vị kỷ: người ta muốn nương tựa vào nhau để giúp cho đời sống cá nhân thêm dễ dàng và đạt được hạnh phúc tối đa. Nhưng từ ý chí vị kỷ ấy, người ta lại thực hiện được một phương thức xã kỷ: biết

hạn chế một phần quyền lợi và tham vọng cá nhân để duy trì cộng đồng. Người ta chỉ có thể sống với nhau khi có một tinh thần tập thể không ít thì nhiều.

Con người ở biên giới ấy, nhưng khuynh hướng tự nhiên luôn luôn hướng về sự tìm kiếm những lợi lộc vị kỷ và hạn chế sự hy sinh cho đời sống xã hội. Vì thế khi tinh thần tập thể thấp kém, xã hội khó lòng thực hiện được những sự lợi ích chung, xã hội ấy chưa đủ trình độ ấy để phát huy tự do và dân chủ. Quan niệm tự do tuyệt đối chỉ có trong những suy tưởng triết học, quan niệm dân chủ cực đoan chỉ có trong những mơ tưởng thuyết lý.

Trong một xã hội mà con người là một động vật có khả năng tri tuệ, người ta chỉ có thể có tự do khi thỏa mãn hai điều kiện: có ý chí sống tự do và biết tôn trọng tự do của người khác.

Hai điều kiện ấy giới hạn lẫn nhau: người ta có ý chí sống tự do nhưng ý chí ấy không thể xâm phạm tự do của người khác. Pháp luật là sự cụ thể hóa giới hạn của tự do cá nhân. Chúng ta có đủ tự do để sáng tạo nghệ thuật, tự do ngôn luận nhưng không có quyền phôi bày đời tư của người khác trên mặt báo, nếu không chúng ta sẽ bị trừng phạt về tội công khai mại lỵ.

Nhưng luật pháp chỉ là những biện pháp dự phòng có tính cách ngăn cấm và chế tài các sự vi phạm. Nhưng trật tự của pháp luật không phải là một trật tự lý tưởng, nó phải cầu cứu tới sự đe dọa và lòng sợ hãi của con người mà như thế, nói cho cùng, nó cũng một phần nào vi phạm ý chí tự do. Điều kiện lý tưởng để vừa phát huy tự do cá nhân vừa bảo vệ xã hội là tinh thần tập thể của các phần tử hợp thành xã hội ấy.

Đó là bổn phận của giáo dục.

Vấn đề cá nhân có thể tự mình ý thức bổn phận xã hội, nhưng đó là trường hợp ngoại lệ, nhất là trong đà tiến hóa vật chất mãnh liệt hiện nay.

Lý luận tổng quát ấy đúng cho mọi xã hội: nó còn đúng hơn trong trường hợp riêng biệt của xã hội Việt Nam. Trước thời kỳ Pháp thuộc, đơn vị căn bản của xã hội Việt Nam là gia đình và thôn xã, tinh thần quốc gia và tinh thần xã hội lu mờ trước sự tự vệ cứng rắn của các đơn vị nhỏ ấy (trừ một vài ngoại lệ nhất là trong các giai đoạn chống xâm lăng). Trong thời kỳ Pháp thuộc, cái đơn vị ấy tan rã, tinh thần quốc gia được phát huy để chống xâm lăng chứ không phải để tổ chức một đời sống xã hội nhịp nhàng và tiến bộ. Thêm vào đấy những biến chuyển lịch sử khốc liệt càng làm suy giảm lòng tin tưởng và ý chí chung. Vì vậy có thể nói tinh thần tập thể của xã hội chúng ta ở một mức độ thấp kém nhất.

Chính sách giáo dục của người Pháp chẳng những không hề sửa chữa hiện tượng phân tán, trái lại nó còn nhằm khuyến khích tinh thần cá nhân vị kỷ, chia rẽ đẳng cấp này với đẳng cấp khác, tạo nên sự phân tranh quyền lợi giữa các người bản xứ. Quy chế công chức, qui chế nghề nghiệp, tổ chức thôn xã... người Pháp để lại chứng minh điều đó. Những người hấp thụ văn hóa Pháp tôn sùng cá nhân được người Pháp nâng đỡ để vượt lên trên xã hội tri tri và lạc hậu, có ảo tưởng trí thức và dẫn đạo xã hội, nhưng thật ra là một nhóm nhỏ bơ vơ, khả năng trí tuệ của họ chỉ giúp họ tăng tiến địa vị cá nhân, đào sâu thêm hố xa cách với đám đông quần chúng.

Điều đó không ra ngoài chính sách cai trị thuộc địa của người Pháp. Cả những người làm văn hóa, có khả năng thông cảm hòa đồng tinh tế nhất, cũng mắc vào cạm bẫy ấy. Thời kỳ thi ca lãng mạn 1930-1945 kéo dài có ảnh hưởng cho tới ngày nay đã giúp người Pháp cổ vũ chủ nghĩa cá nhân. Các thi sĩ của khuynh hướng thi ca ấy chắc chắn đã rung động thành thật khi họ sáng tác, nhưng những rung động ấy là sự thăng hoa của sự xâm nhập văn hóa Pháp, tôn sùng đời sống tinh cảm và cá nhân, trong khi tâm hồn thi sĩ không tìm ra lối thoát trong truyền thống dân tộc cũng như tổng hợp thỏa mãn tinh cảm và lý trí.

Công việc đã phá gia đình và hủ tục của nhóm Tự Lực Văn Đoàn tuy đẹp đẽ nhưng thiếu sót, nó giải phóng cá nhân nhưng sau khi được giải phóng, cá nhân trở nên bơ vơ.

Kết luận: xã hội VN chưa đủ trưởng thành; hiểu theo nghĩa chưa gây dựng được tinh thần tập thể, là một yếu tố điều chỉnh quyền lợi người ta nhân danh tự do để buông thả sự phóng túng. Từ phóng túng đến rối loạn, từ rối loạn đến độc tài: đó là những bước đường thật ngắn.

Giáo dục có bổn phận sửa chữa nhược điểm xã hội ấy.

Nhưng hệ thống giáo dục của chúng ta từ trước tới nay đã không bao giờ đặt vấn đề ấy. Hệ thống ấy mô phỏng nền giáo dục Pháp, đào tạo những con người tri thức bao quát, con người ấy trong một xã hội ổn định và tiến bộ, dễ gia nhập và thích ứng với mọi ngành hoạt động. Công cuộc huấn luyện dân chủ cũng đã thành một nền nếp trong mọi khu vực vì vậy bổn phận của học đường được giản dị hóa vào mục tiêu huấn luyện chuyên môn.

Nhưng đem hệ thống giáo dục ấy vào hoàn cảnh của một xã hội chiến tranh và chậm tiến như ở Việt Nam là một việc làm phù phiếm và xa xỉ. Phải nhận chân rằng đại đa số thanh niên được theo học phải dừng lại ở trình độ Trung học Phổ Thông hay Tú Tài. Những thanh niên ấy không trở nên chuyên viên mà cũng không chịu nhận những

Công việc tay chân, họ ở tình thế «chân không đến đất cật không đến trời». Những kiến thức thụ nhận một cách dờ dằng đã làm họ nhận định sai lạc vị trí xã hội, tôn sùng chủ nghĩa cá nhân, bất mãn vì có cảm tưởng bị bạc đãi.

Chỉ nhằm mục tiêu huấn luyện chuyên môn, học đường không đóng vai trò một xã hội thu hẹp; trong đó học sinh phải sinh hoạt chung với đồng bạn, có trách nhiệm tinh thần trong các vấn đề của trường hay của lớp. Học sinh đến trường chỉ để tuân chịu một thứ kỷ luật máy móc và luôn luôn sợ hãi sự trừng phạt, học sinh thu mình lại để tự vệ sẵn sàng trút trách nhiệm hay đổ lỗi cho người khác. Sự lười và lẩn trốn, đó là những tình cảm đầu tiên đưa tới thói quen vị kỷ. Ở mẫu giáo và Tiểu học, học đường là một thứ tù ngục của tuổi trẻ. Ở Trung học và Đại học bắt đầu bị cám dỗ trước những mãnh lực vật chất, học đường là nơi tuổi trẻ ước mơ một cách tiến trong một thân kém phần sạch.

Từ một học sinh hay sinh viên vị kỷ tới một công dân vị kỷ, con đường thật ngắn.

Trong hoàn cảnh chung của một Đông Phương phẳng lặng hàng mấy chục thế kỷ, xã hội VN là kiểu mẫu một «xã hội già», con người VN là kiểu mẫu một con người trầm tư, hướng nội. Cộng vào đấy giáo dục Tây Phương tạo thêm kiểu mẫu cá nhân vị kỷ. Đứng trên bình diện văn minh, phán đoán giá trị qua những sinh hoạt tâm linh, những kiểu mẫu ấy có thể là một điều đáng tự hào. Nhưng để tổ chức một xã hội tiến bộ và an lạc thì những giá trị tâm linh ấy là một trở ngại lớn lao. Trong lúc này chúng ta khao khát tự do dân chủ, sự tự do dân chủ trong ý thức về tương quan hữu lý giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với xã hội thì niềm kiêu hãnh ấy phải nhường bước cho những đòi hỏi thiết thực, trong nhận định đứng đắn về quá khứ và giác ngộ về tương lai.

Nghĩa là phải hy sinh một nền giáo dục tổng quan, nghĩa là phải quan niệm giáo dục như một phương tiện thực hiện tự do dân chủ trong một xã hội an lạc, bằng sự huấn luyện tinh thần tập thể từ trình độ mẫu giáo tới đại học, từ em bé 5 tuổi tới thanh niên đủ sức gia nhập cộng đồng.

Nền giáo dục mới phải phá vỡ cái vỏ bọc cứng mỗi con người mỗi gia đình, mỗi bè nhóm, mỗi đẳng cấp... Mỗi cơ sở giáo dục phải là một trung tâm thúc đẩy nhịp tiến bộ, nó lôi cuốn xã hội tri tri chung quanh nó vào những công trình sáng tạo, khai phá, nó sản xuất nhiên liệu làm chuyển vận động cơ trong guồng máy quốc gia.

Một quan niệm giáo dục phụ vậy bất chấp những biến cố chính trị bất chấp những mưu toan phản bội tự do. Mọi thủ đoạn cá nhân hay đảng phái thiết lập chế độ độc tài chỉ có thể thành công nhất thời.

Xã hội, theo đà giáo dục, trưởng thành sẽ không còn chỗ dung túng những kẻ hoạt đầu. Xã hội tiến hóa sẽ bỏ rơi những phần tử thoái hóa, mà lúc đó chắc chắn chỉ là thiểu số.

Kinh nghiệm đó đã thành một định luật cho nhiều quốc gia trên thế giới dù các quốc gia ấy khác biệt nhau về chủng tộc, về ngôn ngữ về tôn giáo... Các quốc gia ấy tương đồng ở một điểm: mỗi cá nhân lãnh mệnh giữ một vị trí hữu ích trong xã hội như những tế bào trong một cơ thể sống. Cơ thể có khả năng kháng cự sự xâm nhập của vi trùng nhờ sự phối hợp của các tế bào tạo thành các cơ quan, các cơ quan tạo thành một nhịp sống. Cá nhân hay tế bào không lãnh mệnh, xã hội hay cơ thể sẽ suy yếu và tự hủy.

Dân chủ không phải là một món quà của thượng đế; nó là nỗ lực của con người nỗ lực giáo dục và gây dựng một truyền thống dân chủ.

Mỗi quốc gia có thể lựa chọn một phương tiện giáo dục dân chủ khác nhau. Đối với Việt Nam, phương tiện hữu hiệu nhất có lẽ là học đường.

Trong chính sách giáo dục mới, mục tiêu đó phải được dành quyền ưu tiên. Phải loại trừ sự ám ảnh trong đầu óc của các nhà giáo dục câu cách ngôn độc tôn «điên học lễ, hậu học văn».

Các em bé đến trường đầu tiên phải học cách chung sống với người khác, đó không phải là cách sống trong gia đình đã có sẵn một thứ trật tự và uy quyền tự nhiên. Các em phải được học cách giải quyết các vấn đề chung, phân công trong công việc chung. Phải làm sao cho các em mới tới trường đã ý thức — dù là ý thức máy móc — rằng không chịu hòa mình với kẻ khác là một sự thiệt thòi lớn và không có sự trừng phạt nào đáng sợ hơn là sự bị bỏ rơi.

Người nhúng sỏi trong định nghĩa giáo dục, người ta còn lãng quên mục đích thực sự của giáo dục trong giai đoạn hiện thời. Thật vậy, người ta chưa ý thức hay chưa muốn ý thức rằng vấn đề giáo dục nằm trong vấn đề thanh niên, vấn đề thanh niên nằm trong vấn đề xử dụng nhân sự để đáp ứng các nhu cầu bình định, khai hóa và phát triển quốc gia. Giới hữu trách đã không móc nối, phối hợp các vấn đề ấy trong một chương trình thống nhất. Vì vậy các cố gắng lẻ tẻ đều vô ích. Ngành giáo dục sản xuất một loạt thanh niên trí thức dở dang họ đương nhiên gia nhập thành phần dân số hoạt động nhưng thực sự họ là những đơn vị khiếm dụng.

Ngoài khía cạnh kinh tế của vấn đề, một nền « giáo dục bơ vơ » còn phương hại đến nhiều thế hệ thanh niên liên tiếp. Nó là nguồn gốc những mắc cở giữa thanh niên thành thị và nông thôn ; thủ phạm gây tinh thần bạc nhược, cầu an và ỷ lại ; nếp sống vô trách nhiệm, thường xuyên bất mãn ; những hiện tượng đảo lộn trật tự xã hội như thiếu nhi phạm pháp và thanh niên du đãng.

Đừng nói đến những lý tưởng cao quý trong lúc này nếu chưa đủ can đảm đánh bật gốc nền tảng giáo dục cũ, xây một truyền thống giáo dục mới trong đó giáo dục không chỉ thuần túy truyền bá sách vở và cấp phát bằng cấp.

Giáo dục phải gắn liền với vấn đề huấn luyện thanh niên để sẵn sàng trở nên các cán bộ trong cuộc chiến tranh toàn diện chống lại áp lực của cả một khối Cộng vĩ đại. Mỗi học đường phải là một trung tâm đào tạo những người thanh niên cấp tiến, yêu mến dân chủ và tự do như yêu mến sinh mạng của chính mình. Họ sẽ được vũ trang tinh thần để lặn lội vào tận những vùng sinh lầy hẻo lánh để truyền bá ánh sáng của tư tưởng và khoa học. Quốc gia chúng ta có một nhu cầu có thể mệnh danh là « nhu cầu văn minh hóa » mà từ trước tới nay người ta đã lãng quên. Thanh niên sẽ là những cán bộ văn minh hóa xứ sở. Với một trình độ dân trí cao hơn, nhất định đó là một yếu tố vô cùng thuận tiện cho mọi chương trình phát triển.

DƯƠNG-KIẾN

NHẬN XÉT VỀ

NỀN HỌC CHÍNH Ở VIỆT-NAM

TRẦN VĂN TOÀN

Cách đây hai năm, một tờ báo tại thủ đô Saigon có cho đăng một hình vẽ khôi hài : một cái cổng trên có đề mấy chữ : « Bộ quốc gia vô giáo dục ». Xét ra cũng hơi quá ác, nhưng thiết tưởng nếu hình đó là một dịp làm cho chúng ta đặt lại vấn đề giáo dục, thì cũng không đến nỗi vô ích lắm. Thực vậy, nếu hiểu giáo dục là dạy dỗ để cho phát triển con người toàn diện — trong đó có vấn đề đức dục — thì có thể nói nước ta không có bộ giáo dục mà chỉ có nha học chính.

Như thế đã là một khiếm khuyết, nhưng có thật là nước ta có một chính sách, một chương trình về trí-dục cho thanh thiếu niên hay không. Thú thực là tôi không biết, vì chưa bao giờ tôi được nhìn vào những chương trình vĩ đại của những người đang sửa soạn tương lai cho nước ta. Tôi cũng chưa bao giờ dạy tiểu học hay trung học. Tôi có dạy ở Đại học năm năm, nhưng vị trí của tôi không phải là ở Đại học Việt Nam, vì bộ giáo dục chỉ nhận bằng cấp của nước Pháp nước Mỹ thôi. Sau mấy năm cố gắng, tôi xin ghi lại mấy nhận xét về nền học chính của ta.



Đa số sinh viên mà tôi được biết đều không còn giữ được một kỷ niệm tốt về trường trung học. Họ hay dùng chữ «thằng» mà ít khi dùng chữ «ông» khi nói về giáo sư cũ của họ. Đã đành là phải trọng kẻ sĩ theo như trật tự sĩ nông công thương, nhưng ở nước ta, ai mà không biết rằng chữ sĩ bây giờ cũng gần như đồng nghĩa với chữ thương. Ở các nước tân tiến, mở trường trung học

là một việc tốn phí. Trái lại ở nước ta, học sinh đều biết rằng mở trường tự cũng là một nghề như mở tiệm buôn. Dạy học là buôn chữ, vốn ít mà lãi nhiều, nhiều không kém gì làm chính trị. Có những vị giáo sư dạy đủ các thứ trường công, tư, trung, đại học. Thật là vất vả : 40 giờ một tuần không phải là hiếm. Dĩ nhiên trong trường hợp đó rất ít vị còn tìm ra thì giờ để chữa bài làm của học trò. Cái học thành ra cái học thuộc lòng, nhồi sọ. Kể cũng là khá trung thành với cái truyền thống học «chi hồ giả dã» của bốn ngàn năm văn hiến. Học sinh không học suy nghĩ lấy cho mình và cũng ít ai tập cho họ biết diễn tả tư tưởng cho lý sự, khúc chiết. Một bằng chứng là ở nước ta có nhiều sách in vô số các bài luận về văn chương, về triết học, tiếng là để làm bài mẫu cho học sinh, nhưng kỳ thực là để học thuộc lòng, khỏi tốn công suy nghĩ. Đã có người khuyên tôi viết sách loại đó, vì «ăn tiền» lắm. Nhưng tôi không có tài và cũng không muốn có có tài làm nghề ấy. Văn biết, theo truyền thống của ta thì «nhất tự vi sư, bán tự vi sư», nhưng làm thế nào học sinh còn có thể kính nể ông thầy khi nhận thấy ông thầy chỉ là một con buôn trá hình.

Về nội dung của chương trình trung học thì người nước ta rất hãnh diện về cái bằng tú tài mà ta cho là tương đương với nước Pháp, và vì thế cao vào hạp nhất thế giới. Bộ giáo dục hẳn cũng nghĩ như thế, cho nên đã có một lập trường rất đáng khen là chỉ dùng những người có bằng cấp do nước Pháp cấp, để cho học lực khác trên thế giới ngoài nước Pháp (!). Tuy vậy đó chỉ là một thái độ chủ quan : chương trình của ta lấy lại một chương trình cũ của nước Pháp, ấy thế mà lối dạy học lại không giúp cho học trò biết suy nghĩ một cách tự lập như lối học bên Pháp. Thi đã đành là nhất

Tôi cũng chẳng cần quan niệm «nhất mẹ nh

Lối thi cử của ta thì báo chí đã đề cập nhiều lần. Nào là giám khảo có thể bị mua chuộc hay là bị đe dọa, nào là giám khảo chấm bài quá vội. Tôi không dám nói tổng quát, nhưng tôi đã gặp những trường hợp tương tự. Ở Huế, có những ông lớn — lớn từ thời ông Diệm cho đến thời nay — lúc bình thường thì rất đạo mạo, đáng làm đại diện cho «toàn thể nhân dân», thế mà lúc thi cử cũng tìm đến gặp giám khảo để xin xỏ cho con, cho vợ thi đỗ. Tôi biết

tôi không phải là giám khảo độc nhất được các bậc cao khiết chiếu cố như thế. Tôi đã được nghe một ông khoa trường kể lại một cách rất hãnh diện là ông đã bị (nạn nhân!) bó buộc phải cho người nọ người kia đỗ, trong thời ông Diệm. Về việc chấm bài quá mau thì nhiều người biết. Nhưng hình như là bộ giáo dục bắt giám khảo phải làm việc mau để tiết kiệm thì giờ, chứ không phải là vì một số giám khảo muốn kiếm tiền thù lao. Kết quả là học sinh có thể *trượt oan* và cũng rất dăm *đỗ oan*. Ấy là không nói đến một vài địa phương được tiếng là lạm phát bằng cấp.

Có người nghĩ: phải cho đỡ ít đi thi bằng cấp mới có giá trị. Thiết tưởng không phải. Với lối học ấy, lối chấm thi ấy, thi đỗ ít hay đỗ nhiều, lực học cũng vẫn thế thôi.



Lên đến đại học, người sinh viên có thể mang theo tất cả cái vốn liếng văn hóa trên đây, trình độ đại học tất nhiên phải hạ xuống.

Vì chưa quen suy nghĩ lấy cho mình, người sinh viên thường thích những giáo sư dạy học theo lối ám tả «dictée annamite»: có thể mới ghi được từ cái chấm cái phẩy của những lời vàng ngọc của giáo sư, đề rồi lại học thuộc lòng như đã quen. Nhiều giáo sư xem ra cũng chiều ý sinh viên. Không hiểu là vô tình hay hữu ý.

Về trình độ đại học, thiết tưởng Bộ giáo dục chưa thành công. Muốn bắt chước nước Pháp và nước Mỹ, dĩ nhiên phải sa thải những người không có bằng cấp do hai nước đó phát. Nhưng như thế chưa đủ. Nhiều người Pháp mà chúng ta dùng làm giáo sư đại học, thực ra chỉ đủ lực để dạy trung học ở bên Pháp mà thôi. Ấy là không nói đến việc những người Pháp thuộc loại đó dạy vô số giờ ở đủ các trường, và mỗi tháng có thể kiếm tới mười vạn đồng về giờ phụ trội. Phải là những người thông minh một cách kinh khủng mới có thể giữ cho chương trình tương đương được với các đại học bên Pháp. Ta thiếu giáo sư có đủ bằng cấp để phụ trách một đại học cho từ tế, nhưng ta có tới 4 đại học. Đã trót bày ra như thế, ta chỉ còn hai giải pháp: một là đề những giáo sư có đủ lực dạy nhiều giờ, và như thế thiệt hại cho việc nghiên cứu: đại học không tiến bộ được. Giải pháp thứ hai và dùng bất cứ ai để dạy đại học. Chúng ta đã dùng cả hai giải pháp: một mặt, những

tôi không phải là giám khảo độc nhất được các bậc cao khiết chiếu cố như thế. Tôi đã được nghe một ông khoa trưởng kể lại một cách rất hãnh diện là ông đã bị (nạn nhân!) bó buộc phải cho người nọ người kia đỗ, trong thời ông Diệm. Về việc chấm bài quá mau thì nhiều người biết. Nhưng hình như là bộ giáo dục bắt giám khảo phải làm việc mau để tiết kiệm thì giờ, chứ không phải là vì một số giám khảo muốn kiếm tiền thù lao. Kết quả là học sinh có thể *trượt oan* và cũng rất dăm *đỗ oan*. Ấy là không nói đến một vài địa phương được tiếng là lạm phát bằng cấp.

Có người nghĩ : phải cho đỗ ít đi thì bằng cấp mới có giá trị. Thiết tưởng không phải. Với lối học ấy, lối chấm thi ấy, thì đỗ ít hay đỗ nhiều, lực học cũng vẫn thế thôi.



Lên đến đại học, người sinh viên có thể mang theo tất cả cái vốn liếng văn hóa trên đây, trình độ đại học tất nhiên phải hạ xuống.

Vì chưa quen suy nghĩ lấy cho mình, người sinh viên thường thích những giáo sư dạy học theo lối ám tả «dictée annamite» : có thể mới ghi được từ cái chấm cái phẩy của những lời vàng ngọc của giáo sư, đề rồi lại học thuộc lòng như đã quen. Nhiều giáo sư xem ra cũng chiều ý sinh viên. Không hiểu là vô tình hay hữu ý.

Về trình độ đại học, thiết tưởng Bộ giáo dục chưa thành công. Muốn bắt chước nước Pháp và nước Mỹ, dĩ nhiên phải sa thải những người không có bằng cấp do hai nước đó phát. Nhưng như thế chưa đủ. Nhiều người Pháp mà chúng ta dùng làm giáo sư đại học, thực ra chỉ đủ lực để dạy trung học ở bên Pháp mà thôi. Ấy là không nói đến việc những người Pháp thuộc loại đó dạy vô số giờ ở đủ các trường, và mỗi tháng có thể kiếm tới mười vạn đồng về giờ phụ trội. Phải là những người thông minh một cách kinh khủng mới có thể giữ cho chương trình tương đương được với các đại học bên Pháp. Ta thiếu giáo sư có đủ bằng cấp để phụ trách một đại học cho tử tế, nhưng ta có tới 4 đại học. Đã trót bày ra như thế, ta chỉ còn hai giải pháp : một là để những giáo sư có đủ lực dạy nhiều giờ, và như thế thiệt hại cho việc nghiên cứu : đại học không tiến bộ được. Giải pháp thứ hai và dùng bất cứ ai để dạy đại học. Chúng ta đã dùng cả hai giải pháp : một mặt, những

thứ cử nhân tự do hay thứ doctorat d'un université, đã cử nhân thì có cử nhân khả năng, hề đã tiến sĩ thì là tiến sĩ có một giá trị đại học.

Chúng ta theo Pháp, cho nên nền học chính cũng rối rắm như thế. Hiện nay về bằng cấp không có tiêu chuẩn ra làm sao cả. Hiện nay những người đi học ở Mỹ về thì cho rằng ở Mỹ là nhất. Người khác cho rằng ở Nhật mới giỏi v.v. Ai không biết quảng cáo cho bằng cấp của mình thì vô giá trị.

Chưa hết. Bằng cấp chỉ là khởi điểm chứ không phải là cái vốn «nhất bản vạn lợi» để giáo sư có thể dưỡng lão suốt đời mà không cần nghiên cứu gì hơn nữa. Đại học chúng ta thiếu nghiên cứu.

Ở Huế đã tránh được cái tệ đoan là câu nệ vào bằng cấp : cho nên có thể nói là ai dạy cũng được. Sau khi ông Diệm đỗ thì Huế có một phong trào dân chủ mà tôi chưa thấy ở Đại học nào cả : tất cả các ông phụ khảo đều có quyền lên tiếng trong hội đồng. Người ta lên tiếng đòi đại học tự trị, tiếng là để tránh việc chính trị hóa đại học. Trên nguyên tắc thì rất hay. Nhưng nếu những người chưa học đủ bậc đại học, lại chưa nhất định dùng đại học vào việc học hỏi nghiên cứu, nếu những người đó nắm đại học và sinh viên trong tay, và được «tự trị», muốn làm gì thì làm thì e rằng «đại học» sẽ không còn là «học đại» — như người ta thường mĩa — nhưng có lẽ sẽ là «học làm to». Đáng lẽ nếu không câu nệ vào bằng cấp thì ít ra cũng phải căn cứ vào tác phẩm nghiên cứu của người dạy học (chứ không phải những tác phẩm văn chương giai đoạn theo lối văn «hịch tướng sĩ»). Đàng này khác. Cuối năm 1963 tôi đã được nghe một sinh viên sư phạm lớn tiếng nói trước mặt một số đồng sinh viên Huế : «Đại học Huế không cần giáo sư có bằng cấp mà chỉ cần giáo sư biết lãnh đạo». Nếu đó không phải là dư luận của số đông thì cũng là ý định của những phần tử hoạt động, mạnh mẽ và ồn ào nhất.

Những khuyết điểm của nền học chính nước ta, ai nấy đều biết cả. Chúng ta không thiếu những người có khả năng. Nhưng cần những người dám mạnh tay sửa đổi mà thôi.

Louvain—Bỉ
TRẦN VĂN TOÀN

TIẾN TỚI MỘT KHOA

CHÍNH TRỊ VÀ XÃ HỘI HỌC

CHO

NỀN ĐẠI HỌC VIỆT NAM

LÊ LINH

Giáo dục là chìa khóa của tiến bộ. Thiếu giáo dục, giáo dục không đúng mức hay không toàn diện, không thể tiến bộ. Giáo dục do đó, hiển nhiên là yếu tố quan trọng nhất cho sự khai triển một xứ sở, một xã hội nói chung và văn hóa nói riêng. Mà muốn tiến bộ, ta phải học hỏi. Vì thế nhiều phân khoa tại các Đại học được mở ra không ngoài mục đích chủ yếu đó, có nghĩa là giúp đào tạo và sản xuất cho xứ sở các chuyên gia có căn bản về các vấn đề thuộc nhiều khu vực sinh hoạt của xã hội.

Trong những năm vừa qua, khi liếc mắt qua đôi số thống kê về giáo dục, ta đã thấy mức tiến triển về sĩ số sinh viên gia tăng tại nhiều phân khoa khác nhau rất đáng kể, và đó là một điều rất đáng tin tưởng.

Tuy nhiên, một khoa học xem như quen thuộc đối với các thể giới tiến bộ, đặc biệt tại Tây phương, đó là Khoa Chính Trị và Xã Hội Học (Political and Social Science), lại còn vắng bóng trong nền Đại học của Việt Nam.

Nói rằng vắng bóng cũng không đúng hẳn, vì trên thực tế, các sinh viên tại các Đại học Luật khoa hay Văn khoa vẫn chưa được dự phần nào các chương trình thuộc khoa chính trị và xã hội học. Tuy nhiên, đó chỉ là những chương trình chấp nối rời rạc và không được hệ thống hóa thành một khoa học đúng mức, đúng với nghĩa thực của nó.

Điều chúng ta cần đề cập và nhấn mạnh ở đây là chúng ta cần phải hệ thống hóa khoa học đó. Vì vắng bóng nó, các sinh viên có khả năng đặc biệt về các vấn đề chính trị và xã hội sẽ không có cơ hội hoặc khung cảnh thích đáng để khai triển nguồn khả năng đó của họ.

Những chương trình chấp nối tại các Đại học Luật Khoa và Văn Khoa và một đôi vấn đề chính trị và xã hội như hiện nay, tất nhiên không thể được coi như một Khoa học.

Trong hiện tại, một sinh viên luật khoa, ngoài việc theo học về luật pháp thuần túy, họ chỉ được học thêm về kinh tế, và đại cương về các vấn đề công pháp quốc tế, lịch sử chính trị thế giới, v.v.. Trong khi đó, một sinh viên văn khoa chỉ có thể ý thức được một đôi khía cạnh của các vấn đề xã hội, như họ chỉ được học đại cương về các vấn đề tâm lý, các vấn đề triết học, các vấn đề nhân chủng học, v.v.. mà thôi. Sự học hỏi thiếu hệ thống hóa như thế sẽ thường chẳng giúp ích lợi cho sinh viên gì hết, nếu có chăng nữa, cũng chẳng giúp ích bao nhiêu. Lý do đơn giản là vì họ không được đi sâu vào vấn đề.

Nếu có một Khoa Chính trị và Xã hội học được tổ chức theo đúng nghĩa của nó, các sinh viên sẽ được học hỏi rất đầy đủ về toàn bộ các vấn đề chính trị và xã hội.

Về phương diện chính trị, các sinh viên sẽ được học hỏi sâu rộng về nhiều vấn đề tại nhiều quốc gia trên thế giới. Như họ sẽ được học hỏi và khảo sát các vấn đề Á châu, vấn đề Phi châu, vấn đề Mỹ châu, vấn đề Âu châu, vấn đề Đại dương, vấn đề Hải đảo, vấn đề màu da, vấn đề chủng tộc, các chế độ chính trị và xã hội trên thế giới, các chính sách đối nội và đối ngoại của các quốc gia hiện đang diễn tiến, vấn đề ý thức hệ tại các thế giới tự do và cộng sản, các biến thiên chính trị trên địa cầu, v.v..

Trong khi đó, về phương diện xã hội, các sinh viên sẽ được học hỏi và khảo sát đầy đủ mọi khía cạnh gai góc của các vấn đề tâm lý những hiện tượng tâm lý và xã hội, thái độ và cảm nghĩ của quần chúng, công luận quần chúng đối với những sự kiện chính trị và xã hội hoặc về đời sống quốc gia đang diễn biến, các vấn đề triết học, các vấn đề thần học, các vấn đề nhân chủng học, các vấn đề tôn giáo, những phức tạp của các vấn đề gia đình và xã hội, v.v..

Xem như trên, ta thấy một sinh viên theo khoa Chính trị và Xã hội học, sau khi tốt nghiệp, đã có một trình độ chính trị và xã hội tương đối vững chắc. Và cho tới khi đó, họ đã có thể ý thức khá đúng mức và đủ khả năng nhìn bao quát lên mọi vấn đề chính trị và xã hội được rồi. Nói như thế không có nghĩa cho rằng họ đã có kinh nghiệm hoặc có nhiều kinh nghiệm về các vấn đề trên đầu, nhưng đầu sao, họ cũng đã đạt được một trình độ căn bản. Rồi từ đó, họ sẽ học hỏi thêm kinh nghiệm ở xã hội ngoài đời.

Đó là những kết quả rất đáng chú ý mà một khoa Chính trị và Xã hội học như thế sẽ đem lại cho các sinh viên có khả năng đặc biệt về các phương diện đó nói riêng, và cho xứ sở nói chung. Nhưng bất hạnh thay, cho tới nay, nền Đại học của ta vẫn còn vắng bóng Khoa học thiết yếu đó.

Không thể kể một số giờ trong một tháng dạy về một đôi trong số những vấn đề chính trị và xã hội mệnh mông tại các trường Luật khoa, Văn khoa mà đã có thể cho rằng các sinh viên đầu sao cũng đã được học hỏi chính trị và xã hội rồi. Vấn đề không đơn giản như thế.

Cũng cần nhấn mạnh ở đây rằng, học hỏi về chính trị và làm chính trị là hai vấn đề khác nhau. Không học hỏi thì làm sao biết hành động? Và học hỏi đâu có nghĩa là hành động?

Chính trị học là một môn học rất cần thiết, vì nó giúp đào tạo các chuyên gia về các vấn đề quốc gia và quốc tế—nói cách khác—về các chính sách đối nội cũng như đối ngoại. Như vậy, nó sẽ đóng vai trò giải phẫu rồi vạch đường cho các chính sách của quốc gia.

Vì chẳng may là một xứ thuộc địa, nên từ hồi xa xưa, thực dân đã cố tìm cách ngăn cản mọi công dân xứ này, bất luận là ai—dầu là một sinh viên đại học hay là một công dân thường—không được học hỏi gì về chính trị; không được quyền bàn tán gì về chính trị; không được tụ họp lại tại bất cứ đâu để nghe những câu chuyện gì có tính cách hoặc thuộc về chính trị. Nhưng ngày nay, xứ này—dầu sao trên lý thuyết—cũng đã là một tân quốc độc lập, và ít năm qua, quần chúng đã quá quen thuộc với những vấn đề chính trị, đặt biệt là những hỗn loạn liên tiếp xảy ra trong xứ. Vì thế, vấn đề chính trị xem như đã nổi liền vào cuộc sống của dân chúng ngày nay, như có ít

nhất trên 30% dân chúng thôn dã và tới 90% dân chúng đô thị đã thường quan tâm đến những vấn đề chính trị, theo dõi những biến chuyển về chính trị xảy ra hàng ngày ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Họ đã bắt đầu bàn tán về chính trị; họ đã bắt đầu tranh luận về các vấn đề quốc gia và cộng sản, dân chủ và độc tài, v.v... Vậy trước đà tiến và sự trưởng thành mau chóng về chính trị của quần chúng nói chung, và giới sinh viên nói riêng, ta cần phải tổ chức những khung cảnh sinh hoạt chính trị thích đáng hợp với yêu cầu của xứ sở và đà tiến của thời đại. Trong khung cảnh đại học, ta phải tiến tới một Khoa học mới cho nền đại học, tức Khoa Chính trị và Xã hội học.

Tại Việt Nam, nhiều người ngây thơ tự nhận hoặc tưởng rằng mình là chính khách hay là chính trị gia, nhưng trên thực tế, họ không có căn bản gì về chính trị, và đôi khi, chẳng hiểu chính trị là gì hết. Xét cho kỹ, họ chỉ là những kẻ đáng thương. Và tất nhiên ta không thể trách gì họ cả : vì họ có được học hỏi về chính trị bao giờ đâu (?). Họ nói đến chính sách này hay chính sách khác, nhưng họ chỉ xoay quanh vòng ngoài vấn đề, mà không biết hoặc không thể biết được thực chất và những khía cạnh gai góc của vấn đề. Hơn thế nữa, từ xưa tới nay, như trên vừa đề cập, toàn thể quần chúng nói chung, đều bị kim hãm trong ý muốn học hỏi, muốn hiểu biết về các vấn đề chính trị.

Nhưng hiện giờ thì hoàn cảnh đã đổi mới, có nghĩa là chúng ta đang có những cơ hội thuận tiện để tổ chức sinh hoạt chính trị. Vậy muốn tạo lập một khung cảnh sinh hoạt chính trị cho xứ sở, ta cần phải tiến tới tức khắc một Quốc Hội, xem đó như một đàm trường để các dân biểu tới đó mà học hỏi và quen thuộc với các vấn đề chính trị. Trong khi đó, một Phân khoa Chính trị và Xã hội học cần được thiết lập tức khắc tại các Đại học trong xứ, như Đại học Cần Thơ, Đại học Saigon, Đại học Đà Lạt, và Đại học Huế, để giúp đào tạo các chuyên gia về các vấn đề quốc gia và quốc tế cho xứ sở.

Trước đà tiến bộ không ngừng của các hệ thống đại học trên khắp thế giới, không thể nào một quốc gia, như Việt Nam, lại có thể vắng bóng một Phân khoa Chính trị và Xã hội học như thế được.

Nếu tại một xứ sở trong đó, không có hoặc thiếu các chuyên gia về các vấn đề quốc gia và quốc tế, làm thế nào các kế hoạch gia chính sách có đủ khả năng buống nổi tầm mắt qua các biên thủy biên thiên của các xã hội bên ngoài; không đủ trình độ giải phẫu được ~~dòng mao những biến chuyển~~ những biến chuyển trong đời sống quốc tế, đặc biệt làm sao xứ sở đó có thể quyết định xác thực được thái độ và chính sách của mình trước những biến chuyển đó, nhất là trong một thế giới đầy biến thiên dòn dập như ngày nay (?). Như khi có chính biến xảy ra tại Kuwait, tại Syria, tại Cyprus, tại Cộng hòa Đô Mi Ních, tại Nam Dương, tại các thế giới Trung Đông, các thế giới Tây phương và Đông phương, các thế giới tự do và cộng sản; và đặc biệt những cơn sốt chính trị thường xuyên xảy ra tại cõi trời Miền Nam Việt Nam này trong những năm qua và vẫn nổi tiếp tới hiện tại, là các chuyên gia về các vấn đề chính sách—nói cách khác—các vấn đề quốc gia và quốc tế, sẽ đem ra giải phẫu thực trạng của vấn đề, rồi có thể nhìn thấy trước được ngay những gì có thể hoặc sẽ xảy ra sau đó mà quyết định thái độ và chính sách đối ngoại của mình...

Đây không phải là một đề tài trong khuôn khổ của một bài báo đơn giản, mà đây là một đề nghị tiến tới việc thiết lập một Phân khoa Chính trị và Xã hội học cho nền Đại học Việt Nam. Vì, như trên đã nói, nó rất cần thiết, đặc biệt đối với sự trưởng thành mau chóng về trình độ chính trị của nhân dân Việt Nam nói chung, và giới sinh viên và học sinh Việt Nam nói riêng.

Vàng bóng nó là một thiếu sót rất lớn trong toàn bộ hệ thống giáo dục của xứ sở.

LÊ-LINH

VẤN ĐỀ CHUYỂN NGỮ Ở ĐẠI HỌC

NGUYỄN CAO HÁCH

Nước Việt Nam là một nước mới độc lập tất không sao tránh khỏi sự khó khăn là trong khi nhu cầu quốc gia quá lớn, khả năng tiến bộ lại quá kém.

Để giải quyết sự trạng bất lợi này, có hai vấn đề chính yếu cần phải thực hiện : việc xây dựng quốc gia và vấn đề tiến triển của dân tộc.

Mục tiêu chung của người quốc gia hiện nay là phải giữ cho lãnh thổ được nguyên vẹn. May mắn thay cho nước ta là có được một lợi khí khá quan trọng để đạt được mục tiêu này, đó là sự đồng nhất của Việt ngữ. Người Việt Nam, dù ở Trung, Nam, Bắc đều nói chung một ngôn ngữ, do đó, đã rất dễ thông cảm nhau. Dưới hình thức giáo dục, tiếng Việt là một phương tiện rất đặc dụng, là mối dây liên lạc rất hữu hiệu.

Việc dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ trong lúc này quả là một cố gắng lớn lao. Việc tìm một môi trường hợp nhất được phương tiện phát ngôn, nhất là trên lãnh vực giáo dục là cả một sự khó khăn và việc lựa chọn bất kỳ một ngôn ngữ nào trong phạm vi giáo dục cũng đều hướng về việc xây dựng quốc gia.

Mọi tiềm lực quốc gia cần phải được phát triển. Một dân tộc rất khó tiến bộ nếu có định kiến «tự túc», chủ trương bế quan tỏa cảng, không tiếp xúc với bên ngoài. Lịch sử đã từng chứng minh rằng nhiều nước áp dụng chính sách «tự túc» như Đức quốc xã, Phát xít Nhật, Trung cộng, là những nước lớn, mạnh hơn nước Việt Nam, đều không bền vững.

Sự thất trận của Phát xít Nhật, Đức quốc Xã là dẫn chứng rõ ràng nhất. Giáo sư nói tiếp: «Nước giàu, mạnh với quan niệm tự túc mà đã thảm bại như vậy thì một nước nghèo, nhỏ, chia rẽ, phân tán làm sao có thể thành công được với quan niệm «tự túc» lỗi thời ấy.

Ngôn ngữ, ví như một chiếc xe chứa kiến thức và văn minh. Muốn đem được nhiều, đi được xa, phải có xe lớn và tốt. Chính ngôn ngữ là một phương tiện quan yếu, liên hệ đến công cuộc phụng sự quốc gia, quyết định sự sống còn, sự tiến triển của dân tộc.

VAI TRÒ NGOẠI NGỮ TRONG NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Thử đặt vấn đề: «Một quốc gia có thể nào tự túc hoàn toàn bằng tiếng mẹ đẻ duy nhất mà vẫn tiến triển được không?

Việc học ngoại ngữ, là cả một vấn đề phản công. Cũng có những lớp đồng bào không cần ngoại ngữ mà vẫn phụng sự được dân tộc như thường. Nhưng cũng phải có một số người cần học ngoại ngữ để hỗ trợ cho việc phụng sự quốc gia càng đắc lực hơn, thí dụ: «Một người thợ mộc hay thợ nề không cần học ngoại ngữ vẫn xây được nhà đẹp như thường. Một người thợ máy, nếu biết thêm chút ít ngoại ngữ khá dĩ hiểu được cách chỉ dẫn xử dụng máy móc chế tạo ở ngoại quốc, dĩ nhiên sẽ có kinh nghiệm mà làm việc được dễ dàng hơn. Nếu những thợ máy này không biết ngoại ngữ thì sẽ có những chuyên viên phiên dịch sách ngoại quốc ra quốc ngữ để hướng dẫn họ. Xem đó, việc học ngoại ngữ quả là vấn đề phản công trong mục tiêu chung: xây dựng quốc gia, phát triển dân tộc.

Trở về hoàn cảnh hiện tại của xứ sở, trong lãnh vực khảo cứu khoa học ở nước ta, có thể nói chúng ta không có gì đáng kể. Đến ngay cả phương diện nghệ thuật, nước ta cũng chỉ góp được một phần nhỏ vào kho tàng văn học nghệ thuật mà thôi. Nếu chúng ta không chịu tiếp nhận ảnh hưởng bên ngoài, chẳng hạn về mặt khoa học, thì chẳng khác nào chúng ta tự chặt chân, tay của chúng ta, làm giảm khả năng tiến bộ của dân tộc. Nếu không chịu học ngoại ngữ để tìm hiểu những sáng kiến, phát minh của nước ngoài thì tức là chúng ta chỉ muốn lùi chứ không muốn tiến. Một nước nghèo và chia rẽ như nước ta, việc sự mãn, tự túc là một điều không nên.

HỌC NGOẠI NGỮ CHỈ LÀ VIỆC ĐƯƠNG NHIÊN

Sở dĩ đại đa số đồng bào có thể không học ngoại ngữ mà vẫn lợi dụng được những tiến bộ của nước ngoài là nhờ trong nước có các chuyên viên chuyên khảo cứu, cộng tác với đủ mọi ngành khoa học kỹ thuật tân tiến trên thế giới để kịp phổ biến và áp dụng những tiến bộ ngữ. đó trong nước. Cũng lưu ý rằng kiến thức chuyên môn của mọi ngành đến một trình độ nào đó rất cần đến sự am tường ngoại

bài cho quê hương

khi hai chân anh đi trên đất cát
quê hương mình trải rộng đến bao xa
lửa đỏ đã nung mặt trời thêm gió mát
đồi xanh chưa cỏ mọc đáng nghi ngờ
ở đó tên mọi đen già bệnh hoạn
lưỡi dao rừng mài dưới đá chưa sâu
cánh tay đã vun ra bằng kiệt lực
thời đất này vàng võ quá em ơi
ngày tháng cứ mọc dài năm nhá nhẩn bên
đâm thủng từng thớ thịt trái tim anh
xác thân đó bây giờ mòn mỏi quá
gót chân dài tương lai gọi cũng mong manh
một tuổi trẻ một già nua một tình yêu kết cuộc
cùng rất nhiều vô vọng em có nghe
em có nhìn được hang sâu lấp kín
anh ôm hoài núi đá trong tay
buổi sáng đó chợt nhìn anh sắp chết
nụ cười tươi hơn tiếng khóc không ngờ
anh vĩnh biệt đôi chân mù đất cát
quê hương mình trải rộng đến bao xa

tháng 2 ở huế

I.

không có gì để cười
không có gì để khóc
làm sao có thể cười khóc với mọi người
khi mỗi ngày ăn ngủ cùng cái chết
chiến tranh quất vào thân thể chúng ta bầm tím
chiến tranh quất vào quê hương chúng ta nghèo đói
anh lớn lên thì sự đã rồi
mọi chuyện đã dần bày hận thù đã tới
tới cùng những cơn mưa nước mắt
tới cùng những giới tuyến những màu cờ
tới cùng lửa cháy tới cùng bom đạn
tới đã hai mươi năm tới từng số phận
như trận dịch tới hôm nay

2.

cho anh ăn nỗi buồn trong mắt mẹ
cho anh liếm vết bầm trên thân thề em
cho anh uống cơn sốt vật vã của cha
cho anh ngăn cái chết của mọi người
khi dịch hạch điên cuồng quơ lưỡi hái
sớm mai nào xác chuột chết đầy đường
em đi học co ro từng dãy phố
sao đang mùa xuân mà cóng lạnh
người ta bảo ăm no sao thân thề chúng ta gầy gò
mỗi sáng hai đồng xôi nuốt nghẹn ngào tức tủi
bây giờ biển gào thét trong lòng em
và rừng khóc trong hồn anh
trời mưa mấy mươi hàng lệ
đất động mấy trăm nghìn thân hình
ôi súng ôi bom ôi dịch hạch
nhưng tháng ngày lăm lăm

3.

gặp nhau hồi bằng hoàng tháng thốt
đã chích chưa đã chích chưa đã chích ngừa dịch hạch chưa?
em sốt ba ngày sau mũi thuốc
anh nằm ba ngày không có miếng cơm
từng đoàn trẻ con kéo dài ngoài phố
những tay áo xen cao
những đôi mắt không hồn dờ dẩn
quê hương mình đó em ơi
sổ phận mình cũng đó em ơi
ôi huế nơi em đã sinh ra đã yêu đã khóc
nơi ta đã ngậm ngùi suốt tuổi thơ ngây
nơi dịch hạch đang cười vui đang nhẩy múa
nơi đàn chuột đang lờn ra chết ngoài đường
nơi chúng ta còn đối mặt bi thương
trong một ngày tháng hai rét mướt.

Huế
NGUYỄN VĂN-BỒN
(T.H.D.V.)

nghĩ về mùa xuân á phi

chia xẻ cùng em niềm tin của đất
và niềm đau số phận á phi buồn
khi súng đạn không làm nên sự thật
đời sống con người phút chốc hoang mang
trên nôi giống sắc da là cái cớ
phải chịu xâm lăng như một căn phần
trong mỗi tấm thân máu hồng vẫn nhớ
trở về tim đồn nhịp đập cấm hờn

chia xẻ cùng em lời ru của mẹ
dà tiếng kêu thất lạc nẻo ân tình
khi ý sống hắt hiu hồn tuổi trẻ
dời tự do đánh đổi xác thân mình

trên xứ sở đón đau niềm nhục tâu
phải nói gì hơn những tiếng kêu sầu
đã dẫn thân trong bao lời hiệu triệu
nghe nỗi buồn ròn rợn sắc da màu

chia sẻ cùng em âu lo của mắt
và vết chàm hoen đậm từng linh hồn
khi cuộc chiến hằn sâu trên khuôn mặt
nên màu xanh từ đó cũng điều tàn

nghĩ về á phi với niềm hờn tủi
nỗi kiên tâm ẩn khuất mỗi con người
còn sừng sững nghìn hình sông, bóng núi
phải còn tin yêu vọng hướng mặt trời

ở đằng trước mùa xuân và tuổi mặt
vàng trăn quế hương rạng - rờ - đau - buồn
hãy góp lại niềm hiền lành của đất
giống lời ca nuôi lớn xứ tâm hồn

THÀNH TÔN
(Thấp Tỉnh)

hầu thực hiện bước đường đầu đặt nền móng cho những cải tổ toàn diện về giáo dục và rộng ra, về cơ cấu xã hội. Bởi luôn luôn có những sự thực tầm thường nhưng không bao giờ sai :

«Giá trị của ông thầy quyết định giá trị của trường học và giá trị của trường học định đoạt giá trị của xã hội ngày mai».

Chúng ta ai cũng muốn ngày mai xã hội tiến bộ và thanh bình. Nhưng hiện nay có phải tất cả chúng ta đang cố gắng tạo dựng những tay thợ xây dựng xã hội ngày mai như thế không? Và nhất là chúng ta có đang đào luyện những người hướng dẫn những tay thợ đó *hợp lý* và *đầy đủ* không?

Câu trả lời này không tùy thuộc *riêng* một ai, và có lẽ lại càng chẳng tùy thuộc riêng lớp thanh niên trẻ trung nhiệt thành chúng tôi.

TRẦN TRIỆU-LUẬT

Ở vào thời kỳ bấp bênh này chỉ có một sản nghiệp mà mình có thể nắm chắc trong tay là giá trị riêng của mình.

VÔ DANH

bài cho quê hương

khi hai chân anh đi trên đất cát
quê hương mình trải rộng đến bao xa
lửa đỏ đã nung mặt trời thêm gió mát
đồi xanh chưa cỏ mọc đáng nghi ngờ
ở đó tên mọi đen già bệnh hoạn
lưỡi dao rừng mài dưới đá chưa sâu
cánh tay đã vun ra bằng kiệt lực
thời đất này vàng võ quá em ơi
ngày tháng cứ mọc dài năm nhảnh bẽ
đâm thủng từng thớ thịt trái tim anh
xác thân đó bây giờ mòn mỏi quá
gót chân dài tương lai gọi cũng mong manh
một tuổi trẻ một già nua một tình yêu kết cuộc
cùng rất nhiều vô vọng em có nghe
em có nhìn được hang sâu lấp kín
anh ôm hoài núi đá trong tay
buổi sáng đó chợt nhìn anh sắp chết
nụ cười tươi hơn tiếng khóc không ngờ
anh vĩnh biệt đôi chân mù đất cát
quê hương mình trải rộng đến bao xa

tháng 2 ở huế

I.

không có gì để cười
không có gì để khóc
làm sao có thể cười khóc với mọi người
khi mỗi ngày ăn ngủ cùng cái chết
chiến tranh quất vào thân thể chúng ta bầm tím
chiến tranh quất vào quê hương chúng ta nghèo đói
anh lớn lên thì sự đã rồi
mọi chuyện đã dàn bày hận thù đã tới
tới cùng những cơn mưa nước mắt
tới cùng những giới tuyến những màu cờ
tới cùng lửa cháy tới cùng bom đạn
tới đã hai mươi năm tới từng số phận
như trận dịch tới hôm nay

2.

cho anh ăn nỗi buồn trong mắt mẹ
cho anh liếm vết bầm trên thân thề em
cho anh uống cơn sốt vật vã của cha
cho anh ngăn cái chết của mọi người
khi dịch hạch điên cuồng quơ lưỡi hái
sớm mai nào xác chuột chết đầy đường
em đi học co ro từng dãy phố
sao đang mùa xuân mà cóng lạnh
người ta bảo ăm no sao thân thề chúng ta gầy gò
mỗi sáng hai đồng xôi nuốt nghẹn ngào tức tủi
bây giờ biển gào thét trong lòng em
và rừng khóc trong hồn anh
trời mưa mấy mươi hàng lệ
đất động mấy trăm nghìn thân hình
ôi súng ôi bom ôi dịch hạch
nhưng tháng ngày lăm lem

3.

gặp nhau hồi bằng hoàng tháng thốt
đã chích chưa đã chích chưa đã chích ngừa dịch hạch chưa?
em sốt ba ngày sau mũi thuốc
anh nằm ba ngày không có miếng cơm
từng đoàn trẻ con kéo dài ngoài phố
những tay áo xen cao
những đôi mắt không lờn dờ dẩn
quê hương mình đó em ơi
sổ phạn mình cũng đó em ơi
ôi huế nơi em đã sinh ra đã yêu đã khóc
nơi ta đã ngậm ngùi suốt tuổi thơ ngây
nơi dịch hạch đang cười vui đang nhảy múa
nơi đàn chuột đang lẩn ra chết ngoài đường
nơi chúng ta còn đối mặt bi thương
trong một ngày tháng hai rét mướt.

Huế
NGUYỄN VĂN-BỒN
(T.H.D.V.)

nghĩ về mùa xuân á phi

chia xẻ cùng em niềm tin của đất
và niềm đau số phận á phi buồn
khi súng đạn không làm nên sự thật
đời sống con người phút chốc hoang mang

trên nôi giống sắc da là cái cơ
phải chịu xâm lăng như một căn phần
trong mỗi tấm thân máu hồng vẫn nhớ
trở về tim đồn nhịp đập căm hờn

chia xẻ cùng em lời ru của mẹ
bà tiếng kêu thất lạc nẻo ân tình
khi ý sống hắt hiu hồn tuổi trẻ
bởi tự do đánh đổi xác thân mình

trên xứ sở đôn đau niềm nhọc tều
phải nói gì hơn những tiếng kêu sầu
đã dẫn thân trong bao lời hiệu triệu
nghe nổi buồn rờn rợn sắc da màu

chia sẻ cùng em âu lo của mắt
và vết chàm hoen đậm từng linh hồn
khi cuộc chiến hằn sâu trên khuôn mặt
nên màu xanh từ đó cũng điều tàn

nghĩ về á phi với niềm hờn tủi
nỗi kiên tâm ần khuất mỗi con người
còn sừng sững nghìn hình sông, bóng núi
phải còn tin yêu vọng hướng mặt trời

ở đẳng trước mùa xuân và tuổi mặt
vầng trán quê hương rạng - rỡ - đau - buồn
hãy góp lại niềm hiền lành của đất
giống lời ca nuôi lớn xứ tâm hồn

THÀNH TÔN
(Thấp Tinh)

trên xứ sở đón đau niềm nhược tầu
phải nói gì hơn những tiếng kêu sầu
đã dẫn thân trong bao lời hiệu triệu
nghe nổi buồn ròn rợn sắc đa màu

chia sẻ cùng em âu lo của mắt
và vết chàm hoen đậm từng linh hồn
khi cuộc chiến hằn sâu trên khuôn mặt
nên màu xanh từ đó cũng điều tàn

nghĩ về á phi với niềm hờn tủi
nổi kiên tâm ẩn khuất mỗi con người
còn sừng sững nghìn hình sông, bóng núi
phải còn tin yêu vọng hướng mặt trời

ở đằng trước mùa xuân và tuổi mặt
vòng tròn quê hương rặng - rờ - đau - buồn
hãy góp lại niềm hiền linh của đất
giống lời ca nuôi lớn xứ tâm hồn

THÀNH TÓN
(Thấp Tình)

tâm sự người thanh niên

NGHĨ VỀ GIÁO DỤC

NGÔ TÔN LONG

1. Ngày còn bé, ta đi học để biết đọc, biết viết và biết tính toán, ta ngoan ngoãn, chăm chỉ, cố gắng để làm vui lòng cha mẹ, thầy cô, ta thích được điểm tốt, khen thưởng, qui mển. Lớn hơn một chút, ta ganh đua để hơn chúng bạn, để được lên lớp và đỗ đạt, hôm nay ta học tập cực nhọc để ngày mai ta giúp đời, gánh vác trách nhiệm xã hội, đền đáp ơn cha nghĩa mẹ công thầy. Kịp đến lúc đủ lông đủ cánh, ta lại phải học để thành người để biết rằng càng học ta càng thấy mình ngu dốt.

Đúng vào lúc này, hoàn cảnh đảo lộn. Trước mắt ta tất cả đều đổi khác.

Trong hoàn cảnh xô bồ hiện tại, thấy mình ngu dốt là điều chẳng những không cần thiết mà còn là khó dại, gàn dở. Học để thành người là thế nào? Trách nhiệm xã hội là cái gì? Giúp đời là cái gì?... Thực ta không làm sao còn hiểu nổi nữa! Những giờ học chán ngắt dài đằng đẳng. Những môn học ứ đến cổ. Ta chỉ muốn làm sao thoát khỏi cái nạn khổ sai mà học đường và gia đình cấu kết với nhau trồng lên đầu lên cổ ta! Đức dục, tri dục, thể dục,... là cái gì? Cuộc đời này có cần những cái đó để mà sống đâu? Ta thấy chỉ cần có tiền. Người đời chỉ xét định giá trị con người ta dựa trên tiền bạc. Có tiền thì sung sướng, sang trọng, có tiền thì có địa vị được kính nể, nuông chiều, nếu địa vị cần bằng cấp thì có tiền ta mua bằng cấp. Câu tục ngữ có tiền mua tiền cũng được coi vậy mà hơn thoi ghê.

Cho nên nếu việc học bảo đảm được kết quả hái ra tiền thì ta xin xung phong ngay. Ta sẽ chen vào các loại trường chuyên môn, đào tạo công chức các cấp, vừa có lợi ngay trước mắt (nguyệt bổng, phụ cấp) lại vừa có bảo đảm trong tương lai (ngạch, trật). Dĩ nhiên ta sẽ tính toán kỹ lưỡng xem ngành nào lợi nhiều và nhanh chóng, ngành nào bảo đảm chắc chắn và lâu bền. Muốn cho nhanh ta sẽ học nhảy và thi gian, muốn được nhiều và «ăn ngay» ta lại có thể học «thực hành» và phá ngang đi làm... Việc học như vậy quả là một phương tiện kiếm sống hữu hiệu, một phương thế tranh giành địa vị và quyền lợi rất là bảo đảm. Mảnh bèo trở nên cái cần câu cơm mà khi chưa giật được, a sẵn sàng xả thân nhồi dằm nhồi ngầy, học rút học tử, nếu không nhặt được cái mồi kiến thức từ chương khoa cử hỗn tạp ấy vào trí não thì ta nhét vào túi áo, túi quần.... để rồi khi đến phòng thi, nếu không quá mặt được các ông giám thị giám khảo, ta bèn xuống nước cầu xin, nếu cần thì mua chuộc và nếu cần nữa thì ta đe dọa, hành hung. Rồi khi đã đạt được cái đích mình nhắm, ta bèn lấy làm tự đắc lắm, mảnh bèo sẽ bảo đảm cho địa vị của ta và biện minh cho các quyền lợi mà ta được hưởng, ta lại có thể dùng cái địa vị của mình để ngăn cản hay hạn chế những kẻ muốn tranh giành quyền lợi với ta.

Nhược bằng thất bại trong tất cả những cố gắng giành giật đó, ta cảm thấy mất mát tất cả, không còn nghĩa lý gì dễ mà thiết sống ở đời này nữa, ta bèn hủy hoại đời mình. Tự tử chỉ là một trong những lối hủy hoại đó mà thôi. Nhưng rồi mảnh bèo ngày càng mất giá, cái học kiếm cơm ngày càng khó khăn, số thanh niên hủy hoại cuộc sống của mình ngày càng lên cao, kẻ có bằng và kẻ không bằng đang gặp nhau ở chỗ cùng thấy mình thừa thãi, vô ích, nhồi lên nữa thì không nổi, dùng lại đó thì không còn chỗ mà lui về đi cấy thì lại không đang. Người ta hạn chế số bằng cấp phát ra, gọi là để giữ giá trị việc học, giá trị mảnh bèo, ta chẳng thấy những cái giá trị ấy nó ở đâu, chỉ thấy hạn chế như thế thật là phù hợp với luật cung cầu của cái thị trường chữ nghĩa, địa vị, cũng như luật bảo thủ của cái bản năng tự vệ hằng có nơi mỗi người.

Vậy thì bây giờ ta không còn thích thấy mình ngu dốt nữa, ngu dốt xem ra cũng có cái «hay» của nó chứ! Trộm, cướp, buôn lậu, đàn cơ tích trữ, chạy áp phe, làm sô Mỹ, v.v., còn «sống» hơn là học hành thi cử nhiều, sống mạnh nữa là khác! Những giờ học chán ngắt dài đằng đẳng. Những môn học từ đến cổ Ta phải nghĩ ra trăm phương nghìn kế để thoát khỏi cái nạn khổ sai mà gia đình và học đường cấu kết với nhau trông lên đầu lên cổ chúng ta. Trong khi chờ đợi, ta tạm đến trường ... chơi. Thỉnh thoảng được nghe người ta hò hét, sỉ vả, lại được thấy người ta bù đầu với cái ăn, cái mặc, đầu tắt mặt tối trong cái sống cái chết, há chẳng phải là điều thú vị lắm ru?

Hôm nay ta đến trường để cho mọi người lường rằng ta đi học. Như thế xét ra chỉ có lợi cho thầy giáo mà thôi. Phải có người mua thì họ mới bán được chữ! Nếu người mua không chọn lọc, lại chẳng thiết-lấy hàng thì càng tốt, càng hời chữ sao? Cuối tháng người ta vẫn lĩnh đủ lương kia mà!... Vừa hời, vừa nhàn, lại vừa có thể buộc người khác kính trọng, nề phục. Ôi! sao mà thần tiên thế! Chả trách đã có nhiều người đoàn kết lại với nhau (đoàn kết là sống, đoàn kết gây sức mạnh?) để tranh đấu, vừa kỳ kèo bớt một thêm hai... giờ phụ, vừa đòi mọi người bảo vệ uy tín ... cho mình!

Thôi, bây giờ ta chưa thể làm khác được, đành phải vào lớp, để cho thầy giáo dạy học vậy.



2. Cuộc khủng hoảng hiện tại không phải từ trên trời mới rơi xuống hôm qua hay hôm kia, cũng không phải chỉ có tính cách kinh tế hay quân sự: Chiến tranh đã liên tiếp kéo dài trên mảnh đất nhỏ bé này quá lâu rồi, không phải chỉ mới 10 năm hay 20 năm, có lẽ cũng không phải chỉ mới 100 năm hay 200 năm; nào ngoại xâm nào nội loạn, đất nước ta không phải đến nay mới bị chia đôi lần đầu tiên; và cuộc khủng hoảng bắt nguồn sâu xa từ đó có tính cách toàn diện, triệt để. Khủng hoảng kinh tế và chính trị, khủng hoảng đạo đức và xã hội; khủng hoảng giáo dục và văn hóa.

Nghĩ riêng về giáo dục, người ta có thể thấy rằng cuộc khủng hoảng đã giúp học sinh phát triển sớm và nhanh quá về mọi khía cạnh, vật chất cũng như tinh thần, tinh cảm cũng như trí tuệ. Học sinh ngày nay bị vất vào cuộc đời quá sớm, họ nhìn thấy và hiểu đời nhiều hơn, họ thích ứng nhanh hơn với hoàn cảnh sống chung quanh; thích ứng mà không suy xét vì thiếu chuẩn bị nên dễ đánh mất bản ngã và thường bị lôi cuốn theo thời. Do đó, thanh niên không còn có nghĩa là tuổi xanh tươi đẹp, cũng không còn là những tâm hồn trong trắng nữa. Người ta hay kêu bọn trẻ bây giờ hư hỏng, hỗn láo, mất dạy. v.v.... Làm sao có thể bắt những chồi non nảy nở ngay ngắn và tươi đẹp ở một thân cây mục nát, rễ thối lung lay tận gốc rễ trong những cơn bão táp liên hồi của cuộc đời?

Trong hoàn cảnh đó, giáo chức và phụ huynh học sinh, những người trực tiếp trách nhiệm công việc giáo dục thanh niên, phần lớn cũng đã cảm thấy mệt mỏi, chán nản và thờ ơ, xa lạ đối với con em, và có khi với cả chính mình. Một số không còn giữ mình đứng vững nổi giữa những dõn dộng của cuộc đời thì nói gì đến việc dìu dắt cho ai! Số này, buồn thay, ngày càng lớn, đến nỗi việc phụ huynh khoản trắng

con em cho giáo chức và giáo chức phó thảo học sinh cho... cuộc đời là một việc quá thường, quá thường để trở thành khôn ngoan, thượng sách.

Mặt khác, đối với các nhà chức trách giáo dục và chính phủ, cuộc khủng hoảng không cho phép họ dành nhiều tâm trí và phương tiện nhân lực cũng như tài lực, cho công cuộc giáo dục. Thiếu trường, thiếu thầy, thiếu sách, thiếu v.v... và không hề thiếu lý do giải thích khuyết điểm này, sai lầm nọ, thất bại kia!

Cuối cùng, trong các xã hội từ nhỏ như gia đình đến lớn như quốc gia, hiện tượng phân hóa ngày càng trầm trọng chính là hậu quả trực tiếp của chiến tranh và của những khủng hoảng do chiến cuộc gây ra. Các mối liên hệ cha con, chồng vợ, thầy trò, dân quan,... ngày càng lỏng lẻo, đổ vỡ. Con người ngày càng sống rời rạc, chỉ biết cái thân phận của riêng mình, những người gục ngã ở hỏa tuyến thì cứ gục ngã và những kẻ hưởng thụ ở hậu phương thì vẫn hưởng thụ. Cái chết trở nên phi lý, cái sống cũng phi lý theo, từ đó nảy sinh những kẻ chưa chết mà như chết dở, chưa sống mà như sống thừa.

Chính trong những khủng hoảng triệt để và toàn diện đó, người thanh niên học sinh bây giờ cảm thấy mình bị bỏ rơi, bơ vơ lạc lõng, phát triển rất sớm, nhanh và mạnh mẽ, nhưng không thể trưởng thành được. Phát triển như những tế bào ung thư hay những giòng nước lũ chưa được định hướng. Đó là căn nguyên các chứng bệnh thời đại, từ hỗn láo, mất dạy cho đến du đảng, trộm cướp và sống bất cần đời.



3. Trong giai đoạn ảnh hưởng văn hóa Trung hoa, công cuộc giáo dục ở nước ta nặng tính cách gia tộc, bậc Thầy được quý trọng hơn cha mẹ nhiều nhờ ở tài năng, đức độ và công lao. Nhà trường là một gia đình lớn, các môn sinh phải tìm đến đó, cầu xin được thu nhận và đào tạo thành người. Thành người đây, thường hiểu là trở nên càng giống được bậc Thầy chừng nào càng tốt chừng ấy, bởi lẽ Thầy chính là mẫu mực của đạo lý thánh hiền, là khuôn vàng thước ngọc cho mọi cách tiếp nhân xử thế ở đời.

Sang giai đoạn ảnh hưởng văn hóa Pháp, trường lớp đặt nặng mục đích huấn luyện, uốn nắn, nhằm đào tạo những lớp công chức thừa hành cho guồng máy cai trị của chính phủ bảo hộ, nên văn học cũ bị đào thải dần dần và trong nền văn học mới công cuộc giáo dục nặng tính cách chuyên nghiệp. «cái học vẫn tìm hiểu Đạo và tu luyện Đức làm người dần dần nhường bước cho cái học văn luyện tập theo khoa cử để chiếm lấy ngôi cao bỗng hậu trong xã hội... Giáo chức phải hành nghề để mưu sinh dành sống với những chủ trương tam bợ, coi trường học như một cửa tiệm buôn, một xưởng kỹ thuật luyện thi cử, một cơ quan

chuyên đào tạo công chức»—Nguyễn gia Tường, Đạo đức học đường trong vấn đề Phục hưng giáo dục.

Khí mang nền văn hóa tây phương sang truyền bá ở nước ta, người Pháp đã có gian ý xem đó là một phương tiện củng cố và phát triển chế độ thực dân. Họ nắm giữ độc quyền xét định giá trị người an nam ta, hạn chế sự học trong một số người và đến một trình độ nào đó, dễ dễ bề thao túng thị trường chữ nghĩa và thần thánh hóa giai cấp thống trị. Những vết tích nô lệ này cho đến nay vẫn còn được giữ gìn khá cẩn thận : trong mấy chế độ chính trị trước đây, bộ máy học chính vẫn còn được sử dụng để phổ biến và biện minh các đường lối của chính quyền. Và bây giờ, việc dạy học hầu như không còn được quan niệm như một lối sống thanh cao nữa, mà chỉ còn là một cách kiếm sống, một nghề mưu lợi cầu danh, với tất cả những mưu mẹo cạnh tranh những đầu cơ tích trữ.

Có lẽ chính vì thế mà gần đây, một viên chức giáo dục cao cấp đã phải lên tiếng tố cáo bọn «gian thương văn hóa». Không hiểu từ ngữ này có nhằm xác nhận một cách bán chính thức rằng giáo dục chỉ là buôn bán chữ nghĩa hay không? Đánh rằng trong thực tế, ai cũng nhận thấy công việc giáo dục bây giờ mang nhiều tính cách thương mại, nhưng có phải thầy giáo bây giờ chỉ cần «buôn bán chăm chỉ, làm ăn lương thiện» là đủ, là khỏi bị tố cáo hay không?

Thêm vào các dấu vết Pháp thuộc đó, thừa hưởng từ các ông Thượng thư Bộ Học, qua các đời Bộ trưởng, Tổng trưởng Giáo dục, truyền mãi cho đến nay, nền học chính nước ta còn chịu ảnh hưởng sâu đậm của một truyền thống sai lầm từ thời Bắc thuộc : quan niệm tôn sư tuyệt đối và mù quáng. Mầm mống suy đồi của các thế hệ Việt Nam là ở đó : cái nền nếp rập theo khuôn mẫu ông thầy khiến con người lười suy nghĩ, sùng thượng những cái hình thức, dễ theo thời, không biết phát huy cá tính của mình, ngày càng lụn bại, sa đọa. Cái học từ chương khoa cử cũng phát sinh từ đó, làm cho con người ngày càng chuộng bằng cấp hư danh hơn là học vấn, thực tại. Thật chẳng khác gì người nhà quê lên tỉnh đóng giày chỉ tin vào cái mẫu chân cắt bằng bẹ cau mà thôi !



4. Có lẽ đã đến lúc phải nhận nhận rằng từ trước đến nay chỉ có những nền học chính ở Việt Nam, chứ chưa hề có một nền giáo dục Việt Nam ; và thay vì phải thiết lập một nền giáo dục thực sự Việt Nam, các nhà hữu trách đã vay mượn một hệ thống học chính nào đó với ít nhiều và vtu, rồi gọi nó là Giáo dục Việt Nam.

Du nhập từ Trung hoa, từ Pháp, cũng như từ Anh, Mỹ,... các hệ thống học chính ngoại lai đó đều vô cùng hay đẹp, nhưng vì chúng không có tính chất Việt Nam nên ta phải biết tiêu hóa, phải biết hấp

thụ, chứ không thể nuốt chửng một cách thụ động được. Học Tàu, học Tây, học Mỹ... là điều cần thiết và bổ ích, nhưng tàu hóa, tây hóa, mỹ hóa,... lại là những hiện tượng đáng buồn thường xảy ra trong tầng lớp gọi là trí thức của những quốc gia nhược tiểu, thiếu mở mang; hiện tượng vong thân, vong bản.

Nền giáo dục Việt Nam không thể chấp nhận việc những người ngoại quốc đến đây thiết lập «một nền giáo dục trong một nền giáo dục» để huấn luyện người Việt Nam thành những dụng cụ, để uốn nắn người Việt Nam thành người ngoại quốc. Sự hiện hữu của những trường sở ngoại quốc, những chuyển ngữ ngoại quốc, những vết vá vúi tạm bợ trong chương trình giáo khoa, trong lễ lối thi cử, trong tổ chức điều hành nhân sự, hành chánh,... tất cả hợp lại tạo nên tình thần vọng ngoại và làm mất tư thế độc lập, tự chủ của giáo dục Việt Nam.

Bây giờ, giả thử chúng ta đã có một nền giáo dục. Vấn đề là phải làm sao ổn định những khủng hoảng kinh tế và chính trị, đạo đức và xã hội, để cho nền giáo dục đó có thể thực hiện được. Trong một khung cảnh mà mọi người chỉ lo lắng cái ăn cái mặc, cái chết cái sống còn chưa xong thì còn nói gì đến văn hóa giáo dục! Hoàn cảnh thay đổi hàng tháng, tình thế biến chuyển từng ngày, xã hội đầy những hỗn loạn, thiếu nát, bất công, hiện tại bấp bênh, tương lai mờ mịt,... tất cả những cái đó có dễ yên cho ta nghĩ đến «bách niên chi kế» là công cuộc giáo dục không?

Lại giả thử những khủng hoảng đó đã ổn định, công cuộc cải tiến giáo dục ở một quốc gia thiếu mở mang như Việt Nam ta cần phải được xúc tiến song song với những công cuộc xã hội, kinh tế, chính trị,... Sự phát triển toàn bộ này cần được hướng dẫn khôn ngoan và hữu hiệu bởi những người hữu trách kinh nghiệm, lại đòi hỏi những giúp đỡ từ các quốc gia tiên tiến bên ngoài và những đóng góp của dân chúng bên trong.

Riêng ở địa hạt giáo dục, sự đóng góp tích cực của toàn dân là điều kiện không thể thiếu được, bởi vì việc giáo dục học sinh không thể nào hoàn tất ở nhà trường, không thể cử khoản trắng cho giáo chức, cho chính phủ mà xong được. Cần phải đặt nặng các khía cạnh giáo dục ở trong gia đình cũng như ở ngoài xã hội.

Nền học chính Việt Nam hiện gặp nhiều khó khăn, bế tắc, phần lớn là vì các nhà hữu trách quá ăm ắp mà dân chúng, phụ huynh học sinh, thì lại quá thờ ơ, thiếu đóng góp tích cực. Nhà trường phải đảm nhiệm quá nhiều công việc, trong những hoàn cảnh thật là khó khăn và với những phương tiện thật là eo hẹp. Do đó, các nguyên tắc nhân bản, dân tộc, khai phóng, các tiêu chuẩn khoa học hóa, xã hội hóa, thực tế hóa,... đã được đề xướng từ lâu, mà giáo dục thì cứ ngày càng phá sản.

Hiện trạng học đường cũng như hiện trạng xã hội đã làm cho không một ai còn tin được những năm văn hiến Việt Nam.



5. Nghĩ cho cùng, có lẽ tình trạng học đường cũng như tình trạng xã hội đã không đến nỗi như hiện nay nếu ta đã buồn chữ bán nghĩa một cách lương thiện, giá cả phải chăng, vốn lợi tương xứng. Khốn nỗi ta đã ít vốn, tài không bằng được các «ông đồ tây» để có thể đường hoàng tuyên bố «fais ce que je dis et ne dis pas ce que je fais», mà đứơc thì lại chẳng theo được các «thầy đồ tàu» để có thể làm một thứ mô phạm trên cả cha mẹ... thiên hạ! đã ít vốn thế mà ta lại chỉ thích vừa nhàn hạ, vừa lười nhều, vừa được kính trọng và biết ơn! Thành ra, ta chỉ còn có mỗi một con đường: gian thương.

Trước tiên, ta hãy cố chạy một cái môn bài... dạy học. Nếu trong chỗ cha mẹ anh em, bà con thân thuộc chòm xóm láng giềng, ta có một vài viên chức giáo dục, càng cao cấp càng tốt, vừa tiện lợi và nhanh chóng lại vừa bảo đảm. Cần gì bằng cấp, cần gì sự phạm, từ chỗ phù động, tư nhân ta bước dần lên công nhật, kế ước và chính ngạch, kể cũng chẳng có mấy chốc. Nếu ngõ đó không xong, ta luôn sang ngạch khác, dùng tình không xong ta dùng tiền vậy; tiền vốn là phương tiện vạn năng, lo gì không giật được mảnh bằng, lo gì chẳng giành được địa vị!

Vậy thì bây giờ ta đã là một viên chức giáo dục có... môn bài rồi đây. Cho được chắc ăn hơn ta nên phát huy tinh thần quốc gia, nghĩa là cái tinh thần... thượng cấp thế nào ta cũng rứa. Ta lại phải ra công tuân hành kỷ luật, nghĩa là sống chết gì cũng phải làm tròn lệnh trên một cách kính cẩn, tôn nghiêm. Lại còn tinh thần phục vụ nữa chứ! Nhưng điều này kể ra cũng chẳng nặng nhọc gì lắm chỉ phải làm sao phục vụ đầy đủ và mau mắn các sở thích, các nhu cầu của một vài thượng cấp trực tiếp và gián tiếp mà thôi; cho nên ta liền phục vụ!

Mấy công tác đó ta thấy chẳng đến nỗi nào khó khăn, nặng nề hay tốn kém lắm. Mà cái lợi thì quá hiển nhiên và không làm sao lường trước được... Này nhé: ta sẽ có nhiều giờ phụ trội — làm gì có chuyện giới hạn trong số 6 hay 10 giờ! — ta phải noi gương các bậc «thầy» đã từng hưởng 12, 16, 22 giờ PHỤ mỗi tuần! Ta lại được chọn môn dạy, giờ dạy, nếu thích ta có «quyền» đi trễ về sớm và khi cần ta có «quyền» bỏ giờ, mà phiếu điểm, lời phê hàng năm của ta vẫn cao, vẫn tốt. Lại nữa, các dịp lễ lạc ta còn nghỉ bắc cầu dừa bữa nửa tháng mà vẫn ăn đủ cả lương chính lẫn lương phụ. Vẫn chưa hết: ta còn dễ được về chỗ tốt; mà thuyền chèo vì «nhu cầu công vụ» hẳn hơi đầy nhé! Cũng vẫn chưa hết: nào ưu tiên gia tăng lương bổng, thăng thưởng ngạch

trật; nào hy vọng được cất nhắc lên các chức vụ chỉ huy; ta đã được thấy nên quyết noi gương sáu vị chỉ huy đã được cất nhắc kiểu đó, liền một lúc khi thượng cấp trực tiếp của họ leo lên một bậc cao hơn! Nhưng cũng vẫn chưa hết: nào những biểu xén, vi thiêng của phụ huynh học sinh, nào những «món» ân huệ, những «vụ» thi cử,... rồi ta còn đưa tên «ngươi nhà» vào danh sách lãnh lương, rồi ta còn đi ngoại quốc «tu nghiệp», rồi ta còn chạy bao nhiêu là áp phe v.v. và v.v... như sau này, rồi ta còn được «couvrir» mỗi khi nhớ có «việc gì» nữa chứ

Thường thường thì chẳng có việc gì đáng ngại lắm. Chỉ thỉnh thoảng mới có một tên hoặc ngu không biết ăn, hoặc nhát không dám ăn, do đó không có tinh thần đồng đội, không biết hòa mình vào tập thể, chỉ giỏi tự tôn tự đại, thích làm anh hùng cá nhân. Đã thế lại có tư tưởng cầu toàn trách bị và... thối mồm, viết báo viết lảng nhãng! Nhưng mà ta đã được «couvrir» từ đầu đến chân... từ khuya rồi. Còn lo gì nữa!

Xét kỹ ra, đó chính là mấy tên đạo đức giả, quân tử tâu. Có thể chỉ vì không ăn được như ta nên đâm ra ghen ghét, còn ai lạ gì trò đòi trâu buộc ghét trâu ăn! Cũng có thể đó là mấy tên «dê cón, ong non», sức mảy mà lúc bầy chích bừa! Phá hoại tinh thần quốc gia, vô kỷ luật, thiếu tinh thần phục vụ, đáng đẩy lên rừng ở với mọi vì... nhu cầu công vụ!

Còn học sinh ấy à? Có gì đáng cho ta bận tâm đâu. Chữ nghĩa thì đã có sẵn trong... các sách đấy, ta vứt tác giả đi rồi đọc cho chúng nó chép. Về nhà học lấy mà đi thi! Cần thận hơn một chút, ta sao lại và phóng tác tí ti, hồi nào khó ở trong người ta còn có thể đưa cho chúng nó đọc mà chép với nhau.

Tên nào ngo ngoe hay hời bậy bạ ta truy chết thôi. Tên nào vô lễ, không tuân lời, ta xử dụng kỷ luật học đường, lo gì! Nước An nam ta bốn nghìn năm văn hiến phải có kỷ cương gì chứ. Truyền thống tôn sư là quốc hồn, quốc túy, phải gìn giữ muôn đời mới phải đạo!

Cho được chắc ý hơn, ta tạo cho mình một cái dáng bộ vệ, mô phạm, rồi... cứ nhắm thị hiệu của học sinh mà... tâu. Lại in mấy quyển sách cho đời biết tên, nếu sách trúng tủ ta còn quảng cáo trên báo chí nữa chứ! Lừa bịp thiên hạ bấy giờ thì có gì là khó khăn cho lắm đâu nào?

Còn lâu mới biết được các mảnh khõe, các bí mật nhà nghề của ta. Cứ ở đó, tha hồ mà tổ cáo gian thương (văn hóa), mà kêu gào cách mạng (giáo dục).



6. Trong khoảng mười năm gần đây, không dưới mười triệu đại học chính đã lần lượt được thiết lập trên phần đất khổng lồ này, mỗi triệu đại đã đến với tất cả những phở trương rầm rộ và đã ra đi

bằng... những bước chân âm thầm. Cái mà người ta thường gọi là «mặc cảm sửa đổi» ở những người mới lên cầm đầu bộ máy học chính, nếu không do cái tính thích phô trương cổ hữu con người thì cũng do sự cần thiết phải quảng cáo đề... khai trương.

Sự thực, triều đại học chính nào cũng đã được khai trương với những danh nghĩa đao to búa lớn, như cách mạng chẳng hạn, và quảng cáo bằng các phương tiện... mãi võ sơn đông, mà rốt cuộc chẳng để lại được gì ngoài những mảnh vá vúi tạm bợ. Giáo dục cứ ngày càng hư hỏng, đổ nát và con người ngày càng chạy theo vật dục kim tiền, sùng thượng những cái gì là ngoại lai, từ chữ nghĩa, bằng cấp cho đến hàng hóa, phẩm vật. Tinh thần vọng ngoại được đào luyện ngay tại học đường: những cái thêm bớt chương trình học, sửa đổi lễ lối thi,... từ trước đến nay đều là theo đuổi một nền học chính ngoại quốc nào đó. Chẳng trách tại một trường trung học nọ, từ hiệu trưởng, giáo sư cho đến nhân viên văn phòng đều đua nhau cho con em theo học chương trình ngoại quốc, trường sở ngoại quốc... Cũng chẳng trách bộ máy học chính Việt Nam gần đây đã ban bố nhiều cải tổ vội vàng về chuyên thi cử.

Thời đại này phải vội vàng mới làm cách mạng được: những cơ hội tốt thường chóng qua mau. Cho nên phải theo đúng những lễ thói của người thì mới mong bằng người, phải bỏ bớt thi cử và thay dần bằng khảo sát trắc nghiệm thì mới có được một nền học văn tiến bộ, phải gọi mảnh bằng Tú tài của ta là phổ thông thì mới hết chậm tiến đối với cái bachelor của người, v.v và v.v....

Di nhiên phải cải tổ thì mới **CÓ THỂ** tiến bộ được. Nhưng một gian nhà mà nền móng lung lay, tường vách xiêu vẹo, kèo cột mục nát, cốn mái thì dột khắp nơi,... gian nhà đó không thể nào «tiến bộ» được với những miếng vá nay chỗ này mai chỗ khác, hoặc những chống đỡ nay bên nọ mai bên kia.

Gian nhà Giáo dục Việt Nam cho đến nay vẫn chưa có nền móng, trong giai đoạn đầu thuộc nó mang những màu sắc tàu, sang giai đoạn tây thuộc nó lại có những vóc dáng tây, rồi những trận giao phong ác liệt giữa tàu và tây, giữa Cộng sản và Tư bản... đã làm cho nó ngày càng thêm ngả nghiêng, đổ nát.

Có lẽ đã đến lúc phải nhận ra rằng chế độ thi cũng như chương trình học đều không phải là chỗ để cho người ta quảng cáo khai trương bằng những cuộc bày hàng rầm rộ. Xảo thuật bất chính, và gian thương đó đã được xài đi xài lại ở đây quá nhiều lần rồi.

Có lẽ đã đến lúc phải hiểu rằng một sự cải tổ một cuộc cách mạng nếu người ta thích từ ngữ này, chỉ có thể thành công khi nó bắt đầu từ

khía cạnh nhân sự. Đây mới chính là chỗ phải bắt đầu, là cái nền móng phải xây dựng. Bằng không, mọi sự cố gắng đều trở thành công dã tràng mọi hứa hẹn đều chỉ là phò trương.

Không phải đợi đến nay người ta mới kêu cứu cho nền giáo dục Việt Nam. Cũng không phải chỉ mới có một vài tiếng kêu cứu lẻ tẻ. Cũng không thiếu gì người đã nhận ra tính cách trọng yếu, tiên quyết của yếu tố nhân sự. Vậy mà công cuộc giáo dục cứ ngày càng bẽ bối, con người cứ ngày càng sa đọa. Tại sao vậy? Có lẽ.. đừng hỏi tại sao thì phải hơn, bởi vì ai cũng biết rằng cách mạng nhân sự thì thật là khó khăn và *hầu như không còn có thể thực hiện được nữa, trong hoàn cảnh hiện tại*: mà người ta thì lại chỉ thích những cái dễ dàng, nhàn hạ và có lợi.

Cái vừa nhàn hạ nhất, vừa dễ dàng nhất lại vừa có lợi nhất là... chỉ việc trông vào người khác mà theo! Viễn tượng một cuộc cách mạng giáo dục vẫn còn thật là xa vời.

Phải là bậc vĩ nhân phi thường lắm, mới có thể không cần cái tổ nhân sự, không cần cách mạng giáo dục mà vẫn cách mạng được... xã hội. Phải vào hạng... cao thủ thượng thừa, mới có thể chỉ núp bóng người mà đã dám tự phụ có một sức mạnh quân sự hùng hậu, một xã hội tốt đẹp, một đời sống thịnh vượng, một thể chế dân chủ..

2 - 66

NGÔ TÔN LONG

TIN SÁCH CẢ, THA KHÔNG CÓ SÁCH
CÒN HƠN.

MẠNH - TỬ

NGUYỄN DU NHƯ LÀ MỘT HUYỀN THOẠI

hay thơ văn chữ hán của Nguyễn-Du như là chứng nhân
sự phản ánh cuộc đời hiện thực kỳ quái của ông trong đoạn
trường tân thanh

(tiếp theo)

G.S THANH-LĂNG

Thúy-Vân và Vương-Quan.

Xã hội Kiều là một xã hội đông đảo, gồm đủ mọi giai tầng
xã hội mà người nào xem ra cũng đều là những tâm hồn hăng say,
có lập trường, không mấy khi muốn nhìn việc đời một cách vô tâm.

Nhưng ta lại thấy có hai người hầu như lại là kết tinh, là hiện
thân của sự vô tâm, của sự những nhưng, của sự không can thiệp,
của sự làm sao cũng được, của sự an nhàn, của sự đứng ở ngoài...
Hai người đó Thúy Vân và Vương Quan.

Thực vậy, cuộc đời của hai nhân vật Thúy Vân và Vương
Quan quả là ung dung, thanh bình.

Nàng Vân, khi nghe chị kể về thân phận nàng Đạm Tiên rồi
lại thấy chị sụt sùi khóc, nàng có thái độ như phì cười bảo chị :

... Chị cũng nức cười

Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa

(Kiều, Lê Văn Hào)

Đến khi nhà gặp tai biến, Kiều xoay xở bán mình chuộc cha,
mà Vân xem ra vô can, mãi cho đến đêm khuya mới nghe Kiều
khóc rưng rức, Vân đang ngủ ngon lành bỗng giật mình hỏi chị
một câu thật mạnh nhưng hơi ngớ ngẩn :

Cơ trời dẫu bề đa đoan

*Một nhà đề chi riêng oan một mình
 Có chi ngồi nhẩn tàn canh
 Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây ?*

(Kiều, Lê Văn Hào)

Kiều như điên khùng bộc lộ hết tâm can với em và còn tào bạo, trơ trẽn gán duyên chị cho duyên em. Vậy mà Vân chẳng có phản ứng còn xem chừng bằng lòng giúp chị, nhận tất cả di vật nơi tay Kiều. Mãi đến khi Kiều ngắt xỉu, Vân mới rí tai và đưa trình cha mẹ các tang vật :

« Chiếc vành này với tờ bồi ở đây »

(Kiều, Lê Văn Hào)

Thế rồi biệt tăm đi bao nhiêu lâu. Kim Trọng trở lại thăm Kiều và khi nghe cha nàng kể lẽ sự tình, nào việc Kiều bán mình, nào việc Kiều lỗi nàng Vân cho chàng, Kim Trọng không để ý gì đến Vân mà chỉ khóc lăn khóc lóc, khóc đến té xỉu. Thái độ ấy phải làm cho Vân hiểu Kim Trọng đã gửi cả tình cho Kiều và chẳng dành gì cho nàng, vậy mà Vân vẫn điềm tĩnh vâng lời chị, nghe lời cha gá duyên hồ cốt giúp đỡ cho chị. Thật là cuộc đời thanh bình, vô can, chẳng cần cái gì, kể cả tình yêu.

Tệ hơn nữa là ngay khi đã cưới Vân rồi mà Kim Trọng vẫn

« Tuôn châu đời trận, vò tơ trăm vòng »

(Kiều, Lê Văn Hào)

Kỳ hơn nữa, là khi Kim Trọng đã khuây khuây vì tưởng Kiều đã chết, thì Vân lại mơ Kiều còn sống và nàng lại sốt sắng báo "tin mừng" ấy cho Kim Trọng. Thật là ngộ nghĩnh !

Càng ngộ nghĩnh hơn nữa việc nàng Vân sốt sắng đi tìm chị với Kim Trọng và khi đã theo về nhà rồi nàng Vân không hề ghen tuông mà còn rất vô tâm, rất không cần, thừa với chị trước mặt cả nhà :

« Trong tác hợp cơ trời

Cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao
 Những là rày ước mai ao
 Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình ?
 Bây giờ gương vỡ lại lành
 Khuôn thiêng lờa lọc đã đành có nơi
 Còn duyên may lại còn người
 Còn vàng trắng bạc, còn lời nguyện xưa
 Quả mai ba bảy đơm vừa
 Đào non, sớm liệ, xe to kịp thì »

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Làm vợ Kim Trọng mà Thúy Vân vẫn «*những là rày ước mai ao*» cho Kiều trở về thì quả thật nàng là một (típ) «*người làm sao cũng được, vô can, bình thân, đến độ ngó ngàng.*»

Đến Vương Quan cũng thế. Lúc theo hai chị đi lễ thanh minh, Vương Quan cũng phải đã lớn lắm rồi chứ đâu có bé, bởi vì Kim Trọng «*với Vương Quan trước vẫn là đồng thân*» kia mà. Thấy chị thồn thức khóc lóc thương cảm Đạm Tiên, Vương Quan trách móc Kiều, điều ấy chẳng có gì là trái ngược, là lạ đời. Chứ đến vụ gia biến mà thân trai của Vương Quan không làm được gì, hoặc đề cứu cha, hoặc đề giúp chị thì thật là ngộ nghĩnh, và khi chị đem thân bán cho người rồi, thì Vương Quan bình thân đi làm nghề viết mướn để kiếm ăn. Thật là giản dị và thanh bình biết bao ! Sau gặp khoa thi thì đi thi ; đi thi đỗ rồi làm quan, đóng ở Phú Dương.

Hai chị em Vân và Vương là hai kiểu người sống theo lý trí, theo lẽ nghi, đạo đức. Hai nhân vật này có phần kháng, mâu thuẫn Nguyễn Du hay không ? Quả thực không ! Họ là phần hữu thức của cuộc đời Nguyễn Du, là tiếng nói lý trí, tiếng nói đạo đức của Nguyễn Du, là chất nho phong trong huyết quản Nguyễn Du.

Nguyễn-Du là hai con người : một con người khởi loạn, dẫu kín, rạo rức, một con người đoan trang xuất hiện ra ngoài. Nguyễn Du đã lấy hai vai truyện Vân và Vương để gửi gắm vào đấy thái độ thờ ơ, lãnh đạm nhất là cảm lạnh, không can thiệp, đứng ở ngoài của ông trước cuộc đời xã hội động đậy mà ông thường phải đối phó,

Họ, bởi vậy, là «con người công» của Nguyễn Du, là con người bày hàng Nguyễn Du, là con người Nguyễn Du như lúc phải xuất hiện trước xã hội. Mặc dầu mang một cuộc sống động đậy, trong thực tế xấu xa của xã hội đương thời, Nguyễn Du đã hành động giống như nàng Vân hay chàng Vương, nghĩa là với thái độ lơ lảo, coi như là vô tâm nhưng nhưng, đứng ở ngoài, không can thiệp, làm sao cũng được. Hai người họ là dự phóng hữu thức giả dối của một Nguyễn Du mang một tiềm thức say sưa rạo rực.

Nhưng ba nhân vật thường được người ta cho rằng gần Nguyễn Du hơn cả là Kim Trọng, Từ Hải và Thúy Kiều.

Kim-Trọng

Muốn nhìn thấy Nguyễn Du trong Kim Trọng phải nhìn Kim Trọng ở hai dự phóng Nguyễn Du, một dự phóng của Nguyễn Du tiềm thức, một dự phóng của Nguyễn Du hữu thức.

Kim Trọng được xuất hiện như hai con người xung đột nhau, mâu thuẫn nhau. Buổi đầu thấy một Kim Trọng si mê, lãng mạn, sống bằng đam mê nhiều hơn bằng lý trí. Lần đầu tiên Kim Kiều gặp nhau, lời chưa trao gửi mà đôi bên hầu như “*tình trong như đã, mặt ngoài còn e*”, khiến cho đôi bên hầu như “*chập chờn con tình con mê*”. Rồi khi về đến thư phòng Kim Trọng đã hầu như mang bệnh tương tư rồi, cho đến nỗi “*nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuấy*” và từ đấy đâm ra sầu thảm “*sầu đông càng lúc càng đầy*”. Nỗi nhớ khiến chàng không ngồi yên được cho nên chàng bị lôi ra đường rẽ lối đi tìm Kiều và trong lúc đôi bên đối diện, tương đàm, thì Kim Trọng đã nhiều lần như là

Khi tựa gối khi cúi đầu

Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Có lần chàng như chẳng còn làm chủ được mình nữa :

Đầu mày cuối mắt càng nồng tẩm yêu

Sóng tình dường đã xiêu xiêu

Xem trong âu yếm có chiều là lời

(Kiều, Lê văn Hòe)

Chàng si tình ấy khi nghe người yêu bị nạn, đã bán mình, gửi thân cho kẻ khác, đã

*Thốt nghe, chàng đã rụng rời xiết bao...
 Chàng càng nghe nói, càng rầu như dưa
 Vật mình vấy gió tuôn mưa,
 Dầm dề giọt lệ, thân thờ hồn mai
 Đau đời đoạn, ngắt đời hồi
 Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê*

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Mấy lời thơ trích trên đây cho ta thấy Kim Trọng rất đàn bà. Chẳng thế mà chàng vật vã, khóc lăn khóc lóc, khóc đến ngất đi ngất lại, khóc đến lịm đi, dề tỉnh lại, lại khóc. Và mỗi khi tỉnh, lại chàng lại lâm ra bộ quyết liệt với những lời thề thốt to tát :

*Bao nhiêu cửa, mấy ngày đàng
 Còn thì, tôi gặp mặt nàng mới thôi*

Những lời quyết liệt đã đưa đến cái gì ? Chẳng qua đưa đến việc Kim Trọng đi lấy Thúy Vân và xem ra cũng là vui duyên mới với nàng Vân lắm chứ chẳng phải chơi :

*Người yều điệu kẻ văn chương
 Trai tài gái sắc xuân đương vừa thì
 Tuy rằng vui chữ vu qui
 Vui này dễ cất sầu kia được nào*

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Vẫn biết «cái vui này» chưa dễ gì cất ngay được cái sầu kia, nhưng dầu sao nó cũng là «cái vui» của Kim Trọng rồi. Mà thực là duyên mới với nàng Vân hầu như đã lấp hay ít ra cũng choán ngang mối tình xưa :

Càng âu duyên mới, càng dào tình xưa

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Lấy Vân rồi chàng lo đi học, rồi đi thi, đi thi rồi đi làm quan. Việc chàng bảo «bao nhiêu cửa, mấy ngày đàng», chàng cũng cứ làm cho đến khi tìm ra được Kiều mới thôi, cái việc ấy, tuy chưa bỏ dứt, nhưng từ đây cũng bị gạt xuống hàng thứ hai.

Cái Kim Trọng rất đàn bà, si mê, liều lĩnh, đó là dự phóng của một Nguyễn Du tiềm thức, một Nguyễn Du ở bề sâu, một Nguyễn Du dấu kín, cái Nguyễn Du đã từng si mê cô lái đò Nhật mà sau

này trong thơ chữ Hán có lẽ Nguyễn Du gọi là cô Cầm, người mà Nguyễn Du đã dành cho một chỗ hầu như cao nhất trong đời tình cảm của ông.

Còn cái anh chàng Kim có vẻ như lơ lảo, quên mất lời thề, vui duyên bên một Thúy Vân ngây thơ, vô tâm gần như ngớ ngẩn, cái anh chàng Kim bình tĩnh đi học, dọn thi, thi đỗ, đi nhậm chức quan, phải chăng đây là hiện thân của Nguyễn Du hữu chức, cái Nguyễn Du đã từng phải nghe theo lời mẹ kế, bỏ cô lái đò, đề cưới một người vợ không quen biết, không yêu đương dọ bà mẹ kế ép buộc?

Cái Nguyễn Du lơ lảo bề ngoài để giữ thể diện gia đình mà trong lòng ấp ủ mối tình bị dồn ép phải chăng đã được thực hiện qua dự phóng một Kim Trọng lơ lảo vui duyên bên nàng Vân.

Nguyễn Du đã tố cáo, trong cuộc sống, những giây phút ông được xuất hiện như một Kim Trọng si mê, yêu lẫn yêu lóc, rất là ít, còn hầu như cuộc đời ông phải là cuộc đời câm lặng để phôi ra trong mười lăm năm một chàng Kim hầu như lơ lảo, vô tình, thất ước, quên dĩ vãng... Tất cả cái bị dặt, thê thảm trong cuộc đời là ở chỗ này, và tất cả cái đứt ruột của truyện Kiều cũng là ở chỗ ấy.

Từ Hải

Tại sao tất cả cuộc đời của Nguyễn Du, qua thơ văn chữ Hán, đều xuất hiện như là đang tan rã, điêu tàn, hủy diệt, lại có thể có một dự phóng kiều hùng trong con người Từ Hải?

Thực ra, Từ Hải chỉ là điều mơ ước bị giấu kín; bị dồn ép mãi tận đáy tâm thức Nguyễn Du, chứ cái Nguyễn Du hữu thức là một Nguyễn Du vô vi, ít nói, hầu như câm lặng, chẳng can thiệp, đứng ở ngoài... Từ Hải là một dự phóng vọt ra dưới sức dồn ép quá độ.

Từ Hải quả đã dự phóng giấc mơ kiều hùng của Nguyễn Du. Thực vậy thơ văn chữ Hán của Nguyễn Du đã chẳng biểu lộ Nguyễn Du như *Chim Phượng Hoàng*, như *Chim Hạc* cao ngất ngưỡng, như tấm thân cao *Sáu Thước*, như *Cây Tùng Cao Trăm Thước* đương đầu với sương gió, bão táp đầy ư?

Sự chiêm ngưỡng thân thể mình như Chim Hạc, như Phượng Hoàng như Cây Tùng Trăm Thước đã kết tinh thành một dự phóng Từ Hải với phong thái giống chim Hạc, giống Phượng hoàng, giống cây tùng trăm thước vậy :

Bồng dâu có khách biên đình sang chơi
 Râu hàm, hàm én, mày ngài
 Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao
 Đường đường một đấng anh hào
 Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài
 Đội trời đạp đất ở đời

Giang hồ quen thói vẫy vùng
 Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo

Triều đình riêng một góc trời
 Gồm hai văn võ, rạch đôi sơn hà
 Đời cơn gió quét mưa sa
 Huyện thành đạp đổ năm tòa cõi nam

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Mấy vần thơ trích trên đây cho ta thấy rõ giấc mơ yêu dấu của Nguyễn Du.

Nhưng giấc mơ yêu dấu ấy, chung cuộc, chỉ là một cơn ác mộng. Nguyễn Du để cho ta thấy, qua thơ văn chữ Hán của ông, thân hạc của ông người ta muốn cắt ngắn cẳng nó đi, thân phượng hoàng của ông bị nhốt trong lồng, thân cây tùng của ông bị lẻ loi cô độc, và tám thân sáu thước của ông đang bị già và bệnh hoạn làm tiêu diệt, tan rã: tâm thức bị thương, tuyệt vọng ấy đã là dự phóng của một Từ Hải, mặc dầu đã có lúc «đội trời đạp đất» «triều đình riêng một cõi trời», cuối cùng phải chết đứng giữa trời. Cái oai linh ấy cho Từ Hải sau khi chết còn giữ được chút ít kiêu hùng, cho nên ta thấy Nguyễn Du tả Từ Hải :

Khi thiêng khi đã về thần
 Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng
 Trơ như đá vững như đồng
 Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Nhưng đứng là đứng vậy, chứ rồi khi «nàng vừa phục xuống, Từ Hải ngã ra» Hình ảnh Từ Hải chịu thua, ngã ra, quỵ xuống là hình ảnh Nguyễn Du chịu thua, ngã ra, quỵ xuống trước thực tế cuộc đời bế tắc, bi đát.

Dự phóng Từ Hải, như vậy, đã biểu thị đúng tâm thức Nguyễn Du: những hình ảnh chim phượng hoàng gãy cánh nhốt trong chiếc lồng ải sát, hình ảnh chim hạc chân dài quá không cắt đi được, hay hình ảnh cây cô tùng cao trăm thước nghiêng ngệnh trước sân đình dưới mưa sa, gió táp đều đúc kết lại trong một Từ Hải chết bị dìm trong thái độ kiêu hùng.

Dự phóng một Từ Hải kiêu hùng chịu thua, bị bẻ gãy là bóng dáng kiêu hùng, nhưng thua trận, ngã lòng của Nguyễn Du, như là đang chiếu hắt lên trong tác phẩm *Đoạn Trường Tân Thanh*.

Vương Thúy-Kiều

Trong tất cả mọi dự phóng, dự phóng Kiều mới thật là tất cả Nguyễn Du, ở trong mọi cảnh thế và trường hợp. Kiều dự phóng tất cả Nguyễn, nhưng không dự phóng *toàn vẹn, y nguyên như vậy* mà là dự phóng với nhiều sửa chữa, trá hình ...

Có một điều có thể làm ta ngỡ ngàng tại sao Nguyễn Du, qua thơ văn chữ Hán của ông, được xuất hiện như là một thẻ xác bệnh *hoạn, già, tóc bạc, tan rữa, rã rời, chết* mà lại có một dự phóng Kiều luôn luôn đẹp, luôn luôn trẻ, luôn luôn khỏe mạnh mặc dầu bị triển miên đau khổ trong tâm hồn, bị đánh đập, tàn sát đến thịt rơi, máu chảy trong thẻ xác?

Một Kiều trẻ, đẹp, không bao giờ đau, không bao giờ suy giảm tài, sắc, và hầu bắt từ sau bao nhiêu lần tự tử là dự phóng một Nguyễn Du phản kháng, tự tiếm thức, đối với mối lo sợ già, lo sợ tóc bạc, lo sợ bệnh hoạn, lo sợ chết...

Kiều là giấc mơ yêu dấu, nhưng bị dìm, tuyệt vọng của Nguyễn Du.

Ngoài dự phóng trá hình dưới phản thế ấy, Vương Thúy Kiều, ở những dự phóng khác, đã biểu thị hầu toàn vẹn, y nguyên Nguyễn Du.

Kiều, yêu si mê, yêu vượt cả mọi vòng lễ giáo yêu đi trước cả con trai' mạnh hơn cả Kim Trọng.

Hai câu :

Tình trong như đã mặt ngoài còn e

Chập chờn cơn tình cơn mê

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Có thể hiểu về Kim Trọng được, nhưng trước tiên chỉ về Kiều đã. Phải là một tiếng sét, chứ làm sao một người con gái lạ trên đường đi mà "tình trong như đã" rồi đến nỗi "chập chờn cơn tình cơn mê" chẳng phải chỉ là một xúc động bên đường mà rồi về đến nhà Kiều còn "ngồn ngang trăm mối bên lòng" đến nỗi "nghĩ đòi cơn lại sụi sụi đòi cơn".

Không phải Kim Trọng tìm đến với Thúy Kiều mà chính nàng táo tợn xông xáo đi tìm chàng, chính nàng "xấn tay mở khóa động đào". Thực vậy, Thúy Kiều đã vượt tường chui rào sang tự tình với Kim Trọng, chẳng phải một lần mà nhiều lần ngay trong một buổi chiều đã về đêm.

Cái người con gái yêu lẫn lóc, yêu đến bỏ cả lễ giáo, đối cả cha mẹ, thâm vụng dạn dít với trai suốt một đêm trường ở nhà trai, nay chính người con gái ấy lại đủ sáng suốt, đủ nghị lực can đảm, vâng theo lý trí, bỏ hẳn tình cảm đề dút với người yêu đề bước ra đi, theo tiếng của nghĩa vụ, không tất nhiên đòi buộc nàng (vì thân nàng chỉ là con gái). Mà nàng đi đề trao thân cho kẻ vũ phu. Nàng thù Mã Giám Sinh hay Sở Khanh chỉ vì mấy anh chàng này lừa đảo nàng, chứ nếu họ thành thực với nàng thì đâu nàng có khinh thường mối tình của họ. Chẳng thế mà khi Thúc Sinh tỏ ra âu yếm nàng, thì nàng đã chẳng hầu như quên Kim Trọng đề vui duyên mới đấy ư? Mà vui ngay những ngày đầu :

Một nhà xum họp trúc mai
Càng sâu nghĩa bề càng dài tình sông
Hương càng đậm lửa càng nồng
Càng sôi vẻ ngọc, càng lỏng màu sen

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Đến khi Thúc Sinh về thăm vợ cả, Thúy Kiều đã chẳng buồn tẻ tẻ, đến ngần ngại vì thương nhớ Thúc Sinh đấy ư?

Cầm tay dài thở, ngắn than
Chia phôi ngừng chén, hợp tan ghen lời...
Người lên ngựa, kẻ chia bào

Rừng phong, thu đã nhuộm màu quan san
 Dặm hồng bụi cuốn chinh an
 Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh
 Người về chiếc bóng năm canh
 Kẻ đi muôn dặm, một mình xa xôi
 Vầng trăng ai sẽ làm đôi
 Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường»

(Kiều, Lê Văn Høe)

Trên đây là những giọng thơ hay nhất trong những dòng thơ hay nhất của Kiều, nói lên nỗi lòng đau đớn bị thương, mến nhớ, hầu như « tương tư » đối với Thúc Sinh.

Nói tóm lại, nghĩa là Kiều hầu như quên mối tình đầu để đem cả tình yêu cho chàng Thúc.

Hết yêu Thúc Sinh, nàng lại đi yêu mê man Từ Hải, cho nên trong lúc,

mà
*«Nửa năm hương lửa đương nồng»
 «Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương»*
 thì Kiều lại buồn tê tái :

*Nàng thì chiếc bóng sông mai
 Đêm thâu đằng đẳng, nhạt cài then mây*

(Kiều, Lê Văn Høe)

Đến khi Từ Hải bị lừa thác oan thì nàng đã đau đớn muốn tự tử chết theo chàng :

*Dòng thu như gợi cơn sầu
 Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên*

(Kiều, Lê Văn Høe)

Tại sao Nguyễn Du không xây dựng một nàng Kiều chung thủy, hoặc chỉ chung thủy với Kim Trọng? Hoặc chỉ chung thủy với Mã Giám Sinh mặc dầu chàng lừa lọc? Hoặc chỉ chung thủy với Thúc Sinh? Hoặc chỉ chung thủy với Từ Hải? Tại sao Nguyễn Du lại xây dựng một Kiều, ngoài việc làm vợ khắp người ta ở lâu xanh không nói làm gì, lại có thể hết làm vợ của Kim Trọng, rồi Mã Giám Sinh, rồi Thúc Sinh, tới Từ Hải, rồi lại trở về Kim

Trọng ? Đạo đức Nho giáo đâu có cho người đàn “di cư” tình yêu dễ dãi như vậy, thay đổi chồng mau chóng được như vậy, tái giá một cách bình thản như vậy. Bởi vì, đầu sao, theo nghi thức nàng đã đính hôn, tức thành vợ chồng với Kim Trọng. Rồi lại có cheo cưới chính thức với Mã Giám Sinh do cha mẹ làm chứng. Vậy mà sau này lại có cheo cưới dang hoàng với Thúc Sinh do đường quan và Thúc ông chủ động, rồi lại cheo cưới chính thức nữa với Từ Hải. Và cuối cùng lại cheo cưới chính thức lại với Kim

Trong sáu mươi lăm năm lưu lạc.

Tôi nghĩ tất cả những phiêu lưu tình cảm của Kiều trong mười lăm năm trường, khi thực, khi giả, khi nhạt, khi nồng, khi dài, khi ngắn đều là diễn lại đầy đủ những phiêu lưu tình cảm trong cuộc đời Nguyễn Du. Hình như, từ cái ngày mối tình đầu của Nguyễn Du với cô Nhật hay cô Cầm chi đó bị tan vỡ, thì, cuộc đời tình ái của Nguyễn Du, kè như không còn nghĩa lý gì nữa. Từ đấy, Nguyễn Du hình như chỉ đi tìm an ủi ở những mối tình bên đường, nơi các ca sĩ gặp chỉ một lần không quá hai. Dự phóng một Thúy Kiều xóc nổi, di cư ái tình một cách quá ư dễ dãi ấy là biểu hiện một Nguyễn Du đang triển miên trong thái độ chiêm ngưỡng siêu hình về sự biến dịch của mọi sự, sự điêu tàn, rã rời, hủy diệt của thân phận con người, hướng hồ là tình yêu chỉ là một sinh hoạt nhỏ bé của con người.

Đáng khác ta nhận thấy những phiêu lưu tình cảm của Thúy Kiều cũng như mọi phiêu lưu tình cảm của Nguyễn Du đều luôn luôn dạt đến một bại trận thê thảm, một chịu thua bi đát, một tuyệt vọng khốn khổ : sự gặp gỡ Kim Trọng dẫn Kiều đến những cơn ác mộng hãi hùng ; sự gửi thân cho Mã Giám Sinh đã đưa nàng đến tan xương, nát thịt dưới ngọn roi của Tú bà ; sự chạy theo Sở Khanh, Ung hay Khuyển cũng thật rơi máu chảy ; mối tình với Thúc đã đem lại cho nàng bao tủi, bao nước mắt và máu chảy, đến tình yêu với Từ Hải đã dẫn đến cái chết cho chàng ở trận tiền và cho nàng ở sông Tiền Đường.

Tất cả mọi biến cố xảy đến cho Thúy Kiều đều luôn luôn cho nàng nhận thấy thân phận nàng bi đát, bế tắc, lâm vào vòng luẩn quẩn không lối thoát. Tất cả ngần ấy thứ đều dẫn Kiều đến một nhận định rằng : thân phận con người như là một mầu nhiệm, như

là đang quay cuồng, nghiền nát trong vòng bánh xe vô hình.

Kiều xuất hiện dưới mắt ta trong một thái độ chiêm ngưỡng siêu hình, suy tư về những câu hỏi mầu nhiệm đang vẩn vương tâm thức hốt hoảng của nàng.

Kiều đắm mình trong thế giới siêu hình là Nguyễn Du sa lầy trong sự chiêm ngưỡng siêu hình : thực vậy, tất cả thơ văn chữ Hán của Nguyễn Du, đều là đắm ướt bằng những lý thuyết siêu hình. Nguyễn Du luôn luôn băn khoăn, xao xuyến, sợ hãi cho tương lai, nhất là tương lai cho thân phận con người sau khi chết.

Là Nguyễn Du, Thúy Kiều cũng xuất hiện trong những lúc chiều xuống, tà dương, gió lạnh, đêm trường, chập chờn hồn ma. Vai Kiều đã dự phóng toàn vẹn, đôi khi có sự sửa chữa, trá hình, thân phận con người Nguyễn Du như đang hốt hoảng, đang xao xuyến, đang run rẩy, đang điêu tàn, đang tan rã, đang hủy diệt.

(còn tiếp)

THANH-LĂNG

Đính-chính :

Trong V.H số 56 và 57 vì sơ ý của kỹ thuật, tiêu đề bài biên khảo của G.S. Thanh Lăng đã thừa một chữ, nên sai hân nghĩa của bài :

Nguyễn DU, NHƯ Là Một Huyền Thoại

HAY thơ văn chữ Hán của Nguyễn Du như là NHỮNG chứng nhân sự phản ánh cuộc đời hiện THỰC, KỶ quái của ông trong ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH.

Xin sửa lại :

NGUYỄN DU NHƯ LÀ MỘT HUYỀN THOẠI

hay thơ văn chữ hán của Nguyễn Du như là chứng nhân sự phản ánh cuộc đời hiện thực kỳ quái của ông trong đoạn trường tân thanh

Xin cáo lỗi cùng tác giả và, mong bạn đọc sửa dùm. Cảm tạ

không ngừng : lưu đầy, nô lệ, cặp Phi Châu và sự phân chia thế giới ra làm hai phần đen trắng. Sự lưu đầy của thân xác ông cha ngày xưa tượng trưng cho sự lưu đầy hôm nay : tâm hồn đen là một thứ Phi Châu mà người dân bị đầy ải giữa những lâu đài lạnh lẽo của văn hóa và kỹ thuật da trắng. Hắc tính hiện diện và lạnh mặt âm ảnh, chạm vào họ, họ lại chạm vào cánh nó, nó khe khẽ run rờ rồi xoè rộng ra trong tâm hồn như trí nhớ sâu thẳm và mạnh mẽ, như tuổi thơ bị chôn vùi, bị phản bội, và tuổi thơ của nỗi giống và tiếng gọi của đất mẹ, như muôn vạn bản năng và đơn-thuần-tính của Thiên nhiên, như gia tài tinh khiết của ông cha và như nền Luân lý đáng lẽ phải hợp nhất cái đời-sống đã rạn vỡ. Nhưng khi họ quay lại để nhìn thẳng vào hắc tính thì nó tan ngay ra mây khói, những bức tường của văn hóa da trắng sừng sững dựng lên chính giữa, cùng với khoa học, từ ngữ và phong tục :

«Trả những con búp bê đen cho tôi
những trò chơi khờ dại của bản năng
mãi mãi dưới uy quyền của nó
tìm lại can đảm
liều lĩnh
tự cảm thấy mình
con người mới của cái thẳng tôi
hôm qua
không những phiền phức
hôm qua
vào cái thời vong bản ...
họ đã đánh cắp mất không gian của tôi».

Tuy nhiên phải đập vỡ những bức tường của văn-hóa-tù-ngục và một ngày kia sẽ phải trở về Phi Châu; vì thế trong thi ca da đen đề tài «trở về cố hương» được hòa hợp với đề tài «trở xuống địa ngục sáng chói của tâm hồn đen». Đây là một cuộc đi tìm, một sự tìm kiếm tỉ mỉ một sự khắc phục bản thân cùng một cố gắng thường xuyên nhằm đi sâu vào tâm hồn. Và tôi gọi thi ca này là thi ca orphée vì công cuộc đi vào tâm hồn mình của người da đen làm tôi nghĩ đến Orphée đi đòi Pluton trả Eurydice lại cho chàng. Bởi vậy, do một sự may mắn hiếm có trong thi ca, chính vì đề cho tâm hồn ngày ngất, vì lờn lộn dưới đất như một người bị ám ảnh bởi chính mình, vì hát lên khúc hát giận hờn khúc hát luyến tiếc và khúc hát căm thù, vì phô bày ra những vết thương cùng đời sống bị phân đôi giữa nền «văn minh» và bản chất da đen, tóm lại chính vì tỏ ra hết sức trù tính mà thi sĩ da đen đạt đến thi ca tập thể hay nhất: khi chỉ nói đến mình chính là họ nói cho tất cả những người da đen; chính khi họ có vẻ bị bóp nghẹt bởi những con rắn của văn hóa chúng ta là họ tỏ ra cách mạng nhất, vì họ đang làm cái việc phá hoại một cách có hệ thống những gì họ đã học được ở Âu Châu và sự phá hoại tinh thần này, tiêu biểu cho cuộc vùng dậy tương lai giúp người da đen đập tan xiềng xích. Chỉ một thí dụ cũng đủ làm sáng tỏ nhận xét này.

Vào thế kỷ thứ XIX, phần lớn những dân tộc thiểu số, đồng thời với việc dành lại chủ quyền, đã mê mải cố gắng làm sống lại quốc ngữ. *Đã có thể tự xưng mình là người Ai-nhĩ-lan hay là người Hung-gia-lơ, dĩ nhiên phải thuộc về một tập thể có chủ quyền rộng rãi về kinh tế và chính trị, nhưng để xứng đáng là người Ai-nhĩ-lan còn phải suy nghĩ theo kiểu Ai-nhĩ-lan, như thế trước hết có nghĩa là: suy nghĩ bằng những chữ của kẻ áp bức.* *Cứu vãng đáp sẽ đem lại của người da*

sĩ da đen một cử tọa lớn nhất, ít ra là trong ranh giới những thuộc địa của Pháp. Chính trong cái ngôn ngữ xanh xao, lạnh lẽo như màu trời của chúng ta, cái ngôn ngữ mà Mallarmé đã nói là «ngôn ngữ trung dung hạn nhất vì tinh thần ở đây bắt buộc mọi màu sắc chói chan phải giảm bớt» chính trong cái ngôn ngữ thiếu sinh khí ấy mà Damas, Diop, Laleau, Rabearivelo sẽ rót ngọn lửa của đất trời xứ họ và của tâm hồn họ vào: họ chỉ có thể được cảm thông bằng ngôn ngữ ấy mà thôi; giống như những bác học ở thế kỷ thứ XVI chỉ hiểu nhau qua tiếng la tinh, người da đen gặp gỡ nhau trên miếng đất đầy cạm bẫy mà người da trắng đã bày ra: giữa những dân bị trị người thực dân đã tìm cách biến thành người trung gian muôn thuở; tên thực dân vẫn còn đấy, luôn luôn còn đấy, dù có vắng mặt, kể cả trong những cuộc hội họp bí mật nhất. Và vì những từ ngữ là những tư tưởng, nên khi người da đen tuyên bố rằng họ vứt bỏ văn hóa Pháp thì họ lại nhặt lấy bằng tay này những gì họ vứt bằng tay kia, họ thiết lập nơi chính họ, như một cái máy nghiêng, cái máy tư tưởng của kẻ thù. Thế cũng không sao cả; nhưng, đồng thời, vấp phạm và từ ngữ được rèn luyện vào những thời khác, cách xa hàng ngàn dặm, để đáp ứng những nhu cầu khác và để chỉ những vật khác, bây giờ thiếu khả năng giúp họ phương tiện nói đến mình, đến những lo âu và hy vọng của mình. Ngôn ngữ và tư tưởng Pháp có tích cách phân tích. Làm thế nào bây giờ nếu tinh thần đến trước hết lại là một thứ tinh thần tổng hợp? Từ ngữ khá xấu xí như từ ngữ «hắc-tính» là một trong vài chữ duy nhất mà người da đen làm giàu thêm cho từ điển của chúng ta. Nhưng nếu «hắc-tính» ấy là một ý niệm có thể định nghĩa được hay ít nhất có thể mô tả được. nó phải gồm những ý niệm khác sơ đẳng hơn và tương xứng với những dữ kiện tức thì(?) của ý thức đen: kiểm đầu ra chữ để chỉ những điều ấy bây giờ?

(còn tiếp)

PHẠM-HUNG dịch

KHÔNGGIAN—THỜIGIAN VÀ CONNGƯỜI

VẬT CHẤT LÀ GÌ ?

HOÀNG VĂN-ĐỨC

- Không-gian rỗng-không, không có vật-chất, không có.
(*L'espace vide de matière n'existe pas.*)

ALBERT EINSTEIN.

(1) Khi đã biết Thát-Hư là khi thì biết rằng không còn có cái không.

(Tri Thát-Hư tức khi tắc vô vô.)

TRƯƠNG HOÀNH-CỬ,

(Chinh-Mông, Thái-hóa)

- Hãy cho tôi vật-chất, tôi sẽ tác-tạo một Thế-gian.
(*Donnez-moi de la matière et j'en construirai un Monde.*)

EMMANUEL KANT.

Ai cũng biết rằng tất-cả những gì làm-thành thực-tại bên-ngoài chỉ là «thê-chất» (substance) luôn-luôn di-chuyển. Thê-chất đó là gì? Cái gì tạo ra nó? Cách-thức tạo ra nó như thế-nào? Về một phương-diện khác, cái gì khiến cho nó luôn-luôn di-động? Đây là những câu-hỏi căn-bản cần phải trả-lời thỏa-đáng trong khi ta tìm-hiểu Căn-Khôn Vũ-Trụ.

Từ ngàn xưa đến nay, nhân-loại thời nào cũng có những nhà tư-tưởng suy-tư về vấn-đề đó và cố-tìm ra lời-giải. Nhưng, từ hơn một thế-kỷ nay, cả một đạo quân chính-qui các bác-học đã và đang tiếp-tục tấn-công vào cái thành-trì rất kiên-cố mà người-ta gọi là «Vật Chất». Gần đây hơn, vào khoảng ba, bốn chục năm trở lại—các cuộc khảo cứu đã đưa đến sự

khám phá ra những phần-bé được các nhà vật-lí-học gọi là các «phần-bé sơ-dã» (*particules élémentaires*), và trong một thời-gian đã được coi như là những «viên gạch» căn-bản vạn-vật, vạn-hữu tự đó mà được xây-dựng nên. Nhưng không bao-lâu người-ta đã phải thay-đổi quan-niệm : những máy tăng-gia-tốc các phần-bé (*accélérateurs des particules*) đã cho-phép làm-ra những viên đạn (*projectiles*) làm «nổ tung» các phần-bé sơ dã đó, khiến cho chúng không còn là thể-chất căn-bản bất-khả-phân (*irréductible*) nữa.

Thừa-hưởng hai-mươi-lăm thế-kỉ nghiên-cứu về vấn-đề bí-ẩn đó, ngày nay người-ta đã đến trình-độ cảm-tri chân-lí đích-thực chưa ? Chúng-ta sẽ cố-thử kiểm-điểm sự hiểu-biết của nhân-loại bằng cách đi ngược lại thời-gian lịch-sử, để nhận-thức một cách lạ-ki rằng những tư-tưởng của tiền-nhân Đông, Tây ngày-xưa thực ra cũng không khác những kiến-thức của chúng-ta ngày-nay về bản-thể của Vật-Chất là bao-nhiêu.

1. Quan-niệm vật-chất theo các triết-gia Hi-Lạp.

Thalès, người sáng-lập ra Trường Milet ở xứ Ionie, vào thế-kỉ thứ-6 trước Thiên-Chúa, là người đầu-tiên bên Tây-phương quan-niệm rằng phải có một thể-chất gì làm căn-bản cho vạn-vật, và ông cho rằng thể-chất căn-bản đó (bản-chất) là nước : «Nước là nguyên-nhân vật-chất của vạn-vật». Chắc Thalès khi đưa ra quan-niệm đó đã lập-luận trên nhận-xét thấy rằng nước có-thể biến-đổi hình-thể thành nhiều trạng-thái khác nhau như : tuyết, nước đá (băng), hơi-nước, mây, v.v... Thalès còn cho rằng sở-dĩ Vật-Chất có-thể di-động được là vì «trong vạn-vật đầy dẫy những Thần-Linh», (*toutes les choses sont pleines de Dieux*). Như vậy là tâm-thần (*psyché*) đã bỏ-khuyết cho vật-chất, làm cho vật-chất khả-dĩ chuyển-động : mà tâm-thần là sự biểu-lộ của Thần-Linh (*une émanation des Dieux*). Vật-chất tiến (di-chuyển) về đâu, chỉ nguyên có Thần-Linh mới biết được mà thôi.

Đồng-thời với Thalès, cũng ở xứ Ionie, Anaximandre, một triết-gia Hi-Lạp «đi-ctr» khác, tuy cũng nhìn-nhận như Thalès rằng phải có một bản-chất duy-nhất cho vạn-vật nhưng lại cho rằng bản-chất đó không phải là nước. Bản-chất đó, theo Anaximandre, người-ta không biết được nhất là biết *một cách trực-tiếp* : nó vô-cùng, vĩnh-cửu, không tuổi tác, nghĩa-là vô-thủy vô-chung, và nó tạo-thành những đồ-vật với những hình-thái khác nhau ; chúng-ta chỉ biết các đồ-vật đó mà không thể biết bản-chất của chúng là gì. Bản-chất của đồ-vật, theo Anaximandre, «ở chỗ khai-sinh và ở chỗ qui-hoàn của chúng», (*la substance fondamentale unique serait «là où naissent toutes choses et où elles retournent»*).

Vào thế-kỉ thứ-5 (trước Thiên-Chúa), Trường Milet có vị «khoa-trưởng» mới là Anaximène. Anaximène thì lại nghĩ rằng khí-trời (không-khí)

mới là bản-thể của sự-vật. Khí-trời (khí-thể) tích-tụ-lại (condensé) làm ra vật-chất, nhất là các chất đặc (cổ-thể) và lỏng (dịch thể). Nhưng không may cho Anaximène, ông lại dẫn ra một thí-dụ không lấy gì làm chính xác cho lắm để chứng-minh quan-niệm của ông, là : khí-trời «tích-tụ lại» để làm ra mây! Anaximène không biết rằng có sự khác-biệt giữa khí-trời và hơi nước.

Cũng vẫn trong thời đó và cũng vẫn ở xứ Ionie, nhưng lần này thì ở tỉnh Ephèse, một người Hi-Lạp di-cư khác, Héraclite, quan-niệm rằng lửa mới là yếu-tố tiên-khởi của vạn-vật. Đối với Héraclite, lửa không những là một chất «im-lim» (inerte) mà còn là một nguyên-lí «phát động» (principe «moteur») : lửa có thể tác-động ảnh-hưởng đến các chất khác để khiến chúng biến-thể đi. Quan-niệm của Héraclite do đó khác hẳn các quan-niệm của các bậc tiền-nhân của ông, vì ông không phân-chia Vật-Chất với Tinh-Thần ; Vật-Chất và Tinh-Thần sẵn có trong nguyên-lí đầu-tiên, trong nguyên-thể của vạn-vật : nguyên-lí đó là nguyên-lí duy-nhất, vô song.

Sau Héraclite là Parménide, cũng sống trong thế-kỷ thứ-năm trước Thiên-Chúa. Parménide thay-đổi quan-niệm của Héraclite ít nhiều. Ông cho rằng Thực-tại bao-giờ cũng liên-tục (le Réel est continu) ; khoảng chân-không (le vide) không có. Theo Parménide không có sự gián-đoạn bằng chân-không giữa các yếu-tố, nghĩa-là các yếu-tố không bị tách-rời khỏi nhau bởi một khoảng không-gian trống-không, mà trái-lại được dính-liền với nhau, nghĩa là được liên-tục-với-nhau. Nhưng sự «chuyển-động» đòi-hỏi một khoảng không-gian «trống-không» : vì lí-do đó cho nên Parménide phủ-nhận luôn cả sự chuyển-động. Sự chuyển-động chỉ là một ảo-giác của giác-quan. Parménide lí-luận như sau : «Người-ta không thể biết cái gì không có, người-ta cũng không thể trần-thuật nó : bởi-vì sự gì có-thể nghĩ tới được và sự gì có-thể có được chỉ là một sự-vật duy-nhất», («On ne peut connaitre ce qui n'est pas, ni l'annoncer : parce qu'il peut être pensé et ce qui peut exister sont une même chose»). Người-ta không thể biết chân-không được, bởi-vì, theo định-nghĩa, chân-không đã là sự không-có-gì rồi ; đã không thể được-biết, thì chân-không cũng không thể hiện-hữu, có, được. Hai-mươi-lăm thế-kỷ sau, đề-nghị của Einstein về sự cấu-tạo của không-gian nghe như một tiếng vang-vọng của quan-niệm Parménide.

Trung-tâm tư-tưởng Hi-Lạp về Vật-Chất về sau này được chuyển xuống phía nam đảo Sicile, ở đó Empédocle huấn-giảng một lí-thuyết hoàn-toàn khác-biệt : nguyên-thể không phải là một mà những bốn, là : khí trời, nước, lửa và đất (phong, thủy, hỏa, thổ). Thực ra, đây là một tổng-hợp các quan-niệm của tiền-nhân. Nguyên-lí phát-động và phân-chia các nguyên-chất đối với Héraclite là Yêu và Ghét, Tinh-Thương và Căm-Thù.

Khi khai-thiên lập-địa, bốn nguyên-chất được phối-hợp lại với nhau bằng Tinh-Thương trong cái Một; nhưng rồi Cầm-Thù xuất-hiện đem chia-rẽ cái Một ra làm bốn, từ đấy Tinh-Thương vĩnh-viễn ở ngoài Thế-gian. Tuy-nhiên, Tinh-Thương rồi cũng sẽ thắng Cầm-Thù và, đến ngày tận-thế, bốn yếu-tố sẽ lại được phối-hợp lại trong cái Một hoàn-toàn là Tinh-Thương.

Vào thời-gian đó xuất-hiện Pythagore và Môn-phái của ông. Với Pythagore, lần đầu-tiên người ta thấy i-niệm toán-học, nghĩa là i-niệm về «số» (concept du «nombre»), được đem ra làm nguyên-lí sáng-tạo (force créatrice): ngày-nay nhiều nhà vật-lí-học, nhất là các nhà vật-lí-học thuộc Môn-phái Copenhagen, Đan-Mach, và các lí-thuyết-gia nguyên-lượng (quanta), cũng đồng-i với Pythagore và cho rằng sự «mô-tả» Thiên-Nhiên phải được thực-hiện bằng những i-niệm (concepts) được phối-hợp với nhau bằng một công-thức toán-học (formulation mathématique). Các nhà vật-lí-học theo Pythagore (Pythagoriciens) thấy ở trong các số nguyên (nombres entiers) và trong các số hữu-tỉ (nombres rationnels) tất-cả căn-bản để giải-nghĩa Thiên-Nhiên: các con số đó không phải chỉ có «giải-nghĩa» không mà thôi, chúng còn *sáng-tạo* ra sự «điều-hòa» của Thiên-Nhiên (l'harmonie de la Nature).

Nhưng với con số, nguyên-lí duy-nhất (l'unité) lại được sùng-thịnh, và lí-thuyết bốn yếu-tố («tứ đại») của Empédocle sẽ được thay-thế bằng lí-thuyết «nguyên-tử» (l'atomisme) của Démocrite và Leucippe.

I-niệm «nguyên-tử». — i-niệm của chúng-ta ở thế-kỉ thứ-20 này! —, thực ra không hẳn là của Démocrite. Chính Anaxagore, đồng-thời với Empédocle, mới là người đầu-tiên đưa ra giả-thuyết rằng ở kích-thước vi-tí, tất-cả vạn-vật, vạn-hữu chỉ là những «hạt» vô-cùng bé-nhỏ. Tùy theo *cách xếp-dặt* (disposition) của các hạt đó mà sự vật được thành hình với một hình-trạng đặc-biệt. Bản-thể của sự-vật do đó chỉ là một vấn-đề hình-học, nghĩa là vấn-đề xếp-dặt các yếu-tố bên cạnh nhau theo một hệ-thống tương-quan nào đó giữa chúng với nhau. I-niệm này sẽ là một i-niệm mà Einstein sẽ bành-vực với tất-cả lòng nhiệt-thành hăng-say. Các «hạt-nhân» của Anaxagore không chuyển-động dưới hiện-lực của Tinh-Thương hay của Hận-Thù theo quan-niệm của Empédocle, nhưng bởi cái mà ông gọi bằng một danh-từ mới là «Nous» Cái «Nous» của Anaxagore chẳng qua vẫn chỉ là một thứ «Psyché», một thứ «Tinh-Thần» (Esprit), như Thalès đã linh-cảm thấy... hay như Bergson và Teilhard de Chardin trong thế-kỉ của chúng-ta gọi-i ra mà thôi.

Tuy-nhiên Démocrite là người đưa ra một quan-niệm về nguyên-tử rõ-ràng hơn hết, và ông là người Hi-Lạp đầu-tiên đã dùng chữ «*atomos*», mà ngày-nay chúng-ta dịch ra là «*atome*» (a-tôm), hay «*nguyên-tử*»: *atomos*, nguyên-tử có nghĩa là «bất-khả-phân» (qu'on ne peut diviser).

Theo Démocrite, các nguyên-tử đều chung một bản-thể (substance). Chúng không thể phân-cắt ra được và giữ hình-thể của chúng một cách vĩnh-viễn, không-bao-giờ thay-đổi (éternels). Chúng không có một đặc-tính gì khác, ngoại-trừ hai đặc-tính cố-hữu là hiện-hữu (exister) và di-chuyển trong chân-không (se déplacer dans l'espace vide) để giữ những vị trí mỗi lúc mỗi khác nhau (positions variées).

Démocrite còn cho rằng các nguyên-tử tự-do di-lại theo ngẫu-nhiên (hasard), và tạo ra trong cuộc hành-trình của chúng những « hình-ảnh ngẫu-nhiên » (figures de hasard) là những hình-ảnh mà chúng-ta ghi-nhận được ở các đồ-vật Leucippe đem thêm ít-nhiều chi-tiết cho tư-tưởng của Démocrite: ông nghĩ rằng có những định-luật chính-xác qui-định cử-động của các nguyên-tử. Bằng những nét lớn, Leucippe đã phác họa ra quan-niệm của khoa vật-lí-học cận-đại: tất-cả những i-niệm căn-bản của vật-lí-học của thế-kỷ thứ-20 đã tìm-tàng trong tư-tưởng của Leucippe, và các triết-gia Hi-Lạp. Tư-tưởng đó hoàn-toàn theo trực, giác. Các triết-gia Hi-Lạp lấy suy-tư tiên-quyết (a priori) để hướng-dẫn tư-tưởng; họ dường như không căn-cứ vào kinh-nghiệm. Vì vào thời-đại của họ kĩ-thuật còn kém, không cho phép họ làm những cuộc thực-nghiệm để chứng-minh giả-thuyết của họ, trông-tự như các triết-gia Ấn-Độ hay Trung-Hoa thời cổ. Là hậu-sinh, chúng-ta chỉ còn biết bái-phục cái trí-giác kì-diêu đem áp-dụng vào suy-tư đã đưa-dẫn họ đến một kết-luận mà ngày-nay khoa-học với những phương-tiện cực-kì phong phú, sau mấy thế-kỷ tiến-hóa, cũng vừa xác-nhận.

Nhưng chúng-ta bầy trở-lại những i-niệm về Vật-Chất.

Sau Leucippe, Platon (— mà Phùng Hữu-Lan, Fong Yeou-Lan, tác-giả cuốn « Trung-Quốc Triết-học Sử », Précis d'Histoire de la Philosophie Chinoise, nhà xuất-bản Payot, Paris, 1952, đã so sánh nhiều với Chu-Hi. Tchou-Hi, (1130-1200) đời Tống —) lại tu-sửa thêm giả-thuyết của Démocrite. Platon gán cho những nguyên-tử những hình-thể hình học đặc-biệt: đất (thổ) có hình lập-phương (cube), khí-trời (phong) có hình khối-tám-mặt (octaèdre), lửa (hỏa) có hình bốn-mặt (tétraèdre) và nước (thủy) có hình khối-hai-mươi-mặt (icosaèdre). Còn lại hình mười-hai-mặt (dodécaèdre) không là hình của một yếu-tố căn-bản nào (tuy là khối đặc đều (solide régulier) thứ-5 mà môn-phái Pythagore đã khám-phá ra). Platon không biết « giải-thích sự-kiện đó ra làm-sao, bèn tuyên-bố rằng: « Còn có một tổ-hợp thứ-năm nữa mà Thượng-Đế đã lòng-tôi để tạo-lập Căn-Khôn. » I-niệm đó của Platon sau này sẽ được Aristote khai-thác. Về vấn-đề các khối đặc đều, Platon nhận-xét rằng các mặt của chúng đều có-thể làm-thành; bởi hai hình tam-giác cân-bằng, là hình tam-giác đều-cạnh (triangle équilatéral) và hình tam-giác hai-cạnh-đều (triangle isocèle); và ông kết-luận rằng cái căn-bản, bất-khả-pân, chính là những hình tam-giác

đó chứ không phải là những khối đặc đều. Nhưng người-ta chỉ « biết » được có các khối đặc đều mà thôi, còn các hình tam-giác chỉ là những « danh-vị » (entités) căn-bản bất-khả-tri. Nhận-xét của Platon vô-cùng quan-trọng, vì ngay từ thời đó ông đã mơ-hồ linh-cảm thấy có một Thực-tại—cái Thực-tại là Chân-Lí—tiềm-ẩn dưới cái Biết-được (le Réel sous-jacent au Connu) ; muốn tìm-thấy cái bất-khả-phản người-ta phải tìm-kiểm trên bình-diện đó của Thực-tại. Để làm sáng-tỏ i-niệm của ông, Platon đan-cử thí-dụ hình-ảnh Con-Người bị-nhốt trong một cái hang, nhìn lên vách hang hắt ta chỉ trông thấy có những cái « bóng » của thực tại ở bên ngoài cửa hang được ánh-sáng mặt trời chiếu hắt lên.

Nhưng rồi thuyết nguyên-tử cũng bị lu-mờ, vì cùng một lúc với quan-niệm của Platon và Môn-phái Pythagore, người-ta còn khám-phá ra thêm những con số « vô-lí » (nombres irrationnels), là những con số không phải là 'ỉ-số của những số nguyên : thí-dụ, tỉ-số của đường-chéo (diagonale) với cạnh của hình vuông bằng căn-số của 2 (racine de 2), không thể diễn-tả được bằng một tỉ-số đơn-giản (rapport simple) ; như-vậy là tất cả không thể mô-tả được bằng cái « gián-đoạn » (le discontinu) như các lí-thuyết-gia nguyên-tử chủ-trương, bởi-vì, nếu tất-cả đều có-thể mô-tả được bằng cái gián-đoạn thì sẽ phải có một số nguyên nguyên-tử vừa trong đường-chéo lẫn trong cạnh của hình vuông, và khi đó tỉ-số của hai kích-thước sẽ phải là tỉ-số của những số nguyên.

Môn-phái của Aristote sẽ thừa-hưởng tình-trạng này. Chúng-ta bây-giờ hiện đang ở Hi-Lạp, vào thế kỉ thứ-4 trước Dương-Lịch. Vì cái « gián-đoạn » không đủ tư-cách để giải-thích sự-vật hiện-tại (la réalité), Aristote bèn trở-lại với quan-niệm « liên-tục ». Và ông đem tất-cả công-trình của tiền-nhân làm thành một tổng-hợp lớn: ông công-nhận có bốn yếu-tố có-thể biến-đổi (altérables) là đất, nước, khí-trời và lửa, và một yếu-tố không-thể biến-đổi (inaltérable) là khí ê-le (éther) (thực ra chỉ là cái khối mười-hai-mặt của Platon).

Bốn yếu-tố đầu có-thể biến-chất lẫn-lộn chất này thành chất khác và tiến-triển biến-hóa trong thời-gian đối-chiếu với yếu-tố thứ-5 : sự-kiện này cho phép có sự di-động mà vẫn phủ-nhận chân-không, và trả-lời được những điều dị-luận của Parménide. Sự thực, như chúng-ta đã thấy Aristote đem khí ê-le thay thế cho chân-không (1). Khí ê-le của Aristote không khác gì khí Thái-hư của Trương Hoành-Cử đời Bắc Tống.

Trên căn-bản đại-qui-mô đó, Môn-phái Aristote xây-dựng nên một hệ-thống đồ-sộ, đề-cập đến tất-cả mọi vấn-đề : Vật-lí, Hóa-học, Khoa-học Tự-nhiên, Thảo-mộc-học, Nghệ-Thuật, Sử-kí, Địa-dư..., và cả khoa Chính-tri-học. Ảnh-hưởng của môn-phái Aristote thực nặng-nề, đến độ kim-

DJO

nguyên tác : *ILYA EHRENBURG*

người dịch : *LÊ VĨNH-THO*

Tôi biết Djo trước chiến tranh. Đó là một con chó nhỏ the lười chạy rong khắp các đường phố nhỏ phủ tuyết của khu ngoại thành Mạc Tư Khoa. Từ đầu nó hiển nhiên là không phân biệt giai cấp : Djo có những cái cẳng ngắn ngắn cong vẹo và cái đầu rối bù lớn quá cỡ. «Anh moi ở đâu ra được một cửa lạ như thế ?» Người ta chọc ghẹo Maltseff. Cả Tamara cũng nói «Tôi biết mà, người ta có một con chó khôn gớm...» Nàng thích ca kịch và đời sống phóng khoáng. Còn Maltseff, chàng là một nhà văn khòm lưng và ít nói. Điều làm chàng say mê, đó là những quyển sách lớn khô khan.

Djo biết rằng nó không nên quấy rầy Maltseff khi chàng ngồi vào bàn ăn. Đôi khi, thật là khó : khi người ta rung chuông, khi nó muốn nhảy xổ vào cửa trước sửa vang lên, hoặc khi từ nhà bếp vẳng lên những âm thanh kỳ lạ (HÉLÈNE chùi rửa soong chảo). Nhưng DJO không dám mở hé cánh cửa và đánh náo nức thở mạnh. Bù lại, khi chàng đứng lên, DJO mừng rỡ, bắt đầu vẽ những vòng tròn trong phòng. Con chó này rất giàu tưởng tượng và hay bịa chuyện thêm thắt cho đời sống. Nó chôn một viên đá trong tuyết rồi cào bới một cái hang tưởng tượng và hứng chí ngậm mũi nhảy bỏ đến chủ. MALTSEFF đã dạy nó đem báo cho lão già GNIÉDINE ở con phố nhỏ cạnh đó. «Bác phu trạm chó !» GNIÉDINE cười nói. MALTSEFF im lặng : chàng biết rằng không ai hiệu được lòng quý mến của chàng đối với con chó có cẳng cong vẹo và lông dựng đứng.

chiến đấu xứng đáng, không tìm được lời nào khả dĩ khích lệ binh sĩ : chàng quen làm việc văn phòng và ít thích bày tỏ. TAMARA ít viết thư và những lá thư của nàng rất lạnh nhạt. MALTSEFF biết rằng một hay hai tháng nữa thôi : nàng sẽ ngưng viết; trong thâm tâm nàng không hề yêu chàng, nàng để cho chàng yêu thế thôi. Trận chiến đã đến hồi cam go ; đành phải rút lui, người ta tự hỏi. « Bao giờ mới ngăn chặn được địch quân ? » MALTSEFF nghiêng rặng chiến đấu. ĐJO nhắc nhở cho chàng quãng đời sung sướng xưa kia, sách vở, mơ mộng, tuổi trẻ...

Còn ĐJO nó đã đổi khác ; lúc nào nó cũng có vẻ bận tâm ; từ lâu nó đã quen với khói lửa, đã biết bò ở khoảng trống, biết ẩn trong những hố tạc đạn. Một lần, trong một làng, một con chó mất dạy lông đỏ hoe nhào tới sủa khiêu khích. Nếu như xưa kia, nó sẽ không bao giờ từ chối ầu đả : nó rất nóng nảy. Nhưng lần này, nó bỏ qua không một lời chửi rủa.

Nó nằm dưới lều vải. MALTSEFF đánh thức nó dậy, vuốt ve nó. Đêm MALTSEFF khó ngủ vô cùng. Hôm trước, một thủ hạ hỏi chàng : « Biết một ngày kia, ta có thực sự, ngăn chặn được địch quân không ? » MALTSEFF biết rằng có thể ngăn chặn quân Đức, nhưng những lời nói hèn nhát này vẫn còn vương vít trong đầu chàng như một dư vị, khiến chàng khó ngủ. ĐJO hiểu ý nghĩa của sự vuốt ve hiếm hoi và vụng về đó, và nó tựa chiếc mõm nham nhám và ngái ngủ vào lòng bàn tay MALTSEFF.

Mùa đông năm đó đến sớm và rất lạnh. Mỗi lần, MALTSEFF đến trại chỉ huy đóng ở làng JOURAVLIOVKA, ĐJO có rúm những chiếc căng lạnh cóng. Hơn một tuần lễ, cả hai ở trên một ngọn đồi gần một giếng nước đóng băng. ĐJO chạy từ đồi đại liên này đến đồi khác. Mọi người đã quen thuộc với nó : nó thể hiện cho tiện nghi và bình thản.

ĐJO lạnh và buồn. Nó không hiểu tại sao MALTSEFF và nó không vào làng. Ở đó có ông thiếu tá mập bự, suốt ngày ông ta đùa với nó... Nhưng ngày hôm ấy, một việc gì đó đã xảy ra. ĐJO không biết rằng quân Đức đã đánh thủng phòng tuyến tiền quân về phía con đường KROUGLOVO. Nó không biết rằng đã có lệnh phải cầm cự đến hơi thở cuối cùng. ĐJO chỉ thấy rằng MALTSEFF không cần đến nó và cụp tai lại như là có tội, ĐJO cố gắng không để ai chú ý tới mình.

Bề ngoài MALTSEFF có vẻ bình tĩnh, nhưng lòng chàng đang sôi động. Đạn được cạn dần. Pháo kích trên con lộ KROUGLOVO., Và máy truyền tin đã hỏng. Đường dây bị cắt đứt. MALTSEFF thử cho hai người đến JOURAVLIOVKA ; một người tử thương, còn một người bị thương bỏ trở lại. MALTSEFF, nghĩ đến một điều : chận đứng quân Đức lại ! Pháo kích trên con lộ, KROUGLOVO, đó là ý nghĩa của cuộc đời này mà trước kia chàng không tìm ra đầu mối.

MALTSEFF chợt hiểu : phải gửi DJO đi mới được. Chàng biến chiếc áo sơ mi thành đồ ngự trang cho con chó. Chàng buộc một mảnh giấy nơi dây cổ. «Hết đạn. Chúng tôi cầm cự đến 16 giờ. Pháo kích trên đường KROUGLOVO, bên trái khu rừng nhỏ!» Chàng bảo DJO : «Chạy ! Chạy đến thiếu tá!» Nhưng DJO không hiểu. Nó thấy chủ nó cần nó giúp đỡ, nhưng không biết phải làm gì. Mắt nó không rời MALTSEFF và cái nhìn của nó được buồn, MALTSEFF liền đưa cho nó một tờ báo bỏ đó định dùng làm giấy hút thuốc. DJO ngậm tờ báo giữa hai hàm răng và nhìn : «Đi đâu?» Nó đoán là phải đi vào làng, nơi mà hằng ngày nó thường theo chủ nó. MALTSEFF bảo nó : «Chạy mau!» và DJO bỏ đi.

Đề đến JOURAVLIOUKA phải vượt qua 3 cây số ! DJO bỏ, dừng, mắt hút trong tuyết rồi lại hiện ra. Nó sợ đánh rơi tờ báo và thở rất khó khăn. Mới đầu, nó bỏ dọc một thung lũng nhỏ rồi lên một con dốc. DJO nhớ rõ đường. Chung quanh hoàn toàn im lặng. Nó rẽ sang phải và bắt đầu bỏ theo chữ chi ; nó thường bỏ như thế với MALTSEFF. Bất chợt nó thấy đau đớn dữ dội. Nó lịm đi. Một mảnh mìn đã làm gãy hai cẳng sau. Nó nằm dài, bất động. Nó tỉnh dần. Nó rên rỉ và chợt nhớ lại : phải đem tờ báo đi. Tập trung cố gắng nó lại khởi hành, nó bỏ hay nói cho đúng hơn là nó bơi, dùng hai cẳng trước đùn tuyết ra sau.

Nó đến nơi kịp thời : trại chỉ huy đang di chuyển đến một nơi khác. Đọc xong mảnh giấy, thiếu tá kêu lên : «Của MALTSEFF» Chuyện xảy ra trong căn nhà gỗ cuối làng, nơi thiếu tá ở. «Hãy liên lạc với REDKO...» Nói với PIROGOV : «ở bên trái khu rừng nhỏ...» Thiếu tá nóng lòng và hối thúc trung úy đi gấp. Bên cạnh căn nhà gỗ, một chiếc cam nhông đang đợi. Không ai để ý đến DJO. Nó thấy tờ báo kéo lê dưới đất thế mà vì tờ báo đó nó đã phải bỏ

đến tận đây. Nó kêu ăng ăng như muốn bảo : «Nhật tờ báo lên!» Nhưng không ai ngó ngang gì đến nó. Thiếu tá và ba người khác đã ra khỏi nhà. DJO ở lại một mình. Nó mệt nhọc lê đến cửa để đi tìm chủ nó. Nhưng nó không thề mở cửa. Tối đó, đêm đó và cả ngày hôm sau nó phải nằm lại trong căn nhà. Đói khát dầy vò nó : nó dựa chiếc lưỡi khô liếm trên những chiếc cẳng gãy. Nó nghe tiếng mỗi kêu. DJO buồn rầu nghĩ ngợi : MALTSEFF đâu ? Đêm lại đến, con chó cảm thấy thấm thía nỗi cô đơn đè nặng. Nó muốn tru lên nhưng không còn hơi sức. Rồi nó ngủ chập chờn ; nó tưởng nó như là con chó con vắng mẹ, tìm mẹ nhưng không thấy mẹ đâu. Trong cơn mê sảng, nó khóc : MALTSEFF đâu ?

Còn MALTSEFF, chàng rất sung sướng. Khi người ta bắt đầu nã súng vào con đường KROUGLOVO, chàng hiểu rằng DJO đã tới đích. Lúc 6 giờ, trời đã tối và tiểu đoàn của REDKO đã đến kịp thời. MALTSEFF hỏi : « Con chó đâu ? » Không ai biết gì cả. REDKO từ NIÉKRA SSOOKA đến. Hừng sáng, quân Đức ra sức tấn công ; mọi người đầy lui được địch quân. Rồi hai tiểu đoàn của MALTSEFF và REDKO phản công. Họ đánh bật được quân Đức ra khỏi con đường KROUGLOVO.

Đêm đến, MALTSEFF đến JOURAVLIOVKO ; không thấy ai liên lạc ; chàng tưởng trại chỉ huy vẫn đóng ở chỗ cũ. Trong căn nhà gỗ trống vắng, nơi thiếu tá ở trước kia, chàng gặp DJO. Con chó đã hồi tỉnh và muốn nhảy chồm đến, nhưng nó không thề ngừng đầu lên. Chỉ có cái đuôi còn hơi run rẩy. Và tất cả những gì ẩn chứa trong tâm hồn nó đều biểu lộ ở đôi mắt nó ngược nhìn MALTSEFF. MALTSEFF quay mặt đi. Chàng cúi xuống vuốt ve DJO ; im lặng rồi lại vuốt ve DJO rồi rút súng ra bắn. Chàng rời khỏi căn nhà không ngoảnh lại. Phải tìm về trại chỉ huy.

LÊ VINH THỌ dịch

(Trích trong tuyển tập

«LES VINGT MEILLEURES NOUVELLES RUSSES»

— COLLECTION MELIOR)

những người mới tới nói cho đám đông

tặng lũ mây mỗi đưa một nhát gươm
đỉnh kèm lời phỉ nhổ
cả ngàn năm ô nhục vừa bước qua

tặng lũ mây một trăm năm nô lệ
vời mười năm kháng chiến bị cướp công
thêm chín năm cộng hòa nhân vị

tặng lũ mây niềm bất hạnh của lạc hồng
hãy mang theo mà làm kỉ niệm
thử kỉ niệm bằng vàng đó nghe các con
lặng lũ mây những thời đất khó

đó là quê hương đó là tổ quốc
quê hương liệt oanh tổ quốc anh hùng
việt nam chúng tao toàn những quang trung
toàn nguyên trái vừa làm thơ vừa đánh giặc
toàn con gái mang tinh thần ngọc hân trung trắc
lũ chúng mây biết không biết rồi hay không

tặng lũ mây chút tinh thần vô địch
của chúng tao mấy mươi năm chiến tranh
hãy mang theo mà về địa ngục
từng đêm ngủ gối đầu nằm

tặng lũ mây những đứa con hoang
những đứa con quên giòng quên giống
lũ chúng mây rõ mặt nó chưa
chúng đang khóc loi nhoi ngoài kia vỹ tuyến
chúng đang làm cho máu mẹ chảy thêm
chúng đang làm cho đất mẹ tan hoang

tặng lũ mây đạn đồng và bom
ở đồng quê nơi bà con thân yêu chúng tao ngày đêm
chịu đựng
đau khổ nhân lên
đó là ruột rà chúng tao đang đứt

tặng lũ mây nhiều cặp mắt nai-tơ-con-gái-nhỏ
và tình-yêu-vĩnh-biệt-khi-chưa-thành
cùng nhiều thứ chia ly khác nữa

tặng lũ mây bao nhiêu thứ đó đi đi
nhân danh việt nam khổ đau chúng tao chia buồn chút đỉnh
chút đỉnh thôi nhớ nhé các con

linh yêu đúng ra phải dành toàn phần cho quê
hương cho tổ quốc

quê hương liệt oanh tổ quốc anh hùng
việt nam chúng tao toàn những quang trung
toàn nguyên trái vừa làm thơ vừa đánh giặc
toàn còn gái mang tinh thần ngọc hân trung trắc
lũ chúng mây biết không biết nổi hay không ?

LAN SƠN ĐÀI



Thằng ngáo là nhất

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

9/ 4-4. Nếu bây giờ mình chết một cách bất ngờ, một tai nạn nào đó, một căn bệnh... những trang nhật ký này còn lại, một người sẽ đọc, nhiều người sẽ đọc, cha mình, mẹ mình, một người lạ nào, mình muốn đốt hết đi, có một đứa con gái nào lại ghi tất cả những lần ăn nằm vụng trộm với một người làm, một người tài xế, một bạn của bố... có đứa con gái nào, hay một thằng con trai nào dám đưa nhật ký cho vợ, hay chồng mình đọc, nhật ký viết trong những ngày chưa lấy nhau, "chắc chắn không, mọi điều đều được giấu nhem, làm mờ đi, cũng như chẳng đứa nào dám nói: tao muốn ngủ với mày, chúng nó nói em yêu anh, em hiến cho anh tất cả xác lẫn hồn, em trao thân cho anh. Hoa mỹ thật hoa mỹ... Nhụy thừa thà bề cho người tình chung... Chữ trình còn một chút này... Dẫu là ngó ý còn vương tơ lòng. Rõ ràng trong ngọc trắng ngà... Tại sao văn chương toàn là chuyện đàn bà. Ngó bọn đàn ông, không có chuyện gì để viết. Cái bọn đàn ông bày đặt, lắm điều. Tôi muốn viết về bọn đàn ông. Tôi phải trả thù cho đàn bà. Ít nhất tôi có viết về đàn bà

thì tôi cũng sẽ làm trạng sư cho họ. Lý do vì sao một người đàn bà có thể ngủ với nhiều người đàn ông, lý do vì sao tôi có thể yêu một người là thầy học mình, một người bằng tuổi bố mình, vì sao một người đàn bà yêu người này, lấy người khác, vì sao họ muốn có con... Tôi thấy tôi có nhiều điều để viết quá. Rất nhiều điều. Nhưng bây giờ thì không. Tôi muốn tìm hiểu tôi, muốn theo dõi tôi.... Nhưng rồi một lúc nào đó tôi phải thủ tiêu những trang nhật ký này. Mình thử tưởng tượng một người lấy được cuốn nhật ký này hẳn truyền tay cho người khác đọc, nhật ký của con đi ngựa... kinh hồn, một nhật ký kinh hơn nhật ký của Nã Phá Luân, kinh hơn nhật ký của G. Saut. Và biết đâu những trang nhật ký này được in ra, được lưu truyền, rồi người ta phê bình, phân tích, biết đâu nó không nổi tiếng, biết đâu, như Anna France... biết đâu... không có gì ngoài câu: tuyệt-diệu... Trong buổi sáng đầu tiên ấy. Tại sao mình đã không ghi lại những điều ấy, đã quên đi hết, những mơ hồ trong trí nhớ...

8-4. Tôi muốn có một đứa con, có thực thể? Mình chưa muốn có một đứa con lúc này. Có một đứa con để làm gì? Tại sao bà ấy không chết đi. Tội nghiệp, con mất ấy, tiếng nói ấy, những khổ sở nào. Quả tôi là một kẻ tệ hại.

15-4. Con Nga lại chơi, mình có cảm tưởng nó đến dò xét mình. Cứ trông con mắt soi mói của nó nhìn vào bụng mình, nhìn vào mặt mình, nó làm như nó muốn kiểm soát thân thể tôi. Nó cười: Trông mày mập nhưng có vẻ xanh. Tôi muốn bảo phải rồi, tao ốm ghén. Nó kể truyện lớp học làm mình nhớ. Nó kể đủ truyện hết, chợt nó im lặng lắng nghe tiếng hát quen thuộc ở radio, nó nói: mày nhận ra ai không, tôi nói có, ca sĩ T. — Đúng, nhưng là đĩa, giọng hát của cô ta hồi xưa, bây giờ không thấy cô ấy hát nữa, chồng nhạc sĩ, vợ ca sĩ đều nổi tiếng, thích thật — Tôi nói: mày muốn là cô ấy không — Không — Sao vậy — Mày không biết à — Biết gì — cô ấy có nhiều đời chồng và sống kinh lắm — Sao mày biết nhiều thế — Ai chẳng biết. Tao nghe nói lại chú tao nói cô ấy nổi tiếng một thời, từ lúc chưa đảo chính kia, cô ấy khi đi học đã làm mê đắm một giáo sư dạy viết văn — cô ấy mê thầy học, cô ấy làm cho ông thầy mê luôn, tao không nhớ tên ông ấy nhưng tao có biết, ông ấy lúc làm giáo sư ai cũng mến hết, dạy hay, đứng đắn, thế mà cô ta làm ông ta hư, cô ta lúc đó mới 16 chứ bao nhiêu. Cuộc tình duyên trắc trở sao đó, lúc bỏ khu về cố đô cô ấy lấy một tên quan hai lê dương, rồi lung tung nữa... Người ta còn nói cô ấy hát ở dưới đó, một hôm ông bố cùng các bạn đi chơi gặp con dưới thuyền — Thâm quá — Mà cô ấy giỏi lắm nghe, con nhà có học, bố làm lớn nữa... Tôi tự hỏi: sao Nga lại kể truyện đó với tôi. Có một ám chỉ nào? Cô ấy có nhiều đứa con khác nhau, nhưng đến người chồng cuối cùng thì cô ấy sống rất dương hoàng. Cô ấy hát bài «*Bên Tàn Bến Ngự*» hay thật,

tao nghe mãi cái đĩa không chán. Nga ngừng lại: Không hiểu sao thầy dạy viết văn làm nhiều đũa mê thế. Mày biết thầy Hùng không?—Biết, vợ ông ấy chết cách đây độ hơn một năm phải không — Đúng đó, ông ấy là một nhà văn nữa, đặc biệt ông ấy tào chưa thấy đũa nào mê, ông ấy đáng mê lắm chứ. Mày mê ông ấy đấy à — Đầu có, tao thấy ông ấy không có gì hấp dẫn cả, trông ông ấy ai bảo là văn sĩ, tao tưởng văn sĩ phải ghê gớm lắm... Nga nói đến mọi người nhưng tuyệt nhiên không nhắc đến thầy Linh, tôi cũng không nói gì đến, chừng như không có mặt người đó. Tôi hiểu nó đến đây làm gì, sao nó không nói thẳng những điều nó nghĩ. Lúc về nó hỏi: chắc mày nghĩ học luôn, mày cần gì phải học nữa. Tôi bảo tôi sắp đi Đà-Lạt học trong trường của các bà sơ, Nga mỉm cười: chắc khi mày về thi béo tốt hồng hào ra, khi hậu ở trên ấy tốt lắm, mày về có khi còn lột da nữa. Nó cười. Tôi lặng thinh. Tôi muốn bảo: tao lên trên đó để con, tôi muốn nói cho nó đừng nói mơ hồ với tôi nữa. Tôi lên Đà Lạt lột da đây. Tôi vẫn nghe chuyện, con này, bà kia, có họ đi Đà Lạt, hay đi Nhật, đi để phá thai hay để đẻ... Tôi nào có một đũa con đẻ đẻ... mà biết đầu trong bụng mình không có một cái thai đang lớn. Tôi lạnh người khi nghĩ đến điều này. Biết đầu một tế bào đang lớn dần? Nếu có một đũa con mình phải sống ra sao nó có giữ được thầy Linh, nó có sống được cùng với mình giữa những vây phủ đe dọa này. Con Hoàng nó chưa hoang rồi. Chưa có chồng mà có chửa là hư, là hư. Hạnh phúc cho những kẻ dấu diếm được. Bao nhiêu đũa con gái ngày nay còn giữ được chung thủy, còn bao nhiêu đũa con gái chỉ hôn một người đàn ông, chỉ ngủ với một người đàn ông. Còn bao nhiêu người đàn ông chưa ngủ với diêm. May ra còn những kẻ tu hành từ thuở nhỏ, và những người sinh ra đã không biết gì là đam mê, quyến rũ... Tôi không muốn nghĩ gì cả. Tại sao mình cứ nghĩ lung tung vậy, người khác thì sao?

18 - 4. Nhớ lại những giọt nước mắt đêm ấy, những giọt nước mắt lăn trên má, nhỏ trên cát, chưa bao giờ tôi cảm thấy cô đơn như lúc đó, tôi chưa thể trở thành một hòn vọng phu, tôi biết tôi mất tôi dần dần, rồi tôi sẽ nhớ tôi, thương tôi. Anh Quân nói tôi thất tình, có lẽ thế, hơn nữa, tôi thất vọng, tôi mơ hồ cảm thấy gần với anh Quân hơn bất cứ ai. Có lẽ mình không yêu thầy Linh, có lẽ vì tôi thiếu trong đời sống tôi một cái gì, tôi thiếu bà mẹ, thiếu một người em, thiếu cái không khí nuôi nấng, nâng niu, tôi hiểu vì sao anh Quân đã chẳng thể làm con nuôi trong gia đình này. Tôi hiểu và tôi quý anh. Nếu tôi là anh tôi cũng đã rời khỏi. Sao tôi lại là con gái. Nếu là con trai tôi dễ xử biết bao. Bà ấy nói: mày lớn rồi: mày phải lo lấy thân mày, nhưng mày đừng bêu xấu gia đình này. Phải, tôi lớn rồi, tôi phải lo cho thân tôi, gia đình này đẹp lắm sao. Tôi đã bêu xấu thêm bao nhiêu nữa. Cha tôi đã làm quan lớn, đã đi buôn, và ông đã làm những việc mà ông gọi là cách mạng, chống phong kiến, thực dân, tôi đã nghĩ ông đọc diễn văn

ca tụng, lên án... Tôi không muốn có một người cha như thế. Tôi muốn nói với ông, nhưng có lẽ chẳng bao giờ tôi dám nói, đằng nào ông cũng là cha, đã sinh ra, đã nuôi mình, tôi chỉ biết âm thầm đau khổ, làm sao được. Tôi vẫn tự hỏi: ông có biết, có nhìn thấy những việc ông làm là lỗi bịch không? Tại sao ông cứ lao đầu làm khổ thân ông? Ông làm vậy để làm gì? Có thật ông nghĩ là ông làm cách mạng, chống phong kiến? Ông chống phong kiến mà sao ông đối đãi tàn tệ với những người ăn người làm trong nhà, sao ông đã chấp nhận làm quan, nếu không có những đòi hỏi thì ông có thôi làm quan không? hay ông sẽ làm quan đến già? Ông làm cách mạng với ý nghĩa tìm kiếm cho mình nhiều thế lực, kiếm ra nhiều tiền, ký tên đầu vào những kiểu nghị, ngồi hàng ghế đầu trong các buổi lễ... đó là hành động cách mạng sao. Nhìn bà ấy, mình nhớ đến một người nhắc lại lời của một mẹ ở cổ đô: *Con hầu dẫu, mi mau mau mang nước nóng lên rửa chân cho bà để bà còn đi biểu tình chống phong kiến*. Một câu nói đủ diễn tả hết một hoạt cảnh chua chát... Tôi không muốn là con của một ông quan, con của một ông nghị sĩ, tôi muốn là một đứa trẻ mồ côi, vô thừa nhận.

21-4. Làm sao cho hết thời gian một ngày, làm sao để sống mãi thế này. Tôi muốn được đi, được đôi khác nhịp sống. Hãy thả tôi ra khỏi nhà tù này. Ăn ngủ, ăn ngủ...

24-4. Chừng như nơi nào, chỗ nào người ta cũng rình rập tôi, con mắt nào nhìn tôi cũng như muốn xé rách quần áo tôi. Phải rồi, con Hoàng đây, nó đã trần truồng nằm bên một ông già trần truồng với cái bụng phệ. Chính nó đây, nhìn đi, mông đây, vú đây, đùi đây... Muốn tôi ngủ hết với bọn người sao? Tôi muốn trần truồng đi chơi với người đàn ông ấy cho người ta ngắm.

25-4. Tôi ra phố rất sớm, muốn ghé lại trường nhưng tôi đâu đường thì không còn bình tĩnh để tới đó, tôi lén lút trong những con phố như một kẻ bị hủi mà người ta rình rập để tóm lấy cò. Ngồi ngoài bờ biển một mình làm tôi nhớ anh Quan. Tại sao tôi không yêu Dũng? Phải chăng tôi có một tâm hồn bệnh hoạn như người ta vẫn nói, hay một con đĩ ngựa như người ta dè bĩu sau lưng? Con đĩ ngựa, thật tuyệt biết bao nhiêu. Tôi là con đĩ ngựa đích thực đây. Có sao đâu? Dũng có yêu mình thật không? Con mắt ấy, tiếng nói ấy, vẻ bướng bỉnh ấy, có phải tôi đã ngu dần trong lựa chọn, có phải tôi đã ư mê? Không, tôi yêu thầy Linh, tôi yêu thầy Linh, tôi cố nhủ thầm tôi như thế, tôi đã lựa chọn, tôi phải chịu, định mệnh đã đưa tôi tới với người đàn ông ấy, tôi biết tôi sẽ phải phấn đấu trong bí hiểm, dù tôi có muốn là một người khác cũng không được nữa, tôi là Thị Hoàng và mãi như thế cho tới chết, tôi không thể thoát ra khỏi số mệnh đã định đặt cho tôi, không ai lựa chọn được số phận cho mình, tất cả, những lựa chọn của mình là những lựa chọn của định mệnh, mình phải tin, tin mình sẽ tìm ra hạnh phúc, thực tình thầy Linh yêu mình...

30-4. Đêm qua mình nghe hai người nói chuyện khiến mình lo. Thầy Anh sắp đi Pháp với vợ? Thật sao? Phải chăng có một âm mưu đàn áp nào, có phải người ta đã muốn thoát khỏi, vượt tay, ngoảnh mặt như người ta vẫn làm với những con diêm, như những ông chủ ngũ với người ở, như muốn nghìn những người đàn ông khác tìm đủ mọi lời hứa hẹn ngon ngọt để chiếm lấy những người đàn bà trong chốc lát sau đó vút ra ngoài như một đồ phế thải. Người ta cũng như vậy với mình sao? Người ta cũng như bao nhiêu kẻ bất tiện khốn nạn đó sao? Tôi phải gặp người ta, quả thực người ta muốn xô tôi xuống một vực sâu sao, muốn tôi chết phi tang không để lại một dấu tích gì của họ sao? Tôi phải gặp. Thôi rồi những hạnh phúc đã trôi, tôi chẳng còn lại gì, có hăng lòng kiêu ngạo, có chăng sự cay đắng, có chăng một con mắt ngờ vực, tôi tưởng như quanh tôi chỉ có những kẻ thù, phải rồi quanh tôi chỉ có những kẻ coi tôi như một đồ vật và họ tự cho họ những quyền xếp đặt nó vào chỗ này chỗ khác, tôi chẳng thể thoát ra. Không, tôi phải thoát ra, tôi phải tự xếp đặt cho tôi, tôi phải lựa chọn cho tôi, tôi không phải là đồ vật, tôi không phải là một con búp bê, tôi là tôi đây, tôi phải có đời sống của tôi. Mấy thời gian sau này cha tôi im lặng, sao im lặng vậy, bà ấy thì có cái giọng điệu khinh khỉnh, chắc bà đã khinh tôi cho tôi là một con diêm, ừ vậy đó, nhưng bà quên bà là một con mẹ đây, một con diêm thập thành, cái thằng Hoa là con ai vậy, con của thằng tây sao, nhưng sao nó không có tóc quăn, không có mắt xanh, không có mũi lõ, tôi khinh bà lắm, bà nên hiểu như vậy, bà tưởng bà là bà nghị sĩ ghê gớm lắm sao. Trông cái mặt phèn phẹt, bự phẩn, lòng này không còn một cái, đôi môi đỏ nguyềnh ra lặn mang tai mà gớm, à thế mà bà lại là phó chủ tịch của một hội phụ nữ kia đây, trông mà ốm, người ta nói sao biết không, con mẹ Vĩnh Thành. Con mẹ, nghe cái tiếng đó mà lởm, trong khi trước mặt người ta khúm núm: thưa bà phó chủ tịch, thưa bà nghị... có biết đầu sau đó người ta nói gì với nhau, có biết đầu sau đó người ta quay đi và nhò nước miếng... Tôi thấy tôi quản trị quá lắm, tôi phải gặp người ta, tôi phải biết rõ người ta sẽ xử trí thế nào với tôi, người ta có dám vứt bỏ hết và đi với tôi, chỉ biết có một mình tôi, và chỉ có tôi người ta mới thấy đáng sống, có thực tôi là điều tối cần thiết cho người ta không, và không có tôi người ta không còn gì nữa, mọi điều đều vô nghĩa? Tôi muốn được xác nhận điều đó, tôi muốn được biết rõ. Nếu quả thật như vậy tôi phải đối phó ra sao? Phải rồi, mày là một con đĩ ngựa, mày đã bắt đầu cuộc đời khốn nạn từa mày một cách quá sớm, người ta coi mày như một con chó hoang chết không. Tôi muốn được nghe người ta nói với tôi: anh yêu em suốt đời. Hãy nói với tôi như thế hãy nói với tôi một giọng cảm động ghen ngạo, hãy chảy mấy giọt nước mắt, vuốt ve tôi và ngay khi đó đâm vào giữa ngực tôi một mũi dao nhọn. Tôi muốn được như thế. Đừng bỏ tôi sống trong canh bạc bịp đã bị lật tẩy.

4-5. Tôi lang thang trong những buổi chiều tối, tôi hợp với những

lúc tối trời, lúc đang thơ thẩn ngoài bờ biển thì xe của cha tôi đỗ bên, ông lên tiếng gọi tôi và bảo tôi về, tôi lặng lẽ lên xe về nhà, cha tôi không nói điều nào, tôi trông dáng ông buồn tội nghiệp, có lẽ ông lo cho tôi, ông sung sướng gì đâu, nếu ông có những đứa con không phải là tôi, nếu ông có một bà vợ không phải là vợ ông bây giờ chắc ông có hạnh phúc, có lẽ ông khác đi.

5-5. Tôi không phải là một con chiên, nhưng sao ngồi trong nhà thờ buổi sáng hôm nay tôi thấy êm tĩnh, những hàng ghế trống, một người đàn bà nhà quê quỳ gối nơi tượng Đức mẹ, một ngọn nến cháy trên đó. Tôi là một kẻ vô thần. Tôi vẫn không sao dám gặp người ta. Người ta là người có đạo, tôi biết người có đạo không được lấy người vợ thứ hai nếu người đầu chưa chết. Tại sao bà ấy không chết đi, tại sao bà không chết khi không có con. Tôi cũng muốn làm con chiên trong lúc ngồi lại nơi giáo đường, làm con chiên để tôi cần cầu nguyện cho tôi, nhưng rồi tôi cũng không biết nên cầu nguyện cho tôi những gì, cầu nguyện cho người ta đừng bỏ tôi? cầu nguyện cho tôi được hạnh phúc? Bây giờ tôi nghĩ nếu cầu nguyện được tôi cầu nguyện cho tôi không phải là tôi bây giờ, cho tôi làm một người khác. Nhưng chắc không ai nghe lời cầu nguyện của tôi. Tôi hiểu vậy.

8-5. Đứng im lặng với tôi như thế. Làm sao tôi gặp được người ta. Ngủ, ngủ, ăn, ăn, tắm, chải đầu, hát, đi lại trong phòng...

10-5. Tiếng bát đĩa, tiếng nhai tóp tép. Một cái mặt đầm, một cái mặt chảy ra. Tôi ngồi ngoài hiên mơ mộng, tôi nghĩ tới lúc mình bỏ đi, rời khỏi nơi này, tôi nghĩ tới lúc mình là người này người khác, tôi nghĩ tới những khung cảnh lạ tôi lạc tới. Cái mặt ấy lại hiện ra thiếu não, thôi chứ làm bộ gì vậy, tôi hiểu rồi, tôi hiểu hết rồi, những thằng đàn ông chỉ có mỗi một bài học ấy, chỉ có mục đích tới được một căn phòng vắng, cởi được quần áo, soa bóp, hi hục rồi hút thuốc lá... Bao nhiêu đó là đời sống sao, bao nhiêu đó là khởi đầu, là cuối cùng của mọi chuyện sao. Cái khoảng nhỏ da thịt đó là tất cả sao, không có gì khác sao?

(còn tiếp)

DƯƠNG NGHIÊM MẠU

nói với con trai

Rồi một mai nếu con đã lớn
Xin đừng bao giờ đặt nghi vấn về cha

Đừng hỏi về tuổi thơ ngây của mẹ

Mà chỉ nghĩ về tương lai, tương lai.

Nếu có lần con nghĩ về tuổi thơ
Trong những ngày con lên ba lên bốn
Con hãy tha hồ vui chơi hãy dớn
Và hãy thương yêu hết thủy tửe cùng làng.

Trong những ngày đầu con cắp sách đến trường
Con đừng bao giờ so sánh trẻ cùng bạn
Về gia cảnh giàu nghèo, lối ăn, lối mặc
Về màu sắc chiếc xe nhà đưa đón, đón đưa.

Con hãy nhìn vào những trang vở mới

~~Con hãy viết cho con mà nghĩ về quê hương~~

Người viết cho con mà nghĩ về quê hương

Con học chữ người nên thương về đất nước.

Nếu vào một giờ sử giọng thầy run run và con buồn

Con hãy gục đầu xuống bàn tưởng niệm

Những vị tiền nhân sử sách chép nghìn đời

Tạo thêm cho mình niềm phấn khởi tuổi thơ.

Nếu vào một giờ địa thầy vui con hăng diện

Con đừng tự kiêu với dĩ vãng oai hùng

Trong một phút giây con vô cùng sung sướng

Nhưng chuẩn bị ngay con đường sáng con đi

Nếu có một lần vào giờ triết lý

Con đã suy tư về ý nghĩa cuộc đời

Con đừng nghĩ về giàu sang phú quý

Mà nghĩ rằng con làm gì ích lợi quê hương.

Con đừng bao giờ mơ xa nhiều ước vọng

Mà từng bước đường thật chững chạc con đi

Thời đại mẹ cha thép gai mìn đại bác

Thời đại chúng con đất nước pháo ngập đường

LÊ VĂN PHONG

(Tokyo)

THE QUIET AMERICAN
GRAHAM GREENE



(tiếp theo)

Gã tùy viên kinh tế cười hồ hồ. Trông gã như một khuôn mặt trên vô tuyến truyền hình. Gã nói :

— Anh còn trẻ, anh có thể làm bất cứ điều gì mà anh muốn, nhưng tôi khá già rồi trước nhiều trò chơi đó. Tôi sẽ đưa hẳn về nhà tôi. Anh bảo hẳn là người Pháp phải không ?

— Hẳn nói tiếng Pháp mà.

— Anh làm ơn đưa dùm hẳn ra xe hơi hộ tôi vậy...

Sau khi gã tùy viên kinh tế đi khỏi, Pyle lên xe tay cùng với Granger, còn Phượng và tôi cũng đi xe tay dọc theo đường vào Chợ Lớn. Granger toan tính ngồi chung xe với Phượng, song Pyle đã cản hẳn lại. Xe tay đưa chúng tôi vào khu vực của người Trung Hoa, một đoàn xe bọc sắt của Pháp đi ngang qua mặt chúng tôi, súng chỉ thẳng và viên sĩ quan trên mỗi xe đều bất động, trông như một cái đầu dười

những vì sao và dưới bầu trời đen thui. Chắc lại có chuyện rắc rối, có lẽ rắc rối với quân đội riêng của Bình Xuyên. Nhóm Bình Xuyên ở quanh quất khu vực Grande Monde (1) và những ô ăn chơi khác trong Chợ Lớn. Đây là lãnh vực của loạn quân. Giống như Âu châu dưới thời Trung Cổ. Nhưng không hiểu sao người Mỹ đến đây làm gì? Kha Luân Bố chưa tìm ra được quốc gia họ mà.

Tôi bảo Phụng:

— Tôi khoái hạng người như thằng cha Pyle lắm.

Phụng đáp :

— Anh là người trầm lặng.

Tĩnh từ *trầm lặng* mà Phụng xử dụng lần đầu tiên nghe như tên một cậu học sinh nào đó, mãi cho đến khi tôi được nghe Vigot nói một tĩnh từ tương tự khi hắn đề cập đến cái chết của Pyle.

Xe tay của chúng tôi ngừng trước quán Chalet. Tôi bảo Phụng :

— Phụng vào đi và tìm sẵn một bàn. Để tôi đi tìm thằng Pyle đã. Đó là linh tinh đầu tiên của tôi đề bảo vệ hắn. Đối với tôi, đây là một điều cần thiết để tự vệ. Sự ngây thơ bao giờ cũng cảm lạnh. Và khi chúng ta đủ khôn ngoan thì chúng ta phải tự vệ để chống lại sự ngây thơ đó. Sự ngây thơ giống như một người điếc, lan tràn khắp thế giới và không làm hại ai cả.

Khi tôi tới ngôi nhà mệnh danh là *Nhà Năm Trăm Có Gái* (2), Pyle và Granger đi vào trong khu vực này. Tôi hỏi một người quân cảnh ngay ngoài cửa :

— Có hai người Mỹ trong này không ông?

Gã quân cảnh là một hạ sĩ Lê Dương ngoại quốc. Hắn tháo đạn ra khỏi súng lục và chỉ tay vào khung cửa bên kia và đưa cọt theo kiểu người Đức. Tôi không thể hiểu được hắn muốn ám chỉ gì.

Lúc bấy giờ là giờ nghỉ ngơi. Chiếc sân rộng nằm trơ vơ. Hàng trăm cô gái nằm trên bãi cỏ hay ngồi xõm, nói chuyện gẫu với các cô bạn khác. Màn cửa của những gian buồn kéo rộng — một cô gái đáng điệu mặt mỗi năm tênh hênh trên giường, chân vắt chéo vào nhau. Khu vực Chợ Lớn thường xảy ra nhiều vụ lộn xộn; quân đội đều bị cấm trại cho nên họ chẳng biết gì: Chủ nhật đến chỉ biết nghỉ ngơi trên thân xác đàn bà. Chỉ một cuộc giao tranh ngắn ngủi xảy ra hay những tiếng kêu của các cô gái đủ cho tôi hiểu phong tục vẫn còn tồn tại ở nơi đây. Tôi nhớ đến câu chuyện xưa ở Saigon về một người du lịch

(1) Khu Kim Chung cũ.

(2) Xóm Bình Khang cũ.

đặc biệt đã bị mất quần khi giao tranh với cảnh sát địa phương. Thường dân ở đây đều không được bảo vệ. Nếu người đó muốn vào khu vực quân sự thì phải tìm lối ra và phòng thân.

Tôi đã học được một kỹ thuật là phân tán và chinh phục. Tôi lựa chọn một cô gái trong đám đông khi họ bao quanh lấy tôi và đưa cô gái đó đến chỗ mà Pyle và Granger đang vật lộn.

Tôi nói :

— Tôi già rồi. Một mỗi lần.

Cô gái cười khúc khích và áp sát vào người tôi.

Tôi nói :

— Đây cô này, thằng cha ấy giàu lắm đó. Khỏe lắm.

Cô gái trả lời :

— Anh ăn nói tục tĩu quá.

Tôi thoáng thấy Granger, hắn đang vật lộn với một cô gái. Điều này khiến người ta nghĩ là hắn đang đàn áp đối thủ. Một cô gái bám chặt lấy Pyle. Tôi đẩy đưa con gái trong tay tôi về phía họ và gọi Pyle :

— Ê, Pyle này, nhìn đằng kia kia.

Hắn nhìn về phía tôi và bảo :

— Thật khủng khiếp, thật ghê gớm.

Người ta tưởng chừng như đây là một trò lừa lọc trong lúc tranh tối tranh sáng, tuy nhiên khuôn mặt hắn trông thật hốc hác. Tôi có cảm tưởng là dường như hắn là một gã đàn ông còn trong trắng.

Tôi nói :

— Lại đây Pyle, mặc bọn con gái để cho thằng Granger.

Tôi thấy hắn thọc tay vào túi quần. Tôi tin là hắn có ý định dốc hết cả tiền cho bọn con gái.

Tôi gọi giật hắn lại :

— Pyle, đừng có khùng đi nghe không. Anh còn cần tiền để làm việc khác nữa chứ.

Đưa con gái quay về phía tôi và tôi đã đẩy cô ta về phía Granger. Tôi nói :

— Thôi đừng, đừng, tôi là người Anh nghèo, nghèo lắm.

Sau đó, tôi nắm lấy tay áo của Pyle và kéo hắn ra, trong lúc tay đưa con gái vẫn còn bám chặt lấy hắn như lưỡi câu. Hai trong ba cô gái mưu toan ngăn cản chúng tôi trước khi chúng tôi ra cửa, nơi một gã hạ sĩ quân cảnh đứng canh gác, song bọn con gái không quan tâm đến nữa.

Pyle nói :

— Tôi có thể làm gì với một hạng người như thế này ?

— Đưa con gái ấy không có gì làm phiền cả đâu.

Ngay lúc đó, đưa con gái bỏ tay hắt và bu lại quanh Granger. Pyle
lơ lửng hỏi :

— Không hiểu hắt có yên ổn không đây ?

— Mặc hắt hắt, hắt muốn làm gì thì làm.

Dường như đêm bên ngoài thật yên tĩnh, chỉ thỉnh thoảng một đoàn xe bọc sắt chạy ngang qua như người ta đi có một chủ đích nào đó.

Hắt nói :

— Thật khủng khiếp. Tôi không thể tin như thế được.

Sau đó, hắt lại nói :

— Cũng có nhiều đứa con gái đẹp đấy chứ.

Hắt không tỏ vẻ ghen tị với Granger. Hắt than phiền rằng bất cứ một điều tốt đẹp nào, sắc đẹp hay sự duyên dáng nào cũng là hình thức của sự thiện mà ra cả, dù có bị đối xử tàn tệ. Pyle có thể nhìn rõ được sự đau đớn khi sự đau đớn đến trước mặt anh ta (Tôi không có ý viết đây là một lời mai mỉa nhưng rất cuộc nhiều người trong chúng tôi không thể hành động như thế được.)

Tôi nói :

— Trở lại quán Chalet đi, Phụng đang chờ ở đó.

Hắt đáp :

— Tôi rất tiếc. Tôi quên hết cả rồi. Anh không nên bỏ nằng.

— Phụng đâu có ở trong tình trạng nguy hiểm.

— Tôi vừa chợt nghĩ là tôi đã gặp mặt Granger yên ổn.

Pyle lại không muốn nghĩ ngợi, nhưng trong lúc chúng tôi bước vào quán Chalet, Pyle nói bằng một giọng thê thảm :

— Tôi quên hắt là có bao nhiêu người...

(còn tiếp)

GRAHAM GREENE
BÙI NGỌC DUNG dịch



SÔNG THAI
đọc

VÀO ĐỜI

của HÀ MINH-TUÂN

Cơ sở xuất bản Văn Nghệ

HÀ NỘI 1963

Những ai quan tâm đến tình hình văn học miền Bắc không khỏi không chú ý đến cuốn tiểu thuyết *Vào Đời* xuất hiện tại Hà Nội. Không chỉ vì giá trị nghệ thuật của một tác phẩm dày gần bốn trăm trang mà còn vì nội dung của nó đã gây một chấn động sôi nổi trong giới lãnh đạo cũng như đã lôi cuốn được sự hưởng ứng đặc biệt của quần chúng thương thức văn nghệ. Người ta biết rõ, từ ngày chính quyền Hà Nội dùng thể lực chính trị đàn áp phong trào Nhân văn Giai phẩm vào cuối năm 1957, đây là lần thứ hai, một tiểu thuyết giá trị được ra đời.

Khác với trường hợp MẠCH NƯỚC NGẦM của Nguyên Ngọc chỉ phản ánh một vài cạnh khía sinh hoạt của xã hội miền Bắc, (1960) lần này, *VÀO ĐỜI* của Hà Minh Tuân đã mạnh dạn dẫn dắt người đọc tham quan kỹ lưỡng nhiều mặt của cuộc sống dưới chế độ «xã hội chủ nghĩa».

Cũng nên biết thêm rằng từ sau hòa bình lập lại đến nay, ngoài hai truyện dài «*Trong lòng Hà Nội*» và «*Hai trận tuyết*» mang cái nội dung thể hiện một cuộc đấu tranh lớn: đấu tranh trên mặt trận tư tưởng tình cảm và đấu tranh bằng súng đạn của những người thanh niên trí thức yêu nước trong khoảng thời gian từ tháng 8-45 đến tháng 9-1946, giai đoạn của những cơn bão tố chính trị trong nước và cũng là giai đoạn của những khúc quanh của lịch sử trọng đại, *Vào Đời* là tác phẩm thứ ba của Hà Minh Tuân.

Câu chuyện có thể tóm tắt là: cô Sen, một nữ sinh lớp 8 (1), bị cha mẹ ép gả cho một ông bác sĩ già góa vợ, bỏ nhà tìm đến làm việc ở một công trường nhà máy tại Hà nội. Ở đây, công việc lao động, cực nhọc vượt quá sức chịu đựng khiến Sen nhiều lần giao động và nảy ra ý nghĩ bỏ công trường trở về gia đình hy vọng vào sự tha thứ của cha mẹ. Nhưng hình ảnh ông bố khắc nghiệt đã làm cô chùn bước. Biết chuyện này; Trần Lưu, bí thư chi đoàn Thanh niên đã đưa Sen ra kiểm thảo. Sau đó, nhờ sự giúp đỡ của chị Bồn, một nữ công nhân dày dạn từng trải, Sen cố gắng làm quen dần với mọi sinh hoạt tập thể. Nhưng rồi những mâu thuẫn liên tiếp đến với cô. Một buổi tối, đi dạy văn hóa về khuya, cô bị Mai và Song đón đường cưỡng hiếp. Thế rồi Sen có mang. Giữa những ngày u ám, Sen âm thầm mang niềm đau sót tử hờ một mình. Tiếp theo, Sen được cử đi học nghề cơ khí. Ở trường, Sen gặp Hiếu, một đại đội trưởng chuyên ngành và cũng là bạn thân của anh ruột Sen trong quân ngũ trước đây. Hai người yêu nhau. Hiếu rộng lòng hào hiệp tha thứ cho cái «đĩ văng» oan khiên của Sen để cùng xây dựng hôn nhân. Sau này hai vợ chồng làm việc ở một nhà máy cơ khí và cuộc sống đầy mâu thuẫn của đôi vợ chồng trẻ này bắt đầu. Vốn tính nóng nảy, lại mang thêm nỗi căm hận về cái chết của ông bố trong cái cách ruồng dốt. Con người hằn học, chống đối lãnh đạo trong Hiếu dần dần xuất hiện. Do những liên lạc mật thiết, và trảng tráo của viên bí thư Trần Lưu đối với Sen, Hiếu nghi ngờ vợ ngoại tình, lại thêm bực dọc vì đứa con mà anh ta không phải là bố. Niềm căm giận thúc đẩy Hiếu đứng lên tích cực vận động công nhân chống tập đoàn quản trị nhà máy. Đến lượt Hiếu bị bắt. Trong những ngày đau đớn dày vò, Sen vẫn yêu chồng và kiên nhẫn làm việc nuôi con. Trong lúc Sen trở thành một «chiến sĩ thi đua» thì hạnh phúc gia đình của cô cũng tan vỡ. Ở đoạn cuối, tác giả gợi lên một cuộc tình duyên mới đầy tính chất gượng gạo giữa Sen và Trần Lưu.

Đại cương câu chuyện chỉ có thế, nhưng với một ngòi bút hiện thực sắc sảo, cộng với lòng nhân đạo tha thiết, Hà minh Tuân đã phơi bày ra trên mặt giấy cái thực trạng xã hội tăm tối và đặc biệt, cái số phận bi thảm của người con gái tên Sen, đại diện cho cả một thế hệ thanh niên đang sa lầy bên bờ vực thẳm đời sống.

Muốn thực hiện được trọng tâm về mặt nội dung tư tưởng của cuốn truyện và phản ánh được chiều hướng khách quan của xã hội. Hà minh Tuân đã dựng lên một số cán bộ lãnh đạo trong xi nghiệp, điển hình cho cái tập đoàn thống trị miền Bắc và một số công nhân đấu tranh, thành hình ảnh trung tâm làm nền cho tác phẩm. Nói cách khác, Hà minh Tuân muốn dựng lại một giai đoạn lịch sử gay gắt nhất được

mệnh danh là thời kỳ « quá độ tiến lên xã hội chủ nghĩa », giai đoạn kể từ sau 1957. Cho nên, người đọc bắt gặp trong tác phẩm cả một thế giới nhân vật đang bị lịch sử xô đẩy quyết liệt trên một chặng đường nhiều cam go và thử thách. Do đó, nội dung hiện thực của VÀO ĐỜI được giới thiệu trên một địa bàn hoạt động tập trung là công trường xí nghiệp mà đời sống ở đây đủ tiêu biểu cho đời sống của giai cấp lao động thợ thuyền bên cạnh cuộc sống quyền quý trường giả đến những cảnh ngộ u ám, lâm than, từ những quan hệ chỉ đạo quan liêu bóc lột đến quan hệ yêu thương đùm bọc nhau; từ những tiếng cười đã thỏa ghê rợn đến những tiếng khóc thê thiết não nùng. Tất cả những hiện tượng chưa chất mĩa mai đó đã được tác giả đóng khung trong một bố cục chặt chẽ bằng cách cho hai tuyến nhân vật tốt xấu cùng xuất hiện, cùng hoạt động trong một mối quan hệ phức tạp, giằng co nhau. Thông qua những hoạt động và cá tính của mỗi nhân vật, người đọc thấy tác giả muốn gọi đúng tên, đặt đúng chỗ, đánh giá đúng bản chất từng kiểu người và tầng lớp trong mối tương quan xã hội đương thời. Và ở đâu, người đọc cũng đều dễ dàng thấy cái nhìn phản nộ hoặc xót thương của tác giả.

Nhân vật được Hà minh Tuân trân trọng, ái ngại nhất là Sen, cô nữ sinh bé bỏng và tội nghiệp tưởng đã thoát ly khỏi cảnh ràng buộc khe khắt của gia đình nhưng lại bị xã hội dồn đến bước đường cùng, cái xã hội mà một thanh niên có trình độ học vấn khá căn bản như Sen; trước sau chỉ tìm được một con đường sống duy nhất là phải đi làm phu gánh vữa ở công trường để kiếm ăn, cái xã hội mà dù là một công nhân yếu ớt như Sen cũng phải « *gánh đều bả người ra, vác cả vai, đến rã rời cơ thể, ngã quỵ dưới gánh vữa.* » Cuộc sống của người nữ thanh niên bé bỏng ấy có thể hình dung bằng cách nối tiếp những dòng nước mắt lại với nhau: Sen khóc vì bị ép duyên, khóc vì « *đang lao động ở công trường nghe tin mẹ đau nặng đứng tim báo Thôi mướn* », khóc vì bị cưỡng hiếp, rồi khi đã có mang, phải « *bóp bụng, lăn lộn mấy cũng vô hiệu quả* », khóc vì sau khi lấy chồng, đưa con thứ hai đang khoẻ mạnh bỗng lăn đùng ra chết, khóc vì người chồng bất mãn với chính sách đấu tố đã man mà trở thành sa ngã, chán chường. Cứ thế, sau mỗi chặng gian truân lại được kết thúc bằng những âm giác é chề: « *khóc thầm mãi tưởng đến chảy nước mắt* » hoặc nhiều lúc chỉ biết « *bất đầu, vô tai tưởng như sắp phát điên* » để rồi ngao ngán thấy mình « *như én bị gãy cánh chỉ còn giẫy giụa trong bạo lực và vô vọng.* »

Cuộc sống bi thảm của Sen cùng với tầng lớp thợ thuyền không tên ngày đêm quần quai trong cảnh tù túng, ruộng nát giữa trăm ngàn cái xấu xa ti tiện của xã hội chính là nguồn nuôi dưỡng những tình cảm nhân đạo, là hơi thở tiếp sức cho tác giả, giúp tác giả phấn khởi phanh phui những bất công, chà đạp nhằm đòi trả lại địa vị làm người

cho lớp dân nghèo. Một trong những nguyên nhân chủ yếu đè nặng lên đời sống tinh thần của người dân, chi phối mọi hoạt động thường nhật của lớp người bị trị đã được tác giả VÀO ĐỜI thẳng thắn vạch mặt chỉ trán: Đó là đường lối lãnh đạo độc tài, quan liêu, phong kiến. Đã có lần, trong một cuộc hội nghị quan trọng ở xí nghiệp, chỉ bộ đoàn thanh niên và công nhân đã tiến thành một cuộc tấn công dữ dội vào hai cán bộ quản trị nhà máy với khẩu Liệt được nêu lên là «*Hành thọc sâu vào những lỗ cốt chính của kẻ thù trước mắt: bệnh quan liêu*».

Đọc VÀO ĐỜI, bên cạnh cuộc sống đọa đầy, ngột thở của Sen, người ta thấy vấn đề quan liêu và chống quan liêu được nổi bật lên như một vấn đề then chốt. Và nhân vật Trần Lưu, viên cán bộ cao cấp nhất tại xí nghiệp công trường thường xuyên hiện ra như một hình ảnh khủng khiếp ghê gớm có tác động quyết định mọi số phận con người. Mâu thuẫn đối kháng giữa quần chúng lao động và ban quản trị nhà máy, những người mà tác giả đã lớn tiếng gọi là «*bọn quan liêu chỉ tay năm ngón, hồng hách, tác hại, ăn lương cao*» đã được tác giả phản ánh một cách trung thực và miêu tả một cách sắc sảo: «*Quản trị trưởng thì to cao, cặp mắt trợn trừng đỏ như hai cục tiệt. Râu đen tua tủa quanh mồm cùng hai lông mũi dài và cặp mày rộng nhảy múa lộn xộn trên gương mặt đỏ bóng những mỡ và mồ hôi*». Những viên cán bộ đại diện nhà nước trung ương ấy cứ lần lượt thay phiên nhau xuất hiện như một âm ảnh nặng nề: «*Trong giây lát, Bàn, phó giám đốc, trước mặt Hiếu bỗng thành một ông quan đội khăn xếp, mặc áo gấm dài, đeo bài ngà, quần ống sớ (tr. 135) và hai con mắt gườm gườm; đôi môi hay nười chặt*», Những viên cán bộ ấy đúng là hiện thân của lớp người phong kiến quen thói đàn áp dân thuở nào, bọn người bất tài vô tướng, chỉ biết nịnh trên nạt dưới. Mỗi khi đến tiếp xúc với họ, người ta có cảm tưởng như một «*ông chủ tư bản*» (2). Có lần, Hiếu đến công công trường, «*anh vào phòng thường trực đưa giấy giới thiệu. Nhân viên thường trực mặt lưỡi cày xanh rớt nhận giấy vừa nheo mắt lắm bầm đọc thì chuông điện thoại réo gọi... Người đeo kính đen (3) nghiêm mặt ra hiệu cho Hiếu ngồi chờ ở ghế dài bên tường rồi lại cầm cúi tiếp tục đọc giấy tờ. Trán anh ta bị tóc xóa che mất quá nửa, dưới cặp kính đen là nửa khuôn mặt trắng bệch như nễ, nghiêm quá thành đuồn đuồn như mặt hình nhân. Cái miệng anh ta mím lại, chẳng thốt một lời, sao có vẻ kiêu kỳ hách dịch, làm cho Hiếu ngứa tay muốn vả vào cái miệng ấy một cái cho nó bớt làm bộ đi*».

(tr 145)

Ngôn ngữ mà tác giả thông qua nhân vật Hiếu để phê phán bọn quan liêu cũng rất sắc bén: «*Cái thói chúng nó vẫn quan liêu hách dịch thế! Phải vả vào cái mồm nó chỉ quen thói ăn của nhân dân và chính người, Ngoài ra sống chết mặc bay*» (tr 133) Không những thái độ quan liêu làm cho công nhân căm ghét mà còn ở hành động thực dân «*đuổi*

thợ như bọn chủ Pháp ngày trước» (tr 179) và «không hề-giải quyết quyền lợi của các quân nhân phục viên» (179) cũng khiến cho anh em công nhân phẫn nộ. Tinh thần đấu tranh của họ lên cao tới mức đã huy động được quần chúng lập hợp chống lãnh đạo, tổ chức biểu tình «phân đối khủng bố công nhân», «đòi bắt cán bộ bỏ rọ trả bộ công nghiệp» và «yêu sách lên tận Thủ Tướng phủ» đòi giải quyết cấp bách các vấn đề thay đổi lãnh đạo, bảo đảm an ninh cá nhân và nâng cao mức sống tối thiểu...

Người đọc còn cảm thấy trong VÀO ĐỜI có nhiều nét phản ánh tình hình sinh hoạt của nhân dân Hà nội bằng những hình ảnh vô cùng âm đậm. Những lời chỉ trích cay chua về bao nỗi thiếu thốn, phiền nhiễu, bực mình trong đời sống hàng ngày được tác giả cho những công nhân tích cực nhất trong truyện phải than thở: «Bán thịt theo phiếu mà ưu tiên những món ngon cho người quen. Bán nước mắm thì pha nhiều nước muối và nước lá chuối. Nhiều hiệu ăn liền bỏ giết lùi, Phở vừa đắt lại vừa nhạt nhẽo» (tr.126) hoặc nhận xét về cái «trật lỵ mới» của thành phố Hà nội ngày nay : «Trong chợ, ngoài đường, loa phóng thanh nhức óc mà mấy ai nghe ? Có những chiều thứ bảy, công an đứng hàng loạt ở đường phố Tràng tiền, cứ một chút, một chút lại huýt còi rình lên khiến mọi người trên đường phố cảm thấy kém vui» (tr.327).

Điều làm cho người đọc đặc biệt chú ý là vấn đề cái cách ruộng đất đã được tác giả ghi chép khá đậm nét với những hình tượng sắc nhọn được lấy đi lấy lại như một điệp khúc nào nề. Những suy nghĩ đau đớn, ray rứt, căm hờn, xót xa của Hiếu cũng được tác giả phân tích và cảm thông khiến độc giả có một cảm giác hết sức xúc động. Năm lần Hà minh Tuấn nhắc lại cái hậu quả khốc liệt của cái cách ruộng đất là năm lần ông day đi nghiêng lại như một lưỡi dao nhọn hoắt lùa vào thớ thịt buồng tim ! Cái còn lại ở người đọc là những hình ảnh ghê rợn được gọi lên nhiều lần như một ám ảnh ma quái. Và những sai lầm nghiêm trọng của chính sách tàn bạo ấy đã được tác giả qui kết thành nguyên nhân của sự biến chất nơi con người Hiếu, gây một tác động xót đau mãnh liệt tới cuộc đời sau này. Hình ảnh treo cổ của người bố thân yêu mà «lưỡi thò lè ra ngoài môn» khiến cho Hiếu và độc giả không thể nào dung tha được cái chủ trương đấu tranh giai cấp phi nhân kia.

Như trên đã nói, tiểu thuyết VÀO ĐỜI không những đề cập tới nhiều mặt, nhiều vấn đề nóng hổi của đời sống, từ cái cách ruộng đất, quản lý xí nghiệp, cải thiện dân sinh, chế độ phục viên, công an mật dịch cho đến công tác hội nghị, tuyên truyền, hoặc phê bình báo chí, văn nghệ chỉ biết «chôm toàn những chuyện cảm động với những chuyện tròn trĩnh tươi hồng đưa lên mặt giấy» (tr. 326), ở đâu tác giả cũng tỏ ra có con

mắt quan sát tinh tế. Tóm lại, qua những kiểu người cụ thể, Hà minh Tuấn muốn thể hiện bộ mặt xã hội và tương quan giai cấp trong một thời kỳ lịch sử nhất định. Để hoàn thành công việc đó, tác giả đã không dựa vào thứ vốn sống bằng sự tô vẽ và cường điệu chủ quan, bằng những chất liệu giả tạo mà chính là ở sự trực tiếp thể nghiệm chân thành thông qua lý tưởng thẩm mỹ nhân đạo nên tác phẩm đã giữ được tính chân thực, truyền cảm, gây nhiều tác động vào nhận thức và tình cảm của độc giả.

Tuy nhiên, tác phẩm VÀO ĐỜI vừa được xuất bản chưa đầy một tuần lễ thì đã gặp ngay phản ứng gay gắt của tập đoàn lãnh đạo chính trị miền Bắc. Tất cả báo chí Hà Nội — gồm đủ nhật báo, tuần báo, nguyệt san — đều nhận được lệnh của Đảng viết bài phê bình đả kích.

Mở đầu chiến dịch đả kích là tuần báo Cửu quốc (4) với *«Chúng tôi không tán thành cặp mắt của ông Hà minh Tuấn trong cuốn Vào đời»*. Người viết bài là Nguyễn xuân-Bình cho rằng *«Hà minh-Tuấn vì muốn phản đối các nhà báo tổ hồng xã hội nên đã phát động phong trào chống công thức, là dùng cảm phát hiện sự thật»* rồi kết luận *«đứng cảm kiểu ủy quần chúng không ưa đâu»*.

Tiếp đến báo tiền phong (5) với *«Vào đời bất lợi cho phong trào thanh niên xung phong tình nguyện công tác»* của Thanh Bình. Bài báo kêu gào *«Đấu tranh là việc cần thiết để ly cách cuốn Vào đời như cách ly một ổ truyền dịch»*. Song cần hơn nữa là phải tiến hành một cuộc đấu tranh mạnh mẽ chống lại những tàn dư của tư tưởng nhân văn — Giai phẩm đang được phục hồi trong tác phẩm Vào đời.

Nguyễn anh Tài trong báo Thời Mới (6), dưới nhan đề *«Cần vạch ra thêm các loại tư tưởng xấu và cái ngấm trong cuốn Vào đời»* đã thẳng thốt kêu lên : *«Nói về tác phẩm của bạn bè, chưa bao giờ chúng ta phẫn nộ như khi đọc Vào đời của Hà minh Tuấn. Thật không thể nào nói tay được với tư tưởng trong sách của ông, một thứ tư tưởng chống đối, quá khích, trắng trợn và ngấm ngấm, nó tác động vào tinh thần người đọc chẳng kém gì văn nghệ phẩm phản động»*.

Nhưng phản ứng quyết liệt và dữ dội nhất vẫn là nhật báo Nhân dân, cơ quan ngôn luận chính thức của đảng Lao Động. Liên tiếp trong hai số (7), các cây viết phê bình của Đảng đã lột hoảng thay phiên nhau kết tội Hà minh Tuấn bằng những luận điệu trích thượng, chụp mũ và đàn áp bất công. Dưới đầu đề *«Vào đời, một cuốn tiểu thuyết có hại»*, Minh Tâm, sau khi cho rằng lập trường tư tưởng của tác giả là lập trường của giai cấp bóc lột cũ vốn thù hằn cuộc đấu tranh giai cấp do đảng đề xướng, giai cấp này đã bị tiêu diệt về mặt kinh tế và chính trị nhưng tư tưởng vẫn còn sống dai dẳng. Họ lại

đem lý luận văn hóa, một số quan điểm xa lạ về triết học, chính trị, kinh tế, mỹ học, tiến tới một bước cao hơn trình bày những quan niệm rộng rãi và mới mẻ về con người, về hạnh phúc, ước mơ, về mỹ cảm đề đòi xét lại đủ mọi thứ chủ trương, chính sách. Minh Tâm còn độc đoán liệt kê tư tưởng của Hà Minh Tuấn vào loại tư tưởng cá nhân chủ nghĩa tư sản tùy theo điều kiện từng lúc mà thay đổi hình thức, sắc thái biểu hiện, một luồng tư tưởng hiện nay có một số hoàn cảnh đã chỗi dậy mạnh hơn trước, khá hung hăng, trắng trợn, đã được bộc lộ trong cách nhìn và thái độ hẳn học bực tức của tác giả, để rồi khẳng định : « Không đập mạnh vào luồng tư tưởng chống đối này mà Vào đời minh họa bằng hình tượng văn học thì sự nhất trí về chính trị và tinh thần của toàn đảng, toàn dân ta không khỏi bị tổn hại ».

Cũng trên mặt báo Nhân Dân, trong bài «*Vào đời xuyên tạc sự thật của chế độ ta*». Trần Hạnh đã suy diễn một cách vô đoán rằng Hà Minh Tuấn không có lòng chân thành, trăn trở đối với những thắng lợi của cách mạng mà trái lại còn đã kích từng bước thắng lợi của đảng. Bài báo viết tiếp: « Vào đời là một trường hợp biểu hiện trắng trợn của cả một luồng tư tưởng xấu, mang nhiều độc tố, nguy trang là cách mạng dễ công kích cách mạng. Có người cho rằng Vào đời chủ yếu là sự tích lũy vốn sống, không phải là do tư tưởng tiêu tư sản, do phương pháp tư tưởng lệch lạc chi phối mà còn đi xa hơn nữa. Cái chi phối quyết định những tư tưởng xấu của Vào đời chủ yếu là sự bất mãn và hẳn học của những tư tưởng thù địch đối với đảng, cách mạng, chế độ, những tư tưởng đối lập với cải cách ruộng đất, cải tạo xã hội chủ nghĩa, chuyên chính vô sản ».

Cuối cùng, cả hai bài báo Nhân dân đã đặt trách nhiệm cho nhà xuất bản : « Nhà xuất bản, khi in cuốn tiểu thuyết này không nghiêm túc kiểm soát nội dung tư tưởng và nghệ thuật của nó, bây giờ đã nhìn thấy hết trách nhiệm của mình trước đảng, trước nghệ thuật chưa ? (Minh Tâm) và « Tại sao một cuốn sách xấu xa, thù địch và có hại nghiêm trọng như vậy lại có thể lọt lưới, ra mắt bạn đọc, gây nên những tác dụng, tiêu cực. Phải chăng đó là những tư tưởng hữu khuynh, một thái độ vô trách nhiệm, tác phong không nghiêm túc của nhà xuất bản ? » (Trần Hạnh).

Cũng nên nói thêm rằng sau khi tiểu thuyết Vào đời được phát hành, tuần báo Văn nghệ (8) chỉ có một bài điểm sách ngắn nhẹ của Trần Hữu Thung, tác giả bài thơ «Thăm lúa» quen thuộc năm xưa, cho rằng « Hà Minh Tuấn thiếu cái nhìn rõ ràng về tình hình toàn bộ của xã hội ta cho nên không đánh giá được đúng đường đi của các nhân vật. Cái nhìn của tác giả Vào đời bị hút vào những chi tiết vụn vặt, những hiện tượng riêng lẻ và xoáy vào những điều chưa vừa ý, những khó khăn thiếu thốn với một thái độ bực bội, loay hoay »

Sự kiện "phê bình lướt qua nhẹ nhàng của tuần báo Văn nghệ, — tiếng nói đại diện cho giới lãnh đạo văn học nghệ thuật miền Bắc — cộng với sự im hơi lặng tiếng của những cây bút phê bình chuyên nghiệp trong giới văn học như Hoài-Thanh, Trương-Chính, Vũ đức-Phúc, Lê đình-Ky, Vũ từ-Nam, Như-Phong, Hoàng minh-Châu, Phong-Lê, Huệ-Chi trước tác phẩm Vào đời cũng đã đặt ra nhiều vấn đề đáng suy nghĩ.

Nếu như sau này, trước áp lực chính trị của đảng Lao động, Nguyễn đình Thi, chủ nhiệm tuần báo Văn nghệ đã bị buộc phải lên tiếng tự phê rằng «Tuần báo Văn nghệ đáng lẽ phải phân tích phê phán quyển sách này một cách kịp thời và nghiêm khắc thì chưa làm được nhiệm vụ chiến đấu của mình một cách nghiêm chỉnh và đúng mức. Báo Nhân dân đã nhận xét và nhắc nhở điều đó rất chính xác. Ban biên tập tuần báo Văn nghệ chúng tôi xin chân thành tiếp thụ sự phê bình của Đảng.» (9) và Hoàng trung-Thông, Giám Đốc nhà xuất bản Văn học cũng đã cúi đầu nhận tội: «Do lập trường tư tưởng không vững, do trình độ nhận định thiếu sót, mơ hồ, do tinh thần trách nhiệm còn kém, chúng tôi đã cho in một quyển sách có những lệch lạc nghiêm trọng về tư tưởng» (10) thì những lời thú nhận trơ trẽn đó cũng chỉ có ý nghĩa một câu chuyện khôi hài, mỉa mai, bởi lẽ rằng hầu hết các nhân viên trong hội đồng biên tập tuần báo, Văn nghệ cũng như nhà xuất bản Văn học như Nguyễn đình Thi (chủ nhiệm tờ báo Văn nghệ), Hoàng trung Thông (Tổng Thư ký), Tú Mỡ, Chế Lan Viên, Lưu trọng-Lưu, Nguyễn công Hoan, Đỗ Nhuận đều là đảng viên đảng Lao động, và trong mười lăm năm qua đã được đảng tin nhiệm tới cái mức trao cho họ quyền điều khiển. Như vậy, vấn đề chỉ có thể đặt ra là tập đoàn lãnh đạo văn nghệ miền Bắc, trước tình hình sáng tác đang bế tắc trầm trọng đã ngầm ngầm chủ trương mở lối thoát bằng cách đề cho giới văn nghệ sĩ được phép đi ra ngoài cái khuôn khổ một chiều, cứng nhắc mệnh danh là phương pháp «hiện thực xã hội chủ nghĩa». (Giống như tình hình văn nghệ ở Nga sơ vào cuối năm 1962, một nhóm nhà văn trong số đó có văn sĩ lão thành Ehrenbourg đã gửi kiến nghị lên trung ương đảng yêu cầu cho phép các khuynh hướng văn nghệ được chung sống hòa bình). Hoặc ngược lại, giới lãnh đạo văn nghệ Hà nội đã thi hành chủ trương của đảng muốn thực hiện âm mưu kiểm soát tư tưởng của người cầm bút bằng cách tái diễn tấn thảm kịch Nhân văn Giai phẩm trước đây.

Trở lại vấn đề nhận định về động cơ sáng tác của Hà minh-Tuân. Có thể có người nghĩ rằng viết Vào đời, tác giả nhằm mục đích chống đối chế độ bằng cách phơi bày ra ánh sáng một bức tranh đời sống trăm bề đen tối. Quan điểm nhận định này sẽ đưa đến kết luận Hà minh Tuân, một nhà văn đã kế thừa truyền thống bất khuất của anh em Nhân văn Giai phẩm, can đảm đứng lên tố cáo chế độ miền Bắc

qua tác phẩm hiện thực phê phán của mình. Một nhận định khác có chiều hướng khá hợp lý là sáng tác Vào đời, dụng ý của Hà minh-Tuân là muốn thông qua những bước trắc trở trong đời sống mà nói lên sự tiến bộ trưởng thành của con người. Một mặt khác, tác giả muốn khẳng định một kinh nghiệm rằng tất cả những con người xấu xa và lạc hậu sẽ bị cuộc sống đi lên đào thải. Và muốn trực tiếp góp phần cải tạo xã hội, tác giả Vào đời đã dùng đến hình thức văn nghệ như một phương tiện cần thiết để đả kích, phản đối, thủ tiêu các hiện tượng tri trệ, u ám còn tồn tại trước mắt.

Dù sao, căn cứ vào nội dung tác phẩm, người đọc chỉ biết rằng VÀO ĐỜI đã phát hiện và nêu lên những mâu thuẫn sâu sắc của xã hội nhằm biểu hiện cái qui luật vận động của cả một thời đại đang bị dày xéo tơi tả bởi cơn bão táp chính trị độc tài. Như thế nghĩa là qua khâu trung tâm tác phẩm, tác giả đã phản ánh được phong trào đấu tranh âm ỉ, phát triển và bùng cháy, trong lòng cuộc sống và thái độ, phản ứng của tuyệt đại bộ phận nhân dân trong cuộc đấu tranh với bạo quyền để giành cơm no áo ấm và quyền được làm người.

Việc thể hiện yêu cầu nội dung tư tưởng trên đây đòi hỏi ở tác giả một năng lực nhận thức và một vốn sống phong phú. Hà minh-Tuân có đáp ứng thỏa mãn yêu cầu thiết thân đó không ?

Trước hết chúng ta có thể trả lời dứt khoát là Hà minh-Tuân không bóp méo sự thật và thiếu thành thực để thổi phồng những cái lẻ tẻ thành rộng lớn, bao trùm, « đánh tráo những cái trắng thành đen, phải thành trái » như báo Nhân dân đã xuyên tạc. Lại càng không phải Hà minh-Tuân chưa nhuần nhuyễn vốn sống, suy diễn chủ quan.

Cần phải nói ngay rằng tiểu thuyết VÀO ĐỜI đã được xây dựng bằng nhiều rung cảm, bằng sự quan sát nghiên cứu nghiêm túc hiện thực của đời sống. Chính Hà minh-Tuân cũng đã có một thời gian dài đi về kiểm tra tài liệu sáng tác ở các xí nghiệp chế tạo cơ khí tại Hà nội. Cũng không phải là vô cơ mà Hà minh-Tuân đã được đại diện cho Hội Nhà Văn đọc tham luận về « vấn đề phân ảnh và xây dựng cuộc sống mới, con người mới trong giai cấp công nhân » tại đại hội Văn nghệ lần thứ ba trước đó chưa đầy sáu tháng. Dấu vết rõ rệt nhất về việc thâm nhập thực tế của tác giả Vào đời đã được biểu lộ cụ thể trong những cảnh sản xuất, thao diễn kỹ thuật và sự khắc họa tinh cách nhân vật trong truyện với những hành động, tâm lý, những biến cố, xung đột, các vấn đề nóng hổi nêu lên trong truyện, nhất định không phải là sản phẩm của tưởng tượng.

Một mặt khác, qua trình sáng tác nghệ thuật là một quá trình có ý thức chứ không phải là một quá trình tự phát. Cuộc đời mà nhà văn muốn nói chính là kết quả của sự quan sát, đối chiếu, suy nghĩ chín chắn về các hiện tượng trong xã hội.

Nếu nói rằng tác phẩm nghệ thuật nào cũng là một hành động xã hội thì dĩ nhiên mỗi khi được ra đời, đều có ảnh hưởng lớn đối với quần chúng độc giả. Nhà văn nào khi sáng tác dù muốn hay không, cũng phải đứng trên lập trường, quan điểm chính trị, tư tưởng, đạo đức của một tầng lớp xã hội nhất định đề mà đề cập, kiến giải, bày tỏ thái độ của mình đối với các hiện tượng, các vấn đề của cuộc sống. Quan niệm như vậy, người ta sẽ dễ dàng đồng ý với nhau rằng Vào đời đã phản ánh thực tế điển hình trong đời sống phấn đấu của công nhân đồng thời cũng đang phát huy những nhân tố tích cực có tính cơ động trong việc giải quyết các mâu thuẫn đó. Bước vào đời của cô Sen, nhân vật chính trong truyện, cũng là bước vào đời oan nghiệt, éo le, đầy bất trắc, sóng gió; điển hình cho thế hệ thanh niên miền Bắc hiện nay. Thái độ tác giả hướng ứng các hoạt động của nhân vật trong truyện cũng là thái độ tiêu biểu cho cả một khối ý chí và tình cảm triệt để đối kháng nhằm góp phần cải tạo cái xã hội bất công, thối nát, sa đọa.

Riêng mặt văn học, VÀO ĐỜI có tác dụng khai thông cho những xu thế bế tắc, trốn tránh, hoặc xu nịnh, tô hồng xã hội. Và nhờ có sự cân đối giữa nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, VÀO ĐỜI là một thành công mới của Hà minh Tuấn. Có nhận thức như vậy người ta mới không lấy làm ngạc nhiên trước những phản ứng quyết liệt và bất công của lập đoàn thống trị miền Bắc đối với một nhà văn còn giữ được ít nhiều tính chất trong sạch của lương tâm, và do đó, bất chấp mọi đe dọa, cực hình của những bàn tay hung hãn luôn luôn can thiệp vào văn nghệ.

SÔNG THAI

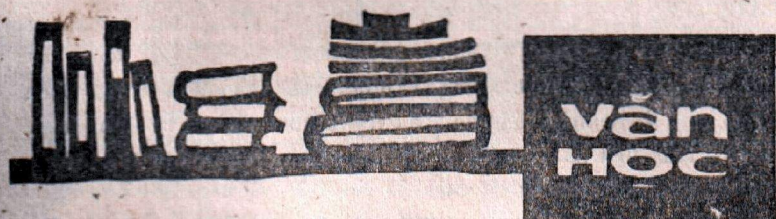
(trích ở Mười lăm năm văn học nghệ thuật miền Bắc)

CHÚ THÍCH :

- 1) Tương đương với trình độ đệ Tam ở VNCH.—Chú thích của người Viết.
- 2) Chữ dùng của Hà minh Tuấn.
- 3) tức Chiến, trưởng phòng tổ chức của nhà máy.
- 4) Số ra ngày 26.6.1963.
- 5) Số ra ngày 28.6.1963.
- 6) Số ra ngày 25.7.1963.
- 7) Số ra ngày 29.6 và 13.7.1963.
- 8) Số ra ngày 28.6.1963.

Kể từ tháng 5-1963, tuần báo này thay thế tuần báo Văn học và nguyệt san Văn nghệ cũ. Chú thích của người viết.

9,10) Số 10 ra ngày 5.7.1963.



CHÂN TRỜI

* TRONG LÀNG :

quyết nghị

CỦA BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ VĂN HỌC

nhân vụ

NHÀ VĂN CHU TỬ VỪA BỊ ÁM SÁT

— Trung thành với đường lối tranh đấu cho tự do dân chủ của tạp chí VĂN HỌC, chúng tôi cực lực tố cáo trước dư luận trong và ngoài nước hành vi đe dọa dã man của những kẻ chủ mưu đã sai người ám sát kỳ giả CHU TỬ.

— Yêu cầu chính quyền phải có hành động cấp thời để bảo vệ sinh mạng cho những người cầm bút tranh đấu cho tự do dân chủ.

— Thành thật kêu gọi những người cầm bút thực tâm tranh đấu cho tự do dân chủ và chống Cộng hãy xiết chặt hàng ngũ để tố cáo những hành động dã man như các vụ ám sát nhà văn TỬ CHUNG và CHU TỬ.

Làm tại Saigon, ngày 18-4-1966.

BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ VĂN HỌC

● CHU TỬ SẮP ĐI NHẬT

Sau khi hưởng bốn viên đạn bắn lên của những người «anh em quốc gia», nhà văn Chu Tử không chết nhưng anh bị hỏng hàm răng. Chu Tử đã rời bệnh viện Cơ Đốc về nhà riêng. Anh định trong tháng này sẽ sang Nhật chữa răng để... ăn được nhai và giữ từ tình trạng... hút chất lỏng hiện tại. Chu Tử đi Nhật bằng phương tiện tự túc. Anh đã từ chối nhiều sự giúp đỡ vật chất của các nhân vật cao cấp trong nội các chiến tranh và quân đội. Chẳng hạn, từ chối lòng ưu ái của tướng Kỳ muốn đưa anh qua Phi Luật Tân chữa vết thương những hôm đầu sau khi bị mưu sát. Anh đã nghĩ, có lẽ vết thương do người «anh em quốc gia» gây ra, phải được chữa lành bằng tình thương của người quốc gia. Vết thương tâm hồn đó đã khỏi. Chu Tử không muốn nói... ngóng nên mới quyết định sang Nhật chữa răng và nhân thể, đáp lời mời của nhiều cơ quan văn hóa Nhật trước đây. Anh sẽ diễn thuyết tại nhiều nơi ở Nhật trong chuyến viễn du sắp tới này sau khi hết... ngóng. Hình ảnh Chu Tử đã xuất hiện trên vô tuyến truyền hình Nhật, nay mai, anh sẽ gửi tâm tình của nhà văn Việt Nam tới dân chúng Nhật bằng tiếng nói mới của anh.

● NGUYỄN MẠNH CÔN VIẾT CHÚC THƯ.

Đạo này, nhà văn Nguyễn Mạnh Côn sáng tác rất hăng. Sau truyện dự tri «*Giấc mơ của đá*» anh cảm thấy thêm sáng tác hơn cả bao giờ. Anh đã viết tiếp ngót 200 trang «*Lạc đường vào lịch sử*» cuốn thứ hai. Viết xong, đọc lại không vừa ý anh lại hủy bỏ và «*làm lại*». Người ta bảo những nhà văn lớn thường rất thận trọng việc viết lách. Quả không sai. Nguyễn Mạnh Côn và Thanh Tâm Tuyền đã gặp nhau ở điểm «*trung tâm của các nhà văn lớn*» rồi đó. Mới đây, kẻ ghi mục này qua thăm anh Côn. Anh cho biết anh đã bắt đầu viết chúc thư. Và viết xong chúc thư, anh sẽ chỉ sáng tác văn nghệ chứ không thêm viết chính trị nữa. Tuy thế, tác giả «*Hem tâm tình viết lịch sử*» lại nghĩ ý sắp lập một cái Đảng có chủ thuyết đảng hoàng. Thưa anh Côn, làm chính trị có khác viết chính trị không đấy?

● THỜI GIAN CỦA HOÀNG VĂN ĐỨC

Trong số các nhà văn tôi phục nhất anh Hoàng văn Đức về cách xử dụng thì giờ của anh. Buổi sáng từ 8 giờ tới 12 giờ 30 anh làm việc túi bụi tại phòng mạch bên Gò Vấp. Nhà văn... bác sĩ Đức muốn hủy bỏ cái thông lệ «*bác sĩ là chữ phải khó đọc*» nên anh đã, sau khi khám bệnh, chỉ thuốc, còn li hực dành mấy toa thuốc cho bệnh nhân, dặn cách dùng thuốc rất cẩn thận. Buổi chiều từ 4 giờ tới 6 giờ 30 lại túi bụi ở phòng mạch. Thế mà anh vẫn đọc, viết. Đọc nhiều viết nhiều hơn cả những anh em chuyên sống bằng ngòi bút. Chưa hết anh Hoàng văn Đức đọc

Kim Dung. Thấy hay quá, muốn đọc nguyên bản Hoa ngữ. Thế là anh tự học tiếng Tàu. Mấy tháng sau, anh đã đọc «Thiên Long Bát Bộ» ở báo Tàu rồi. Anh còn thừa quá nhiều thì giờ để bình luận chuyện chính trị và nghiên cứu các chủ thuyết mới của loài người. Dĩ nhiên cũng vẫn còn thừa thì giờ để cho các cháu vùi vãnh và chị Đức... nũng nịu anh. Vậy thì làm văn nghệ đâu có phải là cần thoát ly khỏi đời sống công thức cần sống thật trác táng mới viết lách được. Anh Hoàng Văn Đức đã chứng minh điều trên.

● PHÒNG VĂN DƯƠNG KIẾN

Tạp chí Văn, số 56, ở mục «Quét Săn Đình», ông Mồ Làng Tân Nhứt trong lúc viết bài «Nhân một bài báo của nhà văn Duyên Anh» đã khéo léo «kêu» Dương Kiến vào cuộc và mĩa mai bằng một giọng rất cay cú: «khi dịch văn, dịch cuốn *L'Etranger* của Albert Camus (Ngày Nay xuất bản, Sài Gòn, 1965) thì ta đã thấy là ông (Dương Kiến) thất bại hoàn toàn. Không cần đi sâu vào chi tiết, cứ nguyên cái việc ông Dương Kiến đem biến thiên truyện kể (récit) của Camus, bằng cách chặt câu xuống hàng lung tung, cũng đủ để cho, giả như Albert Camus có mặt được mà sống lại và giả như ông ta đọc được bản Việt dịch, cũng không còn tài nào nhận ra nổi tác phẩm của ông nữa rồi!»

Kể ghi mục này tới hỏi Dương Kiến:

— Cậu có trách tôi không? Họ không «đánh» tôi mà lại «cắn» cậu đau quá!

Dương Kiến không thèm trả lời nhưng Bùi Ngọc Dung nói:

— Ghen ăn đấy mà. Cùng dịch một cuốn, chạm chân mại không vò đâm ra cay cú! Lại còn xúi ông Khai Trí đem bản dịch của Dương Kiến đốt đi để xuất bản bản dịch của mình.

Bèn trở mặt:

— Ai đó?

Đáp gọn:

— Đây tớ của ông Khai Trí, chứ ai!

● TRẢ LỜI ÔNG NGUYỄN MINH HOÀNG

Tôi có thói quen, hề cần viết hay nói một chuyện đừng dẫn thuộc phạm vi văn nghệ với một người nào mà nhắc dích danh người đó, không bao giờ tôi dùng những bút hiệu khác ngoài bút hiệu Duyên Anh. Tôi cũng có thói quen, không thích nói chuyện với một người «nổi tiếng» như ông Nguyễn Minh Hoàng mà lại phải nói với bút hiệu «tập thể» của ông Mồ Làng Tân Nhứt. Sở dĩ, tôi biết người bảo tôi sai lầm trong bài báo của tôi đăng trong Văn Học số 56, là ông Nguyễn Minh Hoàng vì anh chủ nhiệm Văn Học tiết lộ rằng chính ông Trần Phong Giao nói nhỏ với anh đây mới tại quán Chùa.

Vậy thì, hôm nay, tôi được hân hạnh trả lời ông Nguyễn Minh Hoàng, một nhà văn chuyên môn dịch thuật một vài điểm :

1) Tôi không biết uống rượu và cũng không được cái hãnh diện quen một người cỡ ông Trần Thiện Đạo ở bên Pháp như ông Trần Phong Giao để được «nhận rượu ngon từ Pháp gửi qua» và để được nhận «sách bìa trắng có ghi traduit de... par...» Kề ra, quen một người cỡ ông Trần Thiện Đạo cũng hãnh diện thật đấy. Vì người được quen ông Trần Thiện Đạo, có thể, nhờ, những câu chuyện xứ người của ông ta mà ba hoa với dân xứ nhà đủ kiểu chuyện vĩ đại. Thí dụ chuyện «nhận rượu ngon từ Pháp gửi qua».

Tôi vẫn tự thú, tôi là một người «hưởng thụ» quá ít văn hóa Pháp ở học đường. Khi bắt đầu lên Trung học là tôi được hân hạnh học ngay chương trình Việt Nam. Và tôi học cũng không đến nơi đến chốn. Vậy chẳng thể có cái học uyên bác như ông Nguyễn Minh Hoàng hay ông Trần phong Giao. Với số chữ Pháp ăn đong, tôi được anh Nguyễn Mạnh Cồn dạy thêm để đọc ròng rã 5, 6 năm nay và cũng chỉ «dám» đọc những cuốn viết dễ hiểu và đọc những cuốn sách có bán ở Việt Nam. Tôi thấy những loại sách Livre de poche, Marabou, J'ai lu người ta không ghi tên dịch giả ở ngoài bìa. Cái tên nhà xuất bản Livre de poche, dịch ra tiếng Việt là « sách bỏ túi» nghe nó có vẻ rẻ rụp quá. Nhưng họ cũng dịch toàn những danh tác của các văn hào Nga, Ý, Anh, Mỹ... Tôi đã nói ở trên, tôi không có cái hãnh diện được quen ông Trần Thiện Đạo nên chưa biết loại sách trắng, loại sách hiếm hoi ở Việt Nam, chỉ có ông Trần phong Giao mới có vì ông ta quen ông Trần Thiện Đạo. Song tôi nghĩ, những dịch giả hữu danh như các công Trần Phong Giao, Nguyễn Minh Hoàng để gì đã vượt được mặt Henri Mongault, sao các ông không chịu « phục thiện » một chút mà phải nại loại sách trắng do ông Trần Thiện Đạo từ Tây gửi về để dành lẽ phải cho mình và bảo người khác sai lầm ? Hãy nói cái gì mọi người đều thấy, đừng bắt chước những người « vẽ mả vẽ quỷ » trong Cổ Học Tinh Hoa. Chưa chắc tôi đã «sợ» loại sách trắng. Vì những anh chưa có công việc lớn với văn học Việt Nam hay Pháp hay vân vân, chưa phải là «ca líp» bằng tác giả ngoại quốc, không có quyền để tên dịch giả ra bìa. Trừ phi André Maurois dịch « *Ngồi lại bên cầu* » của Trần Phong Giao !

2) Tôi đồng ý với ông Nguyễn Minh Hoàng về điểm ông nêu trường hợp Alexandre Vialatte và chỗ đề tặng câu «A Jean Paulhan, Hommage du traducteur» trong bản dịch *Le Procès*. Nhưng câu đề tặng của Alexandre Vialatte và chỗ đề tặng của nó khiêm tốn lắm. Nó không có cái kiểu «chơi ké» như ông Trần Phong Giao đề tặng Như Phong Lê Văn Tiến trong cuốn «*Sứ mệnh văn nghệ hiện đại*» do Giao Điem xuất bản lần thứ nhất. Hãy dỡ chỗ đề tặng ấy ra mà coi. Ông Trần Phong Giao, giám đốc cơ sở xuất bản Giao Điem đã trình bày tên ông ta với tên Albert Camus như thế nào.

Ông Nguyễn Minh Hoàng nghĩ sao ? Có *«xúc liệ»* không ?

3) Ông Nguyễn Minh Hoàng lo ngại vì bài báo của tôi, các dịch giả sẽ nản không muốn dịch nữa. Xin ông yên tâm. Trùng Thiên có dịch hay gấp mấy, sau này vẫn học chỉ viết về Võ Phiến. Người ta sẽ coi công trình dịch thuật của những Lê Huy Oanh, Mặc Đỗ, Hoàng Văn Đức, Vũ Hạnh, Thế Uyên vẫn vẫn như một thứ thuốc đánh bóng thêm sự nghiệp sáng tác văn chương nghệ thuật của họ. Vì trước hết họ là những người sáng tác. Dương Kiền có dịch dở đến nỗi bị xui đốt đi cũng chẳng sao, vì Dương Kiền còn gửi lại nhiều sáng tác của anh. Chỉ có những người không sáng tác nổi hay sáng tác không ra cái gì mới sợ một bài báo nhỏ mọn làm lung lay sự nghiệp dịch của mình.

DUYỄN ANH

★ NGOÀI NƯỚC :

● NHỮNG CUỐN TIỂU THUYẾT BÁN CHẠY TẠI HOA KỲ TRUNG TUẦN THÁNG 3-1966.

Trong số ra ngày 19 và 20.3-1966, tờ «*Nữ Ước Diễn Đàn*» đã liệt kê những tác phẩm tiểu thuyết sau đây, bán chạy nhất vào trung tuần tháng 3-1966 :

- 1.— *The Source* của James A. Michener.
- 2.— *The Double Image* của Helen Me Innes.
- 3.— *Those Who Love* của Irving Stone.
- 4.— *The Embezzler* của Louis Auchinloss.
- 5.— *The Billion Dollar Brain* của Len Deighton.
- 6.— *The Lockwood Concern* của John O'Hara.
- 7.— *Up the Down Staircase* của Bel Kaufman.
- 8.— *The Comedians* của Graham Greene.
- 9.— *The Magus* của John Fowles.
- 10.— *Thomas* của Shelley Mydans.

Ngoài ra, tờ «*Nữ Ước Diễn Đàn*» còn liệt kê 10 cuốn sách tổng quát khác cũng bán chạy nhất trong thời gian nói trên :

- 1.— *In Cold Blood* của Truman Capote.
- 2.— *A Thousand Days* của Arthur M. Schlesinger.
- 3.— *Games People Play* của Eric Berne.
- 4.— *The Proud Power* của Barbara W. Tuchman.

- 5.— *A Gift of Prophecy* của Ruth Montgomery.
- 6.— *The last 100 days* của John Toland.
- 7.— *Kennedy* của Theodore Sorensen.
- 8.— *Yes I Can* của Sammy Davis Jr.
- 9.— *A Gift of Joy* của Helen Hayes.
- 10.— *Is Paris Burning* của Larry Collins.

● KHUYNH HƯỚNG MỚI NHƯNG LỖI THỜI VỀ VĂN CHƯƠNG TẠI ĐẠI HỘI CỘNG ĐẢNG LIÊN SÔ KỶ THỨ 23 TẠI MẠC TỰ KHOA.

Những biên danh từ trên ngập 5,000 đại biểu qui tụ tại Mạc Tự Khoa để tham dự Đại Hội Cộng Đảng Liên Xô kỷ thứ 23, đã bế mạc ngày 11-4 vừa qua. Những bài diễn văn tràng giang đại hải và những quyết nghị tại Đại Hội đã không đưa ra một ý kiến nào mới mẻ cả.

Dĩ nhiên, đặc điểm của Đại Hội kéo dài 11 ngày chỉ là đề nhắc đi nhắc lại những trang dĩ vãng khi học thuyết chính thức được vạch ra và đường lối của đảng được thảo hoạch. Một số những lãnh tụ Cộng Đảng Liên Xô đã lên tiếng cảnh cáo rằng Liên Xô sẽ không cần phải cứu xét thêm hoặc giải thích thêm những thâm kịch và tội ác của thời đại Staline nữa. Họ than phiền rằng sự kiện này chỉ gieo thêm mối nghi ngờ và hoang mang về hành động của đảng đối với quần chúng, nhất là giới thanh niên Liên Xô.

Ông Bodyul, Đệ Nhất Bí Thư Cộng Đảng Moldavie (thuộc Liên Xô) đã lên tiếng đề nghị trước Đại Hội Cộng Đảng Liên Xô nên áp dụng những biện pháp « an ninh của đảng chặt chẽ hơn trong cuộc trao đổi văn hóa với các quốc gia tư bản và đối với những loại phim ảnh và sách vở văn chương nhập cảng ». Ông Bodyul cũng tỏ ý lo ngại về những sản phẩm văn chương tiểu thuyết tại quốc nội. Ông nói : « Mỗi người trong chúng ta đều được quyền viết văn — điều này rất thích hợp — nhưng đảng và những cơ quan của nhà nước đều có quyền tự do lựa chọn những tác phẩm nào thích hợp để ấn loát ».

Ngay sau khi hai nhà văn Liên Xô, Andrei Sinyavsky và Yuli Daniel bị nhà nước kết án khổ sai vì đã cho xuất bản tác phẩm tiểu thuyết một cách lén lút ra ngoài quốc, không ngoài mục đích chỉ trích chính quyền thì văn thư của Bodyul đã chứng tỏ không sai lầm tở nào cả.

Thông điệp đó đã được tăng cường bằng những báo cáo gửi sang Luân Đôn trong lúc Đại Hội đang nhóm họp. Thông điệp của Bodyul nói rõ rằng lại có thêm hai nhà văn Liên Xô là Ivan Svetlichny và Ivan Dzyuba—cả hai đều là những bình luận gia về văn chương ở Ukraine—đã bị bắt và một trong hai nhà văn này bị đưa đi lưu đày tại vùng Tây Bá Lợi Á.

Tuy nhiên, quyết nghị cuối cùng của Đại Hội Cộng Đảng Liên Xô kỳ thứ 23 năm nay tỏ ra ôn hòa hơn qua ngôn ngữ cho rằng đảng cần chú trọng đến vấn đề văn chương để hiểu rõ sự công kích liệt của các đảng viên Cộng sản tại những quốc gia không Cộng Sản về tội xét xử và kết án nặng nề hai nhà văn Sinyavsky và Daniel của nhà cầm quyền Liên Xô.

Ông Leonid Brezhnev, Đệ Nhất Bí Thư Trung Ương Cộng Đảng Liên Xô đã nêu ra ý kiến chống lại những quyết định độc đoán về những vấn đề văn nghệ, có thể có ý định nhượng bộ giới trí thức tại Liên Xô và khiếp sợ vì những bản án của các văn sĩ và đe dọa quyền tự do mà họ đã dành được sau thời đại Staline.

● GIA TÀI CỦA CỔ VĂN HÀO WILLIAM SOMERSET MAUGHAM ĐỂ LẠI CHO NGƯỜI CON NUÔI LÀ 50.000 ANH KIM VÀ NHỮNG KHOẢN LỢI TỨC KHÁC.

Hạ tuần tháng Giêng vừa qua, người ta được tin là cổ văn hào kiêm kịch tác gia Anh quốc, William Somerset Maugham, đã để lại gia tài 50.000 Anh kim (gần 15 triệu bạc Việt Nam) cho ông Alan Searle, con trai nuôi của cổ văn hào. Ngoài số tiền 50.000 Anh kim này, ông Alan Searle còn được hưởng một số lợi tức khác của Maugham.

Người ta được biết, nhà văn William Somerset Maugham từ trần hồi tháng 12 năm ngoái và hưởng thọ 91 tuổi. Sau khi Maugham chết đi, con nuôi Alan Searle được hưởng gia tài của biệt thự tại Riviera, thuộc duyên hải Pháp Quốc; nhưng ngôi biệt thự này dành cho ái nữ độc nhất của cổ văn hào là bà Glendover.

Ngoài ra, ông Alan Searle cũng còn được hưởng những lợi tức khác về các tác phẩm của cổ văn hào Maugham một khi đem cho tái bản. Trong trường hợp ông Alan Searle qua đời thì tài sản của cổ văn hào William Somerset Maugham sẽ được xung vào quỹ trợ giúp những nhà văn đứng tuổi tại Anh quốc. Trong những năm gần đây, các tác phẩm tiểu thuyết của cổ văn hào Maugham đã bán chạy rất nhiều và mang lại cho nhà văn khoảng 20.000 Anh kim trong một năm. Và lẽ dĩ nhiên số tiền này cũng dành cho ông Alan Searle, theo như lời trời trăng của văn hào Maugham lúc gần lìa đời.

● NỮ THI SĨ LIÊN Xô UNNA AKHMATOVA TỪ TRẦN

Ngày 5-3 vừa qua, nữ thi sĩ Liên Xô Unna Akhmatova, người từng lên án các cuộc thanh trừng trong giới văn nghệ sĩ Liên Xô dưới triều đại Staline đã từ trần tại thủ đô Mạc Tư Khoa, sau một thời gian bị bệnh trầm trọng. Bà hưởng thọ 75 tuổi.

Unna Akhmatova được coi như một nhà thơ có đầu óc mới trong lãnh vực nghệ thuật Liên Xô. Bà từng giữ nhiệm vụ hướng dẫn các nhà

văn trở tại St. Petersburg trước khi cách mạng vô sản bùng nổ tại Liên Xô.

Sau khi chồng bà bị hành quyết vì bị kết vào tội phản cách mạng năm 1920, bà Akhmatova ngưng hẳn việc sáng tác và xuất bản thi ca cho đến hồi Đệ Nhị Thế Chiến. Sau thời Đệ Nhị Thế Chiến, Unna Akhmatova chỉ sáng tác những bài thơ ca tụng lòng ái quốc của nhân dân Liên Xô. Từ năm 1950 đến 1952, bà Akhmatova không được nhà nước Liên Xô cho phép xuất bản thơ, nhất là loại thơ mà tay sai của Staline gọi là «thơ phản bội nhà nước Liên Xô». Khi nhà độc tài Staline qua đời, bà Unna Akhmatova được phục hồi chức vụ trong giới văn học và nghệ thuật Liên Xô, năm 1953. Và trong những năm sau cùng của cuộc đời, nữ thi sĩ Unna Akhmatova không ngừng lên tiếng đả kích chính quyền vì chính sách khắt khe của đảng cũng như của nhà nước nước đối với văn nghệ sĩ Liên Xô.

● NHÀ VĂN ANH C.S. FORESTER KHÔNG CÒN NỮA

Văn hào Anh quốc C.S. Forester, tác giả của những cuốn tiểu thuyết nói về các anh hùng trên đại dương, từ trần ngày 2-4 tại Fullerton, thuộc tiểu bang California. Ông hưởng thọ 66 tuổi.

Văn hào Forester từng bị bán thân bất toại cách đây 18 tháng và hạ tuần tháng 3 năm nay ông được đưa vào bệnh viện vì bệnh tái phát một cách nghiêm trọng. Vợ văn hào C.S. Forester thổ lộ: «Cái chết của nhà tôi đến thật bất thần. Tôi cũng không thể ngờ được». Văn hào C.S. Forester để lại 8 cuốn tiểu thuyết và rất nhiều truyện ngắn. Phần nhiều tiểu thuyết cũng như truyện ngắn của ông đều mô tả những anh hùng ngoài đại dương qua những cuộc hải chiến với hải tặc.

Tác phẩm đầu tiên của văn hào Forester dưới nhan đề *Payment Deferred*, được xuất bản năm 1925. Đây là câu chuyện của người bỏ trốn cùng với một gã giết người và cuối cùng gã giết người treo cổ chết. Một tác phẩm tiểu thuyết khác của Forester, dưới nhan đề *The African Queen*, được quay thành phim do tài tử Humphrey Bogart thủ vai chính và đã đoạt giải Oscar. Ngoài ra, văn hào C.S. Forester cũng viết nhiều về các danh nhân lịch sử như Joséphine, người tình của hoàng đế Nã Phá Luân, hân tước Nelson và vua Louis XIV, bằng một dụng văn thật chính xác khi ông dựa vào các biến cố lịch sử.

C.S. Forester sinh trưởng tại thủ đô Le Caire (Ai Cập)

Sau khi được tin nhà văn Forester qua đời, ông Frank Carr, giám đốc bảo tàng viện hàng hải tại Anh quốc, tuyên bố rằng các tác phẩm tiểu thuyết của Forester về biển cả rất giá trị và vĩnh cửu. Ông cũng ngờ ý rằng nhà văn Forester là người chuyên sưu tầm về đời sống thủy thủ trên biển cả, cũng như thập nhập tư tưởng trong các nhân vật tiểu thuyết của ông.

BÙI NGỌC DUNG

● PIERRE MENANTEAU : THƠ VÀ CÔNG VIỆC CỦA NGƯỜI TA

Được biết Hội Những Nhà Văn đã trao giải thưởng thi ca cho nhà giáo nhà Thơ Pierre MENANTEAU về toàn thể những tác phẩm của ông, chúng tôi xin ghi lại đây phần tóm lược bài nói chuyện của ông về đề tài *La Poésie Et Le Travail Humain*, trích trong tập *Notes et Documents* ra kỷ Đệ Nhất Tam cá nguyệt 1966 :

Nguồn gốc La tinh của chữ «Lao Công» dẫn chúng ta trở về cái máy dùng để kim hãm bò, ngựa để có thể đóng móng sắt cho chúng; đến thế kỷ thứ VI, danh từ ấy chỉ một dụng cụ dùng để tra tấn. «Lao công» trước hết có nghĩa là «hành hạ, làm cực, chịu đau, nhất là khi dùng để chỉ phụ nữ sắp sanh đẻ». Một nhà hải hước đã nói: «Loài người không phải sanh ra để làm việc, bằng chứng là công việc làm cho họ mệt nhọc». Nhưng đối với sự «ăn không ngồi rồi» thì sao? Phải chăng «nhàn cư» còn làm cho ta suy nhược hơn sự cố gắng? Dĩ nhiên chúng ta không lạ gì trên đời có nhiều công việc rất nặng nhọc, cả cho thể chất lẫn tinh thần; nhưng sao ta lại chẳng có thể kèm vào việc một tinh thần thoải mái và hoan hỉ? Phải chăng công việc trước kia và cho đến nay đã và vẫn còn là một đề tài cho thơ phú?

Thời Trung Cổ, những cậu bé bán hàng rong đều có lời rao hàng riêng biệt, thường được ít nhiều thi vị:

«Hành bỏ bán rế đây

«Một đồng năm sáu bó

«Bán nơi này, bán nơi họ,

«Cô ơi! Cô hãy quay lại đây!»

Trong nhiều thế kỷ trước đây, thi ca không chú ý nhiều đến thân phận của các lao công. Tuy người ta có miêu tả công việc trên những bức kính màu, bức điêu khắc trong các giáo đường, trong sách kinh nhật tụng nhưng ít khi người ta ca tụng nó.

Những đoạn văn am chỉ đến các hoạt động của loài người không

phải là không có trong kho tàng thơ phú của ta, nhưng ta phải tìm tòi, ta phải đọc nhiều mới kiếm ra được vài đoạn.

Xưa kia công việc thường làm theo nhịp ca hát; giữa thi ca và âm nhạc vẫn có sự liên quan thường xuyên.

Riêng đối với nước Pháp, người ta có thể thu thập được một tập thi tuyển về loại « lao công ca ».

Lẽ dĩ nhiên trong kho văn chương ta, không có gì có thể so sánh được với những tác phẩm vĩ đại của Hy Lạp hay La Mã như văn phẩm « Công Việc Và Ngày Tháng » của Hésiode hay « Nông Sự Ca » của Virgile.

Trong thế kỷ thứ XVII, chúng ta có một kho tàng văn chương vô giá là những tập thơ ngụ ngôn của La Fontaine; trong đó tác giả đã gom góp tất cả các trạng thái của người sống trên mặt đất từ người « tiêu phu đáng thương hại » cho đến chủ « con Chim sơn ca mẹ và đàn chim non với người điền chủ ».

Trong thế kỷ thứ XVIII, chúng ta đón chào những trang văn chương tuyệt tác của J.J. Rousseau và những bài thơ đầy cảm xúc của Lamartine.

Với sự xuất hiện của cơ giới, đời sống chức nghiệp đã tiến triển nhiều. Thi sĩ khó mà phản chiếu được thời hiện đại. Phải chăng vì còn chưa tìm thấy nguồn thi cảm cho công việc nhà máy, một công việc mới mẻ, dù ta có thể cho rằng công việc ấy có thể ca lên một cách vui vẻ.

Để kết thúc, chúng ta hãy đọc lại đoạn văn của Boileau, trong bài « Vận thư » (Epître) mà ông dùng để bêu-rếu cái mà ông gọi là « một gánh nặng vì không có gì làm cả ».

Chúng ta cũng hãy coi lại những vần thơ của Paul Eluard, một thi sĩ hiện đại; ông nghĩ rằng những đồng ruộng được trồng tía và những nhà máy, những mùa gặt hái và cuộc hái nho, bề cả và núi non đều là những động cơ có thể kết tụ mọi người, những người « đã được sinh ra để tìm hiểu nhau, thương yêu lẫn nhau »,

Nên có hay không nên có một nền « thi ca lao công » ? Những nhà Thơ Việt Nam nghĩ sao về quan niệm thi ca trên đây của Pierre MENANTEAU?

● GEORGES DUHAMEL ĐÃ KHUẤT

Chào đời tại Paris ngày 30 tháng 6 năm 1481 Năm 1903 theo học trường thuốc. *Des légendes, des batailles* là những bài thơ đầu tiên của ông, xuất hiện năm 1907. Năm 25 tuổi ông lấy vợ, bà Duhamel chính là nữ diễn viên Blanche Albane. Năm 1910 ông phụ trách mục thi ca trong tạp chí *Mercure de France*. Năm sau vở kịch đầu tiên của ông *La Lumière* được đưa lên sân khấu. Năm 1918 ông đoạt giải Goncourt với quyển *Civilisation*

Ông nói: «Nếu sự văn minh không có trong tâm hồn con người, thì nó sẽ không có ở một nơi nào khác».

La Confession de minuit là quyển đầu tiên của bộ trường thiên *Vie et Aventures de Salavin* xuất bản năm 1920.

Bốn năm sau quyển thứ hai trong bộ *Salavin* ra đời lấy tên *Deux hommes*. Cũng chính trong năm này, ông bỏ hẳn nghề thuốc.

Năm 1927 quyển thứ ba: *Le Journal de Salavin*.

Năm 1929 quyển thứ tư: *Le Club des Lyonnais*.

Năm 1933 quyển truyện thứ nhất *Le Notaire du Havre* của bộ trường thiên tiểu thuyết thứ hai *Chronique des Pasquier* ra đời. Ngay năm sau, hai quyển nhì và ba xuất bản cùng một lúc mang tên *Le Jardin des bêtes sauvages*. Và *Vue de la terre promise*. Những năm sau đó, bộ truyện *Pasquier* lần lượt được ấn hành mang những tên sau đây:

- *La Nuit de la Saint Jean* (1935)
- *Le Désert de Bièvres và les Maîtres* (1937)
- *Cécile parmi nous* (1938)
- *Le Combat contre les ombres* (1939)
- *Suzanne et les jeunes hommes* (1941)

Và sau cùng quyển *La Passion de Joseph Pasquier* ấn hành tại Montréal năm 1945 là quyển cuối của bộ trường thiên *Pasquier* của ông.

Trong những năm sau (1949-1956) Georges Duhamel lần lượt đi du thuyết ở Phi Châu, Nam Mỹ, Á Châu, Phần Lan và Nhật.

Với một sức làm việc không biết mệt và một óc sáng tạo liên hồi bắt tận từ năm 1950 cho đến 1960, Georges Duhamel đã lần lượt cho ấn hành:

- *Le Voyage de Patrice Périot* (1950)
- *Cri des profondeurs* (1951)
- *Les Espoirs et les Epreuves* (1953)
- *La Turquie Nouvelle et Refuges de la lecture* (1954)
- *L'Archange de l'aventure* (1955)
- *Le Complexe de Théophile* (1958)
- *Travail, ô mon seul repos* (1959)
- *Nouvelles du sombre empire* (1960)

Ông mất tại Valmondois ngày 13 tháng 4 năm 1966, thọ được 83 tuổi.

Nhân cái chết của Georges Duhamel, tuần báo Arts et Loisirs số 30 tuần lễ từ 20 đến 26/4/66 đã viết về Salavin một nhân vật chính trong bộ trường thiên *VIE ET AVENTURES DE SALAVIN* của ông rằng nếu Salavin có một hậu thân thì hậu thân đó có thể là Mersault trong quyển *L'étranger* (của Camus) hay là chàng Roquentin trong *La Nausée* (của J.P. Sartre) hoặc giả hoàn hảo hơn nữa có lẽ là ông K. trong *Procès* của Kafka.

Hãy đọc Georges Duhamel và nghĩ sao về nhận định này?

TRẦN LIÊN CHI

hộp thư **văn HỌC**

● **SÁNG TÁC KHÔNG ĐĂNG CỦA CÁC BẠN** : Phạm Việt Tiêu Sơn (Đà Nẵng) Hoàng Thân (Đà Nẵng) Hà thị nhược Tảo (Huế) Lê vĩ Đình, Nguyễn tịnh Đông (Huế) Bùi quang Tích (Đà Nẵng) Vũ đức sao Biền, Nguyễn phước Hải (Saigon) Minh Châu (Quảng Tín) Trần sơn Chi (Quảng Ngãi) Trần Uyên Từ, Trần đình Song Hoàng (Đà Nẵng) Thủy Tiên (Qui nhơn) Nguyễn bích Dương, Trần lữ Thanh (Saigon) Hoàng Thân, Nguyễn Nh. Ch (?) Nguyễn trước Lâm, Nhật Lưu, Nguyễn Trì (Đà Nẵng) Thu hoài Phương (Nha trang) Thanh thương Ca, LKD Như Dũng (KBC 3199) Đặng đức Côn (Phú Nhuận) Mai thục Phương, Nguyễn mạnh Song Ka (Qui nhơn). Cảm tạ và mong sáng tác khác thành công để góp mặt trên V.H.

● **ĐÃ ĐỌC CHỌN ĐĂNG** : Quan niệm về tự do của J. P. Sartre (Nguyễn nguyên Phương - Huế) Vùng tối (truyện dịch của Jherwood Anderson Nguyễn duy Ty - Hội an) Lời di chúc của chiến tranh (H.Đ.H.Q.) Ngày nhận việc ở câu lạc bộ hải quân, Tình cảm, Đời sống thép gai (Từ kế Tường - Saigon) Ngày tiễn đưa (Minh Dũng - Huế) Lời ngâm ngùi mùa thu, Vùng tuổi thơ, Thăng điên trong thành phố (Mạc Phụ - Vĩnh điện) Bài thơ của một thành phố đóng cửa, Chiều bên đường thiên lý (Ng-v-Bồn - Huế) Ngày trở lại căn nhà cũ (H.H.V. - Huế) Tiếng nói (Chu vương Miện - Pleiku) Viết thư cho Phương (Cung tích Biền - Đà Nẵng). Sẽ đăng trong những số tới. Chúc sáng tác đều đề gửi cho V.H. cảm tạ.

● **NHẮN TIN RIÊNG** : Anh Trần hữu Huy (Đà Nẵng) Thất lạc địa chỉ nên không có thư đến anh. Cần liên lạc đề lo việc Anh cho xong. Anh em V.H. mong Anh sẽ về Saigon để có hoàn cảnh sáng tác. Mong (K. T.).

— Anh Cung Tích Điền (?) Đã viết thư riêng đến Anh. Việc Anh nhờ tòa soạn đồng ý giúp Anh. Cho biết đề 'lò' gấp ý định của Anh Chức lập nhiều chiến công.

— Bạn Trần duy Vinh (Đà Nẵng) Đề nghị của Bạn, tòa soạn rất tiếc không còn những số báo đó để gửi đến Bạn. V.H. tập I hiện có bán tại các nhà sách Văn Hóa, Lam Sơn (Đà Nẵng) và Tân Hoa, Thượng Tứ (Huế). Thông cảm.

— Các Bạn Lê tương Ứng (Vĩnh Long) Trần đã Tường, Thái tú Hạp. Đang đọc bài của các Bạn. Sẽ trả lời trong số tới. Cảm tạ.

Anh Nguyễn văn Phụng (Quảng Ngãi) Toàn soạn chọn bài không đặt tiêu chuẩn phải có người giới bài mới được đăng. Tiêu chuẩn của V.H chọn bài cần kỹ thuật và ý hướng hợp với đường lối chủ trương V.H. Hy vọng sáng tác của Anh sẽ thành công để góp mặt cùng Anh em V.H. Thông cảm.

— Anh Nguyễn tử Lộc (GS Trưng Vương Saigon). Đã đọc bài dịch của Anh. Bài rất hay để đăng trong số chủ đề 10 năm tạp chí tháng tới. Mời Anh quá bộ ghé tòa soạn V.H. chúng tôi cần thảo luận cùng Anh một vài chi tiết trong bản dịch trên. Mong. (Ng-x-Hoàng)

— Anh Lê thanh Hải (Hội an) Mục đối thoại những số V.H. gần đây phải tạm ngưng vì KD không cho phép trình bày những sự thật của xã hội quá đau khổ và nhiều thủ đoạn. Hy vọng những vấn đề khác sẽ được trình bày trên phần đối thoại những số V.H. sắp tới. Mong Anh và một số bạn cứ gửi tiếp bài đối thoại cho V.H. Cảm tạ nhiều.

— Anh Nguyễn tấn Long (Huế) Rất tiếc bài biên khảo của Anh phải gác vì không hợp với chủ trương V.H. Mong sáng tác khác. Còn « người lính gác cầu » vì kỷ luật phải « giam » lại. Đừng buồn.

— Chị Nguyễn thị Hoàng tức Hoàng đông Phương (Nha trang?) Cầu liên lạc với chị về việc V.H. Mong tin chị đề liên lạc thư. (Ng x Hoàng).

● **VĂN HỌC TỪ 1 ĐẾN 58.**— Anh Nguyễn văn Bốn (Hội an) V.H. số 42, 43, 44, 45, 46, 51 còn. Gửi 80 đồng tem (đã tính cước phí) về V.H. tòa soạn sẽ gửi báo đến Anh. Đa tạ.

— Anh Nguyễn văn Ba (Long hải) sáng tác Anh vừa gửi phải gác vì kỹ thuật của bài. Đa gửi số 54 và 86 đến Anh.

— Anh Nguyễn văn Xuân (Cai Lậy) Đã gửi V.H. ra 53 đến Anh. Cảm tạ Anh đã «cò động» V.H. [mong Anh «cò động thường» xuyên] V.H. Đa tạ.

Đính-chính

Trong «Văn-Học số 57», bài «Vấn-đề Tư-tưởng và Tâm-linh trong Vũ-trụ» của Hoàng Văn-Đức :

- trang 45, giòng 13, thay vì «*dự*-kiện khoa-học», xin đọc là : «*dữ*-kiện khoa-học».
- trang 45, giòng 14, thay vì «*religiosité cosmiqui*», xin đọc là «*religiosité cosmique*».
- trang 46, giòng 10, thay vì «*đứng tách-rời và khỏi toàn-thể tách-rời khỏi số đông...*» xin đọc là «*đứng tách-rời khỏi Toàn-thể và tách-rời khỏi số đông*».
- trang 46, giòng 29, thay vì «*một tiềm-thức (pré-conscience)*», xin đọc là «*một tiền-thức...*».
- trang 47, giòng 5, thay vì «*một niềm đau-đớn sâu-xa ít ra khi gây trong tâm-hồn...*», xin đọc là «*một niềm đau-đớn sâu-xa ít khi...*».
- Trong V.H. số này trang 100 dòng 18 chữ *Marabou* xin sửa lại *Marabout*.

CÁC CHỨNG BỊNH VỀ TIM

Đau tim, lớn tim, yếu tim xây xâm choáng váng, mệt ngất, mất ngủ, đổ mồ hôi, hay giật mình, hoảng hốt, thần kinh bất an dùng

Thuốc Tim TÂM CHI BỬU (La-Vạn-Linh)

TRONG THỜI KỲ THAI NGHÉN

để bồi dưỡng cho quý Bà được khỏe khoắn, ngủ yên ; Ăn ngon và trị các chứng ợa mửa, mệt nhọc, bón thai trắng, đau lưng quý Bà

dùng thuốc : **DƯỠNG THAI CHI BỬU (La-Vạn-Linh)**
đến ngày sanh mau, em bé cứng mạnh (có bán ở các tiệm thuốc Bắc)

Tổng phát hành : số 532 Đồng Khánh CHOLON

(K.N. số 606.610-N. 18-12-62)

THỨC ĐÊM, ĐI XA,
LAO-LỰC NHIỀU.



**CỬU-
LONG
HOÀN**

VÕ-ĐÌNH-DÂN

K.N. 541-20.11.63

**BỘ-HUYẾT, DƯỠNG
TÂM, TRẮNG THẬN.**

TỔNG PHÁT-HÀNH : PHƯỚC-LINH, 110 BIS, KHÔNG-TỬ, CHOLON.

VĂN HỌC

TẬP CHI VĂN HOA NGHE THUẬT XÃ HỘI CHÍNH TRỊ
DIỄN DAN SINH VIÊN THANH NIÊN VIỆT NAM TỰ DO

BAN BIÊN TẬP

PHAN KIM THỊNH — DƯƠNG KIỀM — BUI NGỌC DUNG — NGUYỄN
XUÂN HOÀNG — ĐỖ TIẾN ĐỨC — HOÀNG VŨ — NGUYỄN ĐÌNH TOÀN
DƯƠNG NHẤT NHÂN — VIÊM ĐẦU — TRẦN TRIỆU LUẬT — VƯƠNG
TRẦN NAM — NGUYỄN TRỌNG VĂN — SÔNG THAI — LÊ VĨNH THỌ
PHÙNG KIM CHÚ — HUY GIANG — HÀ NGUYỄN THẠCH — ĐỖ NH
HOÀNG SA — NGUYỄN PHƯƠNG KHANH — TRẦN QUANG LONG
VƯƠNG THANH — HOÀNG NGỌC BIÊN — TẠ TRUNG SƠN
LUÂN HOÀN — NGUYỄN VĂN BỒN — LÊ TỬ THÀNH

Ngoài nước

LÊ VĂN PHONG (Tokyo-JAPAN) — PHAN CÔNG LUẬN (Quebec-CANADA)
NÔNG BẰNG GIANG (Tokyo-JAPAN) — LÊ THÀNH NGHIỆP (Chiba-JAPAN)
LÊ THỊ HÂN (Tokyo-JAPAN) — PHAN TRỌNG QUÝ (London-ANH)
NGUYỄN THANH HUY (Bonn-TÂY ĐỨC) — NGUYỄN LONG (Pari-PHÁP)
TRẦN VĂN TOÀN (Louvain-BỈ) — TRẦN QUÝ PHƯƠNG (Sydney-ÚC ĐẠI LỢI)

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA

L. M. CAO VĂN LUẬN

Nguyễn Viện Trưởng Đại Học Huế

L.M. BỬU DƯỠNG — THANH LĂNG — TRẦN THÁI ĐỈNH — STADTLER
HOÀNG VĂN ĐỨC — NGUYỄN HỮU DUNG — LÝ CHÁNH TRUNG
NGUYỄN NHƯ CƯƠNG — NGUYỄN VĂN TRUNG — M. PICLIN
TRẦN BÍCH LAN — VŨ KHẮC KHOAN — LÝ QUỐC SINH — LƯU
TRUNG KHẢO — NGUYỄN SỸ TẾ — ĐOÀN QUỐC SỸ — ĐÌNH HÙNG
NGUYỄN DUY CẦN — VŨ HOÀNG CHƯƠNG — NGUYỄN MANH CÔN
TRƯƠNG VĂN CHINH — VÕ PHIẾN — LINH BẢO — TRẦN VIỆT CHÂU
LÊ LINH — NGUYỄN SA — NGUYỄN THỊ VINH — VĨNH ĐỀ
THẾ VIÊN — DƯƠNG NGHIỆM MẬU — LÔI TAM — DUYỄN ANH
HẰNG GIAO — VIÊN LINH — NGUYỄN PHƯỚC — TRẦN THIÊN

Tòa soạn và Trị sự

61, Lê văn Duyệt, 61

Đ.T. :23.622-SAIGON

Chủ nhiệm — Chủ bút

PHAN KIM THỊNH

Thư ký Tòa soạn

NGUYỄN XUÂN HOÀNG